

CÔNG TY TNHH SX-TM TÂN CƯỜNG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT KHẨU
PHỤ LIỆU NGÀNH GIÀY DÉP CÁC LOẠI

Địa điểm: Lô đất XN1-1, KCN Lai Cách, Km49, Quốc Lộ 5, huyện Cẩm Giàng,
tỉnh Hải Dương (nay là Lô đất XN1-1, KCN Lai Cách, Km49, Quốc Lộ 5,
phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng)

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



Hải Phòng, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU	v
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	vii
MỞ ĐẦU	1
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3
1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH SX-TM Tân Cương.....	3
2. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	6
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	6
3.2.1. Quy trình Sản xuất đế giày thể thao, đế giày cao su	6
3.2.2. Quy trình sản xuất tấm eva.....	12
3.2.3. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	12
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	12
4.1. Khối lượng trong giai đoạn thi lắp đặt máy móc: 200 tấn.....	13
4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu trong giai đoạn vận hành	13
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	14
5.1. Các hạng mục công trình của dự án.....	14
5.2.1. Các hạng mục công trình chính	17
5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	17
5.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	18
5.3. Danh mục máy móc thiết bị của dự án.....	19
5.4. Tiến độ thực hiện dự án.....	21
5.5. Tổng vốn đầu tư	22
5.6. Nhu cầu về lao động và chế độ làm việc.....	22
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	23
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	23
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	24
Chương III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	32

Chương IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 33

1. *Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai lắp đặt thiết bị máy móc..... 33*
 - 1.1. *Đánh giá, dự báo các tác động 33*
 - 1.1.1. *Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải 33*
 - 1.1.2. *Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải 38*
 - 1.2. *Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện: 41*
2. *Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án vận hành 42*
 - 2.1. *Đánh giá, dự báo các tác động 42*
 - 2.1.1. *Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải 43*
 - 2.1.2. *Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải 54*
 - 2.2. *Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện 60*
 - 2.2.1. *Công trình, biện pháp xử lý nước thải 60*
 - 2.2.2. *Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải..... 68*
 - 2.2.3. *Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại ... 78*
 - 2.2.4. *Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung..... 82*
 - 2.2.5. *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành..... 82*
3. *Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường..... 89*
 - 3.1. *Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án 89*
 - 3.2. *Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục 90*
 - 3.3. *Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường 90*
 - 3.4. *Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT..... 91*
 - 3.5. *Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường 91*
4. *Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo 92*

Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 93

1. *Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 93*
2. *Nội dung đề nghị cấp phép khí thải..... 93*
3. *Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung..... 93*
4. *Quản lý chất thải..... 94*

Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 96

1. *Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư..... 96*

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	96
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	96
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	96
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	96
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	96
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	97
PHỤ LỤC	99

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BHLĐ	Bảo hộ lao động
BOD ₅	Nhu cầu oxy hoá sinh học (5 ngày)
BQL	Ban Quản lý
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hoá hoá học
HTXL	Hệ thống xử lý
KCN	Khu công nghiệp
KPH	Không phát hiện
NVL	Nguyên vật liệu
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QL	Quốc lộ
TCVN	Tiêu chuẩn quốc gia
TL	Tỉnh lộ
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng

DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 1.1. Quy mô công suất trong 1 năm sản xuất ổn định của dự án	6
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm hoạt động của dự án.....	13
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước, hóa chất sử dụng của dự án.....	14
Bảng 1.4. Các hạng mục công trình của dự án	14
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị chính phục vụ cho sản xuất	19
Bảng 2.1. Danh sách các Công ty đầu tư trong KCN Lai Cách	25
Bảng 2.2. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Lai Cách.....	28
Bảng 2.3. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của KCN Lai Cách	29
Bảng 3.1. Nguồn phát sinh chất thải và tác động môi trường	33
Bảng 3.2: Hệ số phát thải chất ô nhiễm của ô tô tải.....	34
Bảng 3.3: Nồng độ bụi và khí thải gia tăng từ hoạt động giao thông.....	35
Bảng 3.4: Tỷ trọng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn kim loại	36
Bảng 3.5: Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị tính cho 10 người	36
Bảng 3.6: Chất thải nguy hại dự kiến phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc	38
Bảng 3.7: Mức độ ồn tối đa của một số phương tiện và thiết bị	38
Bảng 3.8: Dự báo tiếng ồn tại các khu vực lân cận dự án.....	39
Bảng 3.9: Các tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người	40
Bảng 3.10. Tổng hợp các tác động môi trường từ hoạt động sản xuất	43
Bảng 3.11. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	44
Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành ổn định.....	44
Bảng 3.13. Các điều kiện tính toán của các phương tiện giao thông.....	47
Bảng 3.14. Tải lượng bụi tạm thời phát sinh do các phương tiện giao thông.....	47
Bảng 3.15. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông giai đoạn vận hành	47
Bảng 3.16. Kết quả tính toán lượng khí phát thải từ nồi hơi	51
Bảng 3.17. Lượng CTR phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định.....	52
Bảng 3.18. Lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định.....	53
Bảng 3.19. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện giao thông.....	54
Bảng 3.20. Tác hại của tiếng ồn đến người nghe	55
Bảng 3.21. Vị trí, kích thước bể phốt tại các khu nhà vệ sinh.....	62
Bảng 3.22: Số lượng điều hòa, quạt hút tại các vị trí của Công ty.....	69
Bảng 3.23. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý	71
Bảng 3.24. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	89

Bảng 3.25. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường	90
Bảng 3.26. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.....	90
Bảng 3.27. Kinh phí đầu tư các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	91
Bảng 3.28. Kinh phí vận hành các công trình BVMT	91

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án.....	5
Hình 1.2. Quy trình sản xuất đế giày thể thao	7
Hình 1.3. Quy trình Sản xuất đế lót xốp bằng Eva	9
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án	60
Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	61
Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa của dự án.....	68

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH SX- TM Tân Cương đã thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0801039231 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/9/2013, thay đổi lần thứ 7 ngày 15/7/2024. Công ty TNHH SX- TM Tân Cương chịu trách nhiệm thực hiện Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại.

Công ty TNHH SX-TM Tân Cương được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5428036567 chứng nhận lần đầu ngày 26/9/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 25/2/2014, chứng nhận thực hiện Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại tại lô XN1-1, KCN Lai Cách, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (*nay là phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng*) với quy mô:

- Sản xuất đế giày thể thao các loại: 3.600.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất đế lót xốp bằng Eva các loại: 3.600.000 sản phẩm/năm.

Năm 2014 dự án được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định 537/QĐ-UBND ngày 25/2/2014.

Năm 2015, dự án được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 47/GXN-STNMT ngày 18/3/2015.

Năm 2017, dự án được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tăng quy mô công suất của báo cáo ĐTM từ 7.200.000 sản phẩm/năm thành 13.200.000 sản phẩm/năm. Văn bản phê duyệt số 206/UBND-VP, ngày 03/02/2017.

Năm 2015, Công ty có điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 3 với nội dung điều chỉnh tăng quy mô công suất, cụ thể như sau:

- Công suất đã đăng ký đầu tư:
 - + Sản xuất đế giày thể thao các loại với quy mô 3.600.000 đôi sản phẩm/năm.
 - + Sản xuất đế lót xốp bằng Eva các loại với quy mô 3.600.000 đôi sản phẩm/năm.
- Công suất sau khi đăng ký thay đổi:
 - + Sản xuất đế giày thể thao các loại với quy mô 6.000.000 đôi sản phẩm/năm.
 - + Sản xuất đế lót xốp bằng Eva các loại với quy mô 3.600.000 đôi sản phẩm/năm.
 - + Sản xuất những sản phẩm từ cao su khác với quy mô 3.600.000 đôi sản phẩm/năm.
 - + Sản xuất tấm EVA các loại và những sản phẩm khác từ EVA với quy mô 6.000.000 tấm sản phẩm/năm.

Năm 2017, dự án được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tăng quy mô công

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

suất của báo cáo ĐTM từ 7.200.000 sản phẩm/năm thành 13.200.000 sản phẩm/năm.

Văn bản phê duyệt số 206/UBND-VP, ngày 03/02/2017.

Như vậy hồ sơ dự án thay đổi từ khi có báo cáo ĐTM đến năm 2017 công suất dự án là:

- + Sản xuất đế giày thể thao các loại: 6.000.000 Sản phẩm/năm.
- + Sản xuất đế lót xốp bằng Eva các loại: 7.200.000 Sản phẩm/năm.
- + Sản xuất tấm Eva các loại và những sản phẩm khác từ Eva: 3.600.000 Sản phẩm/năm.

- + Sản xuất những sản phẩm từ cao su khác: 3.600.000 Sản phẩm/năm.

Năm 2016 đến năm 2027, công ty có điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 4 (năm 2016), lần thứ 5 (năm 2017), lần thứ 6 (năm 2022), lần thứ 7 (năm 2024): nội dung điều chỉnh bao gồm thay đổi thông tin nhà đầu tư, người đại diện nhà đầu tư.

Dự án thuộc số thứ tự II.2, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ do vậy có tiêu chí tương đương dự án nhóm III. Theo khoản 1 Điều 39 và theo mục a khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình cơ quan quản lý Nhà nước về BVMT xem xét cấp Giấy phép môi trường.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH SX-TM Tân Cương tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại theo hướng dẫn tại phụ lục IX, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH SX -TM Tân Cường

- **Địa chỉ trụ sở chính:** Lô XN1-1, KCN Lai Cách, km 49 quốc lộ 5, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (*nay là phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng*).

- **Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:** Ông YE JING RONG
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- **Điện thoại:** 02203.555.368

- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0801039231 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/9/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/07/2024.

- **Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:** 5428036567 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/9/2013, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 7 ngày 5/8/2024.

2. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

- **Địa điểm thực hiện dự án:** Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại của Công ty TNHH SX -TM Tân Cường được thực hiện trên diện tích 16.846,3 m² thuộc lô XN1-1, KCN Lai Cách, km 49, quốc lộ 5, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (*nay là phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng*). Tọa độ các điểm góc khép kín của dự án (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°*):

Điểm góc	X(m)	Y(m)
M1	2316154.0255	579548.2273
M2	2316123.7122	579611.9892
M3	2315930.8482	579644.8869
M4	2315927.5863	579548.2273

Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

- + Phía Bắc giáp tuyến đường giao thông số 02 của KCN.
- + Phía Đông giáp khu dân cư thị trấn Lai Cách.
- + Phía Nam giáp Công ty bánh đậu xanh Bảo Long.
- + Phía Tây giáp Công ty TNHH bơm Ebara Việt Nam.

*** Mối tương quan của cơ sở với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội:**

- **Các đối tượng KT -XH:**

+ **Khu dân cư gần nhất:** Dự án cách khu dân cư thôn Cao Xá, phường Việt Hòa khoảng 500 m về phía Bắc. Giáp khu dân cư thị trấn Lai Cách về phía Đông.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

+ *Các công trình, đơn vị sản xuất xung quanh:* Dự án nằm trong KCN Lai Cách nên tiếp giáp với các doanh nghiệp vào đầu tư trong KCN Lai Cách.

+ *Các công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử:* Dự án nằm trong KCN Lai Cách nên trong khu vực dự án không có công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử. Dự án cách chùa Cao Xá khoảng 0,5 km về phía Bắc, cách chùa Tiền 100 m về phía Đông.

- *Các đối tượng tự nhiên:*

+ *Hệ thống giao thông:* Cách đường sắt Hà Nội - Hải Phòng khoảng 1,02 km về phía Bắc; cách QL5A khoảng 0,13 km về phía Nam; cách TL194B khoảng 200 m về phía Đông nên rất thuận lợi cho quá trình vận chuyển NVL và sản phẩm.

+ *Hệ thống kênh mương thoát nước:* Xung quanh dự án là hệ thống thu gom thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải của KCN Lai Cách. Ngoài ra, dự án cách kênh tiêu chính của trạm bơm Lai Cách A khoảng 0,5 km về phía Đông Nam.



Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

- **Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:**

- + Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng: BQL các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.
- + Cơ quan cấp Giấy phép môi trường: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):** Dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí phân loại của Luật Đầu tư công (dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công - tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng).

- **Quy mô của dự án (phân loại theo tiêu chí về môi trường):** Dự án thuộc số thứ tự II.2, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 do vậy có tiêu chí tương đương dự án nhóm III.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Bảng 1.1. Quy mô công suất trong 1 năm sản xuất ổn định của dự án

TT	Mục tiêu	Đơn vị	Số lượng Theo giấy chứng nhận đầu tư	Số lượng hiện tại
1	Sản xuất đế giày thể thao các loại	Sản phẩm/năm	6.000.000	6.000.000
2	Sản xuất đế lót xốp bằng Eva các loại	Sản phẩm/năm	7.200.000	7.200.000
3	Sản xuất tấm Eva các loại và những sản phẩm khác từ Eva	Sản phẩm/năm	3.600.000	0
4	Sản xuất những sản phẩm từ cao su khác	Sản phẩm/năm	3.600.000	0

Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường.

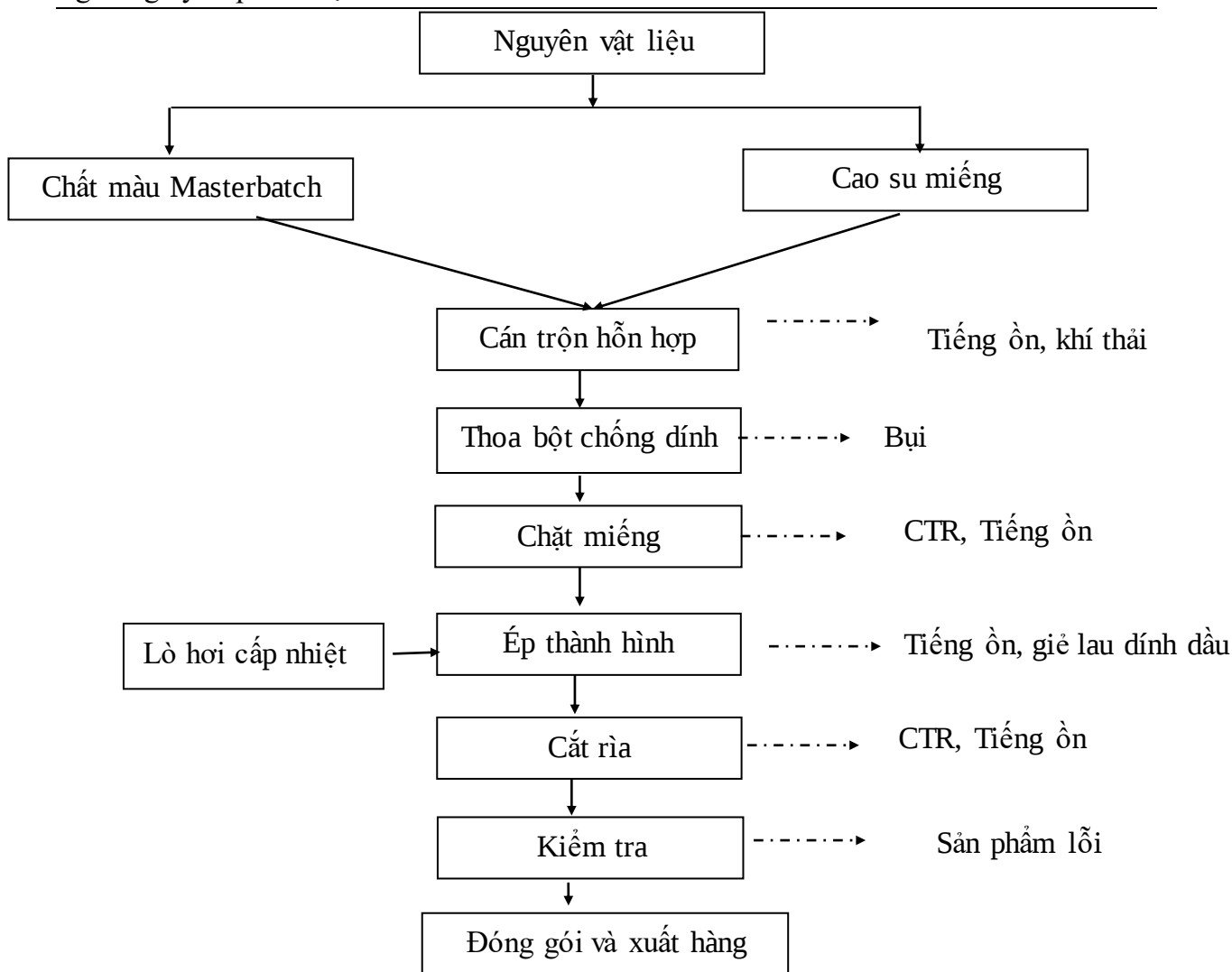
Ghi chú:

Sản xuất tấm Eva các loại và những sản phẩm khác từ Eva: tấm eva và đế giày lót xốp eva.

Sản xuất những sản phẩm từ cao su khác: đế giày cao su.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Quy trình Sản xuất đế giày thể thao, đế giày cao su



Hình 1.2. Quy trình sản xuất đế giày thể thao

*** Thuyết minh quy trình:**

Bước 1: Phối trộn nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất đế giày thể thao gồm cao su và màu các loại (nhựa polyme mang màu). Các nguyên liệu này dạng rắn được chứa trong bao túi và được cấp bằng cách đổ thủ công vào phễu chứa, sau đó qua cân định lượng theo đường ống vào trong máy cán.

Tại máy cán luyện, đầu tiên nguyên liệu ở trong buồng luyện được gia nhiệt bằng điện trở đến nhiệt độ khoảng 180°C và dưới tác dụng của nhiệt, cao su, hạt màu sẽ mềm dẻo quyện với nhau tạo thành hỗn hợp đồng nhất. Sau đó, nguyên liệu từ buồng luyện sẽ đi qua các quả lô bên trong có nước làm mát để cán thành tấm cao su dài. Sau đó, tấm cao su dài sẽ được nhúng trực tiếp vào trong bể nước để làm mát và cuối cùng qua máy cắt để cắt thành các tấm cao su ngắn hơn.

Do máy cán luyện hoàn toàn khép kín, đồng thời tấm cao su được làm mát ngay bằng nước trong quá trình cán nên hầu như chỉ làm phát sinh một lượng rất nhỏ mùi là các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC) ra môi trường. Nước làm mát trong quả lô không

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

bị lẫn các tạp chất, được đưa về tháp giải nhiệt rồi tuần hoàn trở lại qua lò để tái sử dụng. Nước làm mát trong bể vào cuối mỗi ca sản xuất sẽ được xả về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp để xử lý, sau đó tuần hoàn trở lại bể để tái sử dụng.

Do nguyên liệu ban đầu là cao su tổng hợp chưa đảm bảo độ bền, độ đàn hồi nên các tấm cao su cần phải được lưu hoá. Lưu hóa là quá trình phản ứng hóa học mà qua đó liên kết hoá học của cao su chuyển từ trạng thái mạch thẳng sang trạng thái không gian 3 chiều, làm cho cao su tăng độ đàn hồi và độ bền.

Tấm cao su và một số chất phụ gia (chất lưu hoá, chất tạo màu.. sẽ được đưa vào máy cán ép. Tại đây, nhờ các quả lô được gia nhiệt bằng điện trở đến nhiệt độ khoảng 120°C cán qua lại nhiều lần mà tấm cao su và các chất phụ gia tiếp xúc, xảy ra phản ứng hoá học tạo thành tấm cao su lưu hoá. Thời gian cán ép và để nguội tự nhiên tấm cao su lưu hoá trong máy cán ép là khoảng 60 phút. Cuối cùng, tấm cao su lưu hoá được lấy ra khỏi máy cán ép và nhúng trực tiếp vào trong bể nước để làm mát.

Quá trình lưu hoá cao su được thực hiện trong máy cán ép hoàn toàn khép kín, phản ứng lưu hoá không làm phát sinh các chất dạng khí, tấm cao su lưu hoá được để nguội trước khi lấy ra khỏi máy cán ép và đồng thời được làm mát ngay bằng nước nên hầu như chỉ làm phát sinh một lượng rất nhỏ mùi là các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC) ra môi trường. Nước làm mát trong không thải ra ngoài mà tuần hoàn trở lại bể để tái sử dụng.

Bước 2: thoa bột chống dính:

Sau khi cán bột xong sẽ đưa keo tấm đem thoa bột chống dính

Bước 3: chặt miếng

Các tấm cao su lưu hoá sau làm mát sẽ qua máy cắt để cắt thành các tấm cao su theo kích cỡ của đế giày. Trong quá trình cắt sẽ làm phát sinh các tấm cao su thừa, được thu gom và đưa vào máy nghiền để tái chế.

Bước 4: ép thành hình

Tiếp đó, các tấm cao su sẽ qua máy ép thủy lực đã được gá sẵn các khuôn mẫu để ép thành hình đế giày theo mẫu đặt hàng. Trong quá trình ép, khuôn của máy ép sẽ được làm nóng đến nhiệt độ khoảng 90°C bằng hơi nước được cấp từ nồi hơi. Cuối cùng, đế giày được lấy thủ công ra khỏi khuôn và để nguội tự nhiên.

Bước 5: Hoàn thiện sản phẩm đế giày

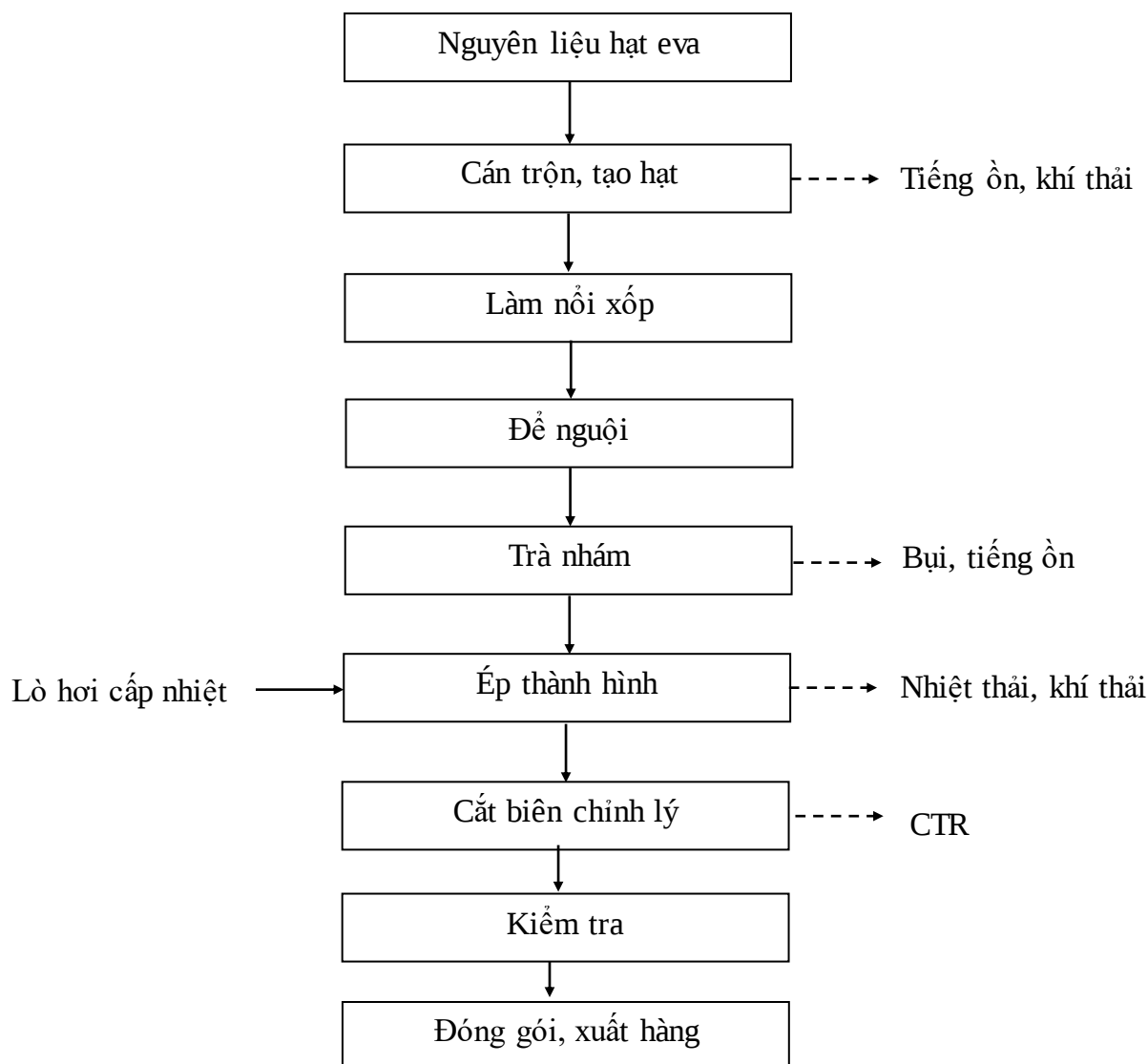
Tiến hành xử lý bề mặt của đế giày như cắt tia viền rìa xung quanh bằng máy cắt bavia. Trong quá trình cắt tia viền rìa đế giày sẽ làm phát sinh chi tiết thừa, được thu gom và quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Đế giày sau mài gọt cạnh hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra chất lượng bằng ngoại quan kết hợp các thiết bị (máy dò kim loại, máy kiểm tra độ biến dạng, máy kiểm tra độ mài mòn,...). Cuối cùng, sản phẩm đạt yêu cầu được đóng thùng và lưu kho chờ

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

ngày xuất hàng; sản phẩm không đạt yêu cầu được thu gom, quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3.2.2. Quy trình Sản xuất đế lót xốp bằng Eva



Hình 1.3. Quy trình Sản xuất đế lót xốp bằng Eva

*** Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu là các hạt EVA được qua máy cán trộn hỗn hợp để ra những nguyên liệu là dạng hạt hay dạng miếng. Sau đó hỗn hợp được đổ vào khuôn làm nổi phồng lên dạng xốp. Sau đó được để nguội tự nhiên và tiếp sẽ đưa đi trà nhám loại bỏ bavia.

Tiếp theo sẽ qua máy ép để lát xốp EVA thành hình ở 150oC.

Tiến hành xử lý bề mặt của đế giày như cắt tỉa viền rìa bằng máy cắt bavia. Trong quá trình cắt tỉa viền rìa đế giày sẽ làm phát sinh chi tiết thừa, được thu gom và quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

Để giấy sẽ được kiểm tra chất lượng bằng ngoại quan kết hợp các thiết bị. Cuối cùng, sản phẩm đạt yêu cầu được đóng thùng và lưu kho chờ ngày xuất hàng; sản phẩm không đạt yêu cầu được thu gom, quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

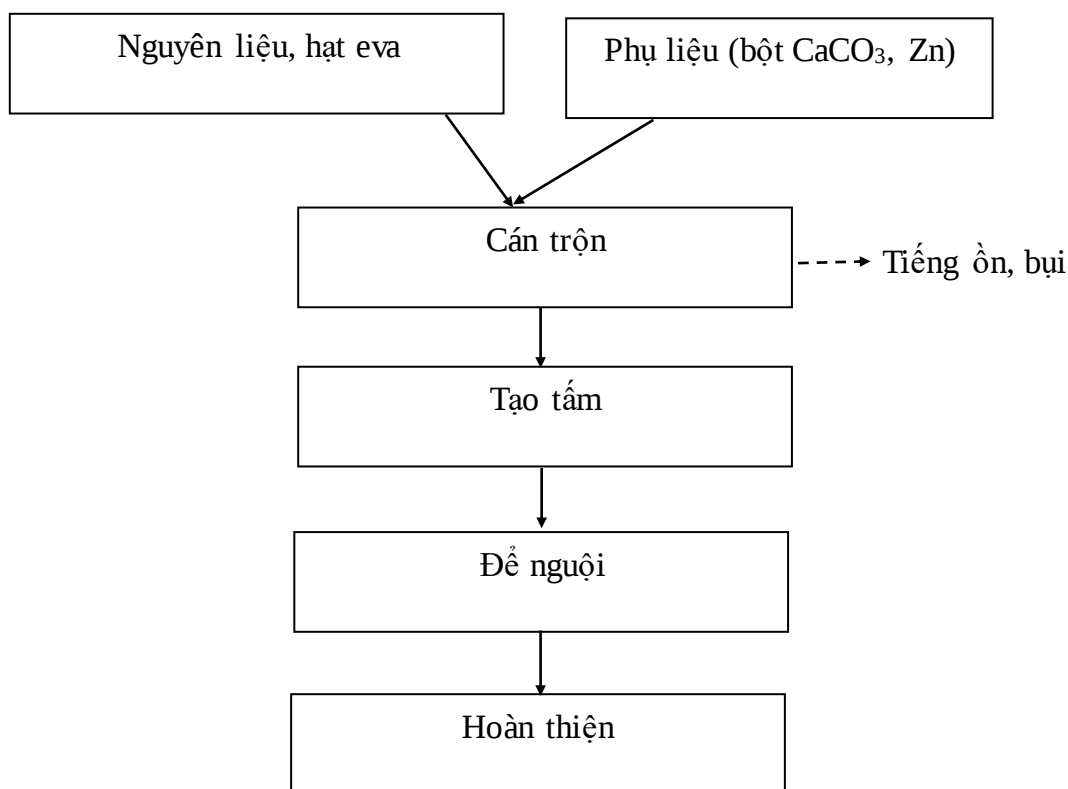
Hình ảnh:

	
Khu vực cán trộn	Khu vực tạo hạt khu cán trộn để eva
	
Hình ảnh về hệ thống làm lạnh nước trong quá trình làm mát	Máy ép định hình đế cao su tự động

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

	
Cắt bavia	Máy ép định hình đế giày eva
	
Khu vực mài đế giày	Khu vực thao bột chống dính

3.2.2. Quy trình sản xuất tấm eva



* Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu là các hạt eva và phụ gia (bột CaCO₃, Zn) được qua máy cán trộn hỗn hợp. Trong quá trình trộn các hạt eva sẽ vỡ ra tăng độ dẻo và trở thành hệ keo sẵn sàng trộn lẫn các chất phụ gia khác.

Sau quá trình trộn là quá trình cán tấm bằng máy cán tạo thành các tấm có độ dày mong muốn, đảm bảo độ đồng nhất.

Sau đó để nguội tự nhiên và đưa ra công đoạn trà nhám để tiến hành xử lý bề mặt của tấm eva như cắt tia viền rìa bằng máy cắt bavia. Trong quá trình này phát sinh chi tiết thừa, được thu gom và xử lý như chất thải rắn thông thường.

3.2.3. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Công nghệ sử dụng của dự án là công nghệ thường được sử dụng hiện tại của các nhà máy có loại hình tương tự trong nước. Các máy móc được lựa chọn trên cơ sở các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, về mặt bằng nhà xưởng và các tính năng kỹ thuật khác (tiết kiệm năng lượng...). Các máy móc này không thuộc danh mục máy móc phải kiểm định.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm của dự án là: đế giày thể thao, đế giày EVA, tấm EVA

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Khối lượng trong giai đoạn thi lắp đặt máy móc: 200 tấn

4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu trong giai đoạn vận hành

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm hoạt động của dự án

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng Khi hoạt động 100% công suất	Số lượng hiện tại	Nguồn gốc
1	Cao su miềng hỗn hợp	kg/năm	868.000	540.000	Đài Loan
2	Hạt nhựa Eva	kg/năm	868.000	540.000	
3	Hạt màu Masterbatch	kg/năm	173.600	108.000	
4	Bột chống dính	kg/năm	8.000	5.000	
8	Bao bì đóng gói	kg/năm	4.100	2.500	Việt Nam
9	Chất lưu hóa (lưu huỳnh bột, SiO ₂)	kg/năm	3.000	1.860	Trung Quốc
10	Phụ gia (oxit kẽm, bột CaCO ₃)	kg/năm	20.000	12.400	Trung Quốc

Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

❖ Đặc tính của một số loại nguyên vật liệu, hóa chất đầu vào:

- Cao su miềng hỗn hợp rất giống với cao su tự nhiên mặc dù một số tính chất vật lý và cơ học của nó kém hơn cao su tự nhiên như thiếu sức căng, độ giãn dài, khả năng phục hồi. Mặt khác, cao su hỗn hợp có giá thành thấp, sạch, đặc tính chịu nhiệt tốt hơn, độ mòn tốt hơn so với cao su tự nhiên. Do những thiếu sót này, có nhiều biến thể và pha trộn của cao su tự nhiên và cao su hỗn hợp. Cơ bản là tỷ lệ butadiene/styren, nhiệt độ trùng hợp và loại hóa chất được sử dụng trong quá trình trùng hợp. Các hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su SBR phải được pha chế đúng cách để đạt được sự cân bằng chính xác của các thuộc tính. SBR vượt trội so với cao su tự nhiên về một số tính chất xử lý của nó. Nó cũng có khả năng chống mài mòn tuyệt vời và khả năng chống dầu phanh thủy lực. Cao su hỗn hợp có nhiệt độ hoạt động tối đa 175oF (80oC). Ở nhiệt độ giảm dưới 0oF, các sản phẩm của cao su hỗn hợp linh hoạt hơn các sản phẩm được sản xuất từ cao su tự nhiên. Cao su butadien-styren có khả năng chống cháy kém và sẽ hỗ trợ đốt cháy.

- Nhựa EVA (Ethylene Vinyl Acetate Copolymer): Là hợp chất giữa Ethylene và Acetate. Loại hạt nhựa này được sản xuất bằng công đoạn áp suất sao với áp lực trên 2.500 atm. Nhựa EVA có độ dẻo dai, mềm mại khi ở nhiệt độ thấp; khả năng chịu

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

lực cao và không độc hại. Nếu so sánh với cao su thì nhựa EVA nhẹ hơn, trong hơn và không độc hại

- Masterbatch (MB) là phụ gia có dạng rắn dùng trong ngành sản xuất nhựa. Masterbatch được sử dụng để tạo màu cho nhựa (masterbatch màu) hoặc truyền các đặc tính khác cho nhựa (masterbatch phụ gia). Masterbatch là một hỗn hợp đậm đặc của các sắc tố và các chất phụ gia được gói gọn trong quá trình gia nhiệt thành nhựa mang sau đó được làm lạnh và cắt thành dạng hạt.

- Chất chống dính khuôn đế giày Diamondkote DKW-3688D là chất chống dính thoát khuôn bán vĩnh viễn gốc nước được thiết kế để giải phóng nhiều loại vật liệu đàn hồi, ví dụ: cao su thiên nhiên, SBR, NBR và hầu hết các loại cao su lưu hóa lưu huỳnh; dùng trong sản xuất giày cao su.

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước, hóa chất sử dụng của dự án

TT	Loại nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng Hiện tại	Nguồn cấp
1	Điện	KWh/tháng	100.000	KCN Lai Cách
2	Nước cấp sinh hoạt (*) (250 người)	m ³ /tháng	293	
3	Nước tưới cây, rửa đường	m ³ /tháng	25	
4	Nước bổ sung làm mát	m ³ /tháng	26	
5	Nước dự trữ cho PCCC	m ³	200	
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	Kg/năm	300	Việt Nam
7	Than cám	Tấn/năm	500	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

5.1. Các hạng mục công trình của dự án

Trên tổng diện tích của dự án 16.846,3 m², Công ty đầu tư xây dựng các hạng mục công trình chính, phụ và các hạng mục bảo vệ môi trường. Để đáp ứng được nhu cầu sản xuất thuận tiện hơn, công ty ngăn các xưởng thành các khu vực khác nhau, diện tích nhà xưởng, các hạng mục khác vẫn giữ nguyên diện tích.

Bảng 1.4. Các hạng mục công trình của dự án

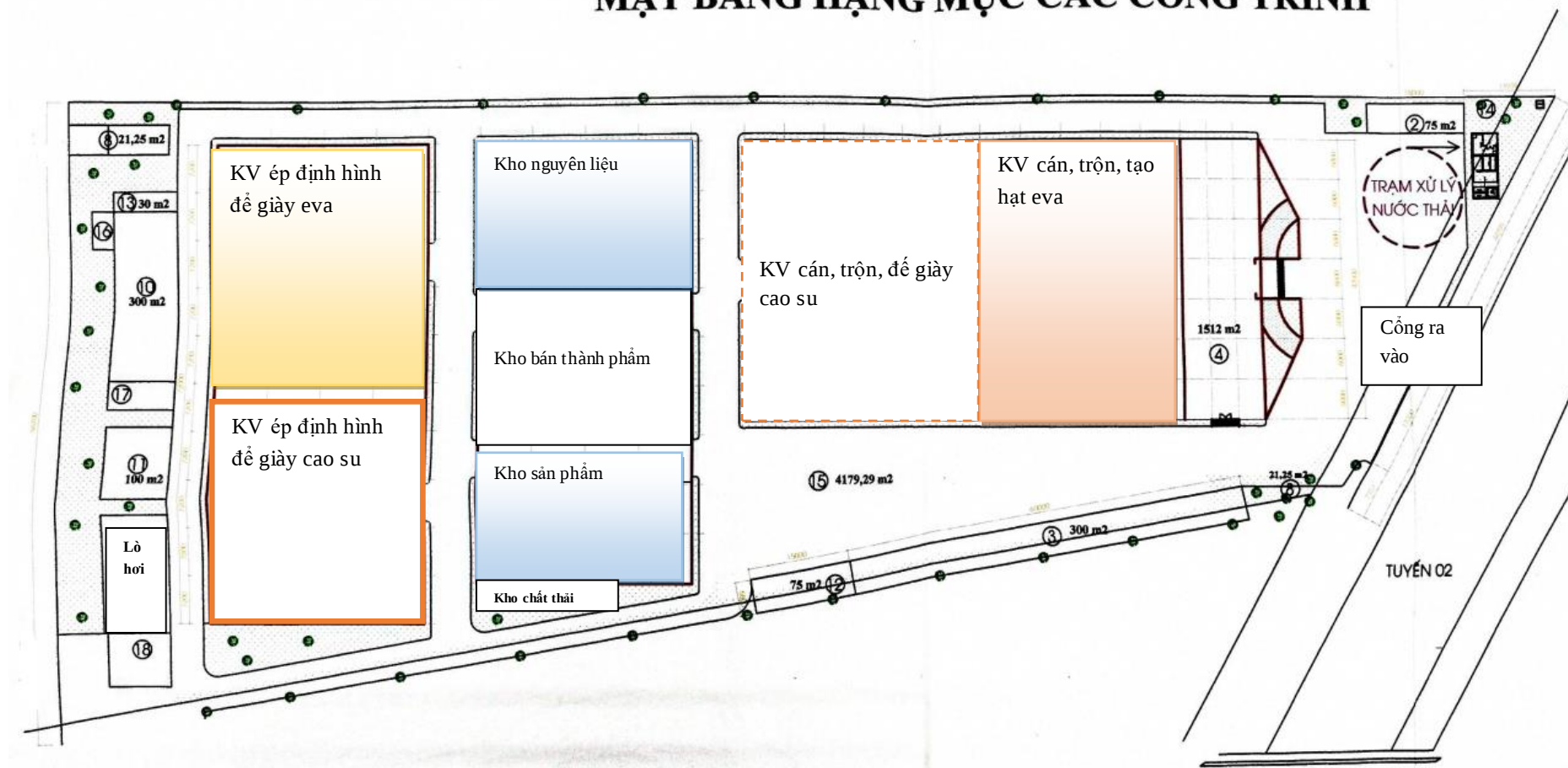
TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tỷ lệ (%)
I	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà xưởng sản xuất số 1	m ²	2772	16,45
2	Nhà xưởng sản xuất số 2	m ²	2304	13,6
II	Các hạng mục công trình phụ			

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tỷ lệ (%)
2	Văn phòng làm việc	m ²	1512	8,9
3	Nhà bảo vệ	m ²	23,72	0,1
4	Nhà ô tô	m ²	75	0,4
5	Nhà xe công nhân	m ²	300	1,7
6	Nhà kho 1	m ²	2112	12,5
7	Nhà kho 2	m ²	75	0,4
8	Phòng điện, trạm biến áp	m ²	42,5	0,25
9	Lò hơi	m ²	300	1,7
10	Nhà ăn ca	m ²	300	1,7
11	Khu vực bể nước	m ²	100	0,5
12	Nhà vệ sinh	m ²	30	0,1
13	Nhà tái chế	m ²	120	0,7
14	Sân đường giao thông nội bộ	m ²	3171,29	18,8
15	Cây xanh	m ²	3382	20
III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Khu xử lý nước thải	m ²	25	0,1
2	Kho chất thải rắn sản xuất	m ²	20	0,1
3	Kho chất thải nguy hại	m ²	20	0,1
4	Kho chất thải sinh hoạt	m ²	5	0,1
	Tổng	m²	16.846,3	100,00

Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

MẶT BẰNG HẠNG MỤC CÁC CÔNG TRÌNH



5.2.1. Các hạng mục công trình chính

* **Nhà xưởng:** xây 01 tầng. Kết cấu khung thép zamil, móng, sàn BTCT, tường xây gạch, mái lợp tôn sóng công nghiệp. Cửa ra vào là cửa cuốn nhôm, cửa cuốn tự động, cửa sổ là cửa chớp tôn. Trong xưởng bố trí các khu vực sản xuất, cán trộn, khu phụ trợ, ép định hình, cắt bvia,...

Nhà kho: xây 01 tầng. Kết cấu khung thép zamil, móng, sàn BTCT, tường xây gạch, mái lợp tôn sóng công nghiệp. Cửa ra vào là cửa cuốn nhôm, cửa cuốn tự động, cửa sổ là cửa chớp tôn.

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

* **Nhà văn phòng:**, xây 03 tầng, nối liền phía trước nhà xưởng sản xuất. Kết cấu móng BTCT, tường xây gạch, trát vữa xi măng, quét sơn, mái đổ bê tông, lát gạch ceramic; nền lát gạch ceramic; cửa chính, cửa sổ là cửa panô kính hoặc cửa kính khung nhôm. Trong nhà văn phòng bố trí khu vực lễ tân, khu vực văn phòng, phòng họp...

Ghi chú: Các hạng mục công trình khác như nhà bảo vệ, trạm điện... có kết cấu đơn giản.

* **Hệ thống giao thông:** Sân đường nội bộ được lu nền, hệ số $K = 0,9$. Kết cấu mặt đường bằng bê tông. Cụ thể như sau (theo chiều từ trên xuống):

- Nền bê tông hoàn thiện.
- Lớp bê tông đường dày 300, mác 250.
- Lớp cấp phối đá base bên trên dày 30 cm.
- Lớp cấp phối đá base bên dưới dày 20 cm.
- Đất tự nhiên đầm chặt.

* **Hệ thống cấp điện:**

Dự án sử dụng nguồn điện lấy từ lưới điện 35 kV của KCN. Công ty sử dụng trạm biến áp riêng công suất 1.000 KVA để phục vụ cho quá trình sản xuất và sinh hoạt. Hệ thống điện của toàn Nhà máy được chia làm 02 hệ thống riêng biệt cho sản xuất và sinh hoạt, toàn bộ hệ thống điện cấp cho sản xuất và sinh hoạt, chiếu sáng bên trong Nhà máy được đi bằng hệ thống cáp ngầm.

* **Hệ thống cấp nước:**

- **Cấp nước:** Nước cấp cho Nhà máy chủ yếu phục vụ vào mục đích sinh hoạt, PCCC, vệ sinh đường, tưới cây... Toàn bộ lượng nước này đều được lấy từ hệ thống cấp nước của KCN. Nước sạch qua đồng hồ đo và chảy vào bể chứa nước của Nhà máy và được bơm lên các bồn chứa nước inox cấp cho các khu vực sử dụng.

- **Phân phối nước:**

▪ Cho nhu cầu sinh hoạt: Nước sạch từ bể chứa nước phân phối tới các khu vực tiêu thụ nước như nhà bếp, nhà vệ sinh bằng mạng lưới đường ống thép mạ kẽm.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

Mạng lưới cấp nước bao gồm đường ống chính có kích thước HDPE D63 và ống nhánh phân phối có kích thước D40.

▪ Cho nhu cầu vệ sinh và tưới cây: Nước từ bể chứa được bơm vào hệ thống mạng lưới đường ống chính chạy xung quanh Nhà máy. Mạng lưới làm từ ống nhựa HDPE có đường kính D25. Trên mạng lưới có lắp đặt các van vòi D20 để lấy nước.

*** Hệ thống thông tin liên lạc:**

Gồm có trung tâm điện thoại, fax, e-mail, khu vực văn phòng và các bộ phận làm việc có số điện thoại riêng.

*** Hệ thống thông gió:**

Khu vực nhà văn phòng được lắp đặt điều hòa không khí. Nhà xưởng sản xuất được lắp đặt hệ thống điều hoà không khí nhằm tạo điều kiện môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV.

5.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

*** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa trên mái công trình: Nước mưa theo các ống dẫn PVC từ trên mái các công trình chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở phía dưới. Các ống dẫn PVC có đường kính D90

- Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mặt là hệ thống cống BTCT D400, D600, chiều dài 1000 m, độ dốc $i = 0,5\%$ được bố trí xung quanh các công trình để thu gom nước mưa trên mái và sân đường nội bộ. Trên hệ thống có bố trí 43 hố ga lắng cặn kích thước $6m \times 0,6m$; $0,8m \times 0,8m$; chiều sâu tùy từng vị trí. Nhà máy có 01 điểm đầu nối nước mưa ra hệ thống thu gom nước mưa của KCN Lai Cách. Tọa độ điểm đầu nối nước mưa của Nhà máy (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

$$X(m) = 2315671; Y(m) = 631727$$

*** Hệ thống thu gom, thoát nước thải:**

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Quy trình thu gom nước thải của dự án cụ thể như sau:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh khu văn phòng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ sau đó theo đường ống PVC D200, dài 215 m, độ dốc $i = 2\%$ tự chảy về HTXL nước thải công suất 40 m^3 /ngày đêm của Nhà máy. Trên hệ thống có bố trí 10 hố ga lắng cặn, kích thước $0,6m \times 0,6m$; $0,8m \times 0,8m$; chiều sâu tùy từng vị trí.

- Nước thải sau HTXL nước thải theo đường ống PVC D200, dài 20 m, độ dốc 2% tự chảy ra hố ga đầu nối của KCN Lai Cách. Nhà máy có 01 điểm đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của KCN Lai Cách. Tọa độ điểm đầu nối nước thải của Nhà máy (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

$$X(m) = 2315671; Y(m) = 631723$$

- Nước làm mát từ quá trình gia nhiệt được dẫn vào 02 tháp giải nhiệt (dung tích 4 m³) và sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

*** Công trình xử lý bụi, khí thải:**

Để đảm bảo môi trường làm việc trong quá trình sản xuất, nhà xưởng được thiết kế thông gió tự nhiên với hệ thống các cửa sổ thông thoáng xung quanh nhà xưởng kết hợp với các cửa chính. Ngoài ra, Công ty lắp đặt 1 hệ thống xử lý khí thải lò hơi, công suất 7.000 m³/h. Hệ thống thu gom và xử lý bụi tại công đoạn cán trộn, công suất 7.000 m³/h. Hệ thống thu gom và xử lý bụi tại khu vực mài đế, công suất 5.000 m³/h. Hệ thống thu gom và xử lý khí thải tại khu vực ép định hình, công suất 10.000 m³/h.

*** Các công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Chất thải sinh hoạt kho chứa 5 m²; chất thải rắn sản xuất được lưu trữ tại khu vực nhà tái chế và kho chứa 20m².

Chất thải nguy hại được chứa tại kho chất thải nguy hại có diện tích 20 m²

*** Các công trình bảo vệ môi trường khác:**

- **Hệ thống cây xanh:** Công ty trồng cây cảnh xung quanh nhà xưởng và phía trước Nhà máy, tạo một môi trường không gian xanh, sạch, đẹp. Diện tích cây xanh đảm bảo đúng quy hoạch được duyệt.

- Hệ thống PCCC:

Hệ thống PCCC thiết kế theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành, cụ thể như sau:

- + Tổng mặt bằng công trình, khoảng cách an toàn PCCC.
- + Bậc chịu lửa công trình; lối và đường thoát nạn.
- + Hệ thống cấp nước chữa cháy.
- + Hệ thống báo cháy tự động.
- + Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.
- + Hệ thống chống sét; phương tiện chữa cháy ban đầu.
- + Hệ thống điện cấp cho PCCC; thông gió, hút khói.

Sau khi các công trình xây dựng hoàn thành, Công ty tiến hành lắp đặt hệ thống PCCC và tiến hành thẩm duyệt, nghiệm thu các công trình theo đúng quy định của Nhà nước.

- **Hệ thống chống sét:** Để đảm bảo cho quá trình sản xuất được an toàn, liên tục và tránh thiệt hại về tài sản, con người do sét gây ra, tại nhà xưởng chính và các công trình phụ trợ đều có thiết kế hệ thống chống sét hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn TCVN 9385:2012 – *Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống*. Hệ thống chống sét bao gồm: bộ phận thu sét, bộ phận dẫn xuống, các loại mối nối, điểm kiểm tra đo đặc, bộ phận dây dẫn nối đất, bộ phận cực nối đất.

5.3. Danh mục máy móc thiết bị của dự án

Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị chính phục vụ cho sản xuất

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

TT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc	Năm sản xuất
I	Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất hiện tại (Hiện tại các máy vẫn hoạt động bình thường)				
1	Máy thử lưu hóa	Cái	1	Trung Quốc	2023
2	Máy thử sức căng	Cái	1	Trung Quốc	2023
3	Máy thử độ bền	Cái	1	Trung Quốc	2023
4	Máy thử biến vàng	Cái	1	Trung Quốc	2023
5	Máy thử độ nén	Cái	1	Trung Quốc	2023
6	Thùng so màu	Cái	1	Trung Quốc	2012
7	Cân tỷ trọng	Cái	1	Trung Quốc	2012
8	Máy cắt liệu	Cái	1	Trung Quốc	2012
9	Máy đo độ cứng	Cái	1	Trung Quốc	2012
10	Giá đo độ cứng	Cái	1	Trung Quốc	2012
11	Máy so màu	Cái	1	Trung Quốc	2012
12	Máy chống tĩnh điện	Cái	1	Trung Quốc	2012
13	Linh kiện	Cái	1	Trung Quốc	2012
14	Máy trộn cao su 16"	Cái	3	Trung Quốc	2012
15	Máy trộn cao su 14"	Cái	1	Trung Quốc	2012
16	Máy trộn cao su 10"	Cái	1	Trung Quốc	2012
17	Máy ép định hình	Cái	16	Trung Quốc	2012
18	Máy làm lạnh cao su tấm	Cái	1	Trung Quốc	2012
19	máy lọc nước	Cái	1	Trung Quốc	2012
20	Máy cắt sợi	Cái	1	Trung Quốc	2012
21	Máy chặt tự động	Cái	1	Trung Quốc	2012
22	Máy chặt	Cái	2	Trung Quốc	2012

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

TT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc	Năm sản xuất
23	Máy mài biên đế giày	Cái	8	Trung Quốc	2012
24	Máy ép xốp định	Cái	2	Trung Quốc	2012
25	Bang tài chính lý	Cái	2	Trung Quốc	2012
26	Máy phát điện	Cái	1	Trung Quốc	2012
27	Lò hơi	Cái	1	Trung Quốc	2012
II	Máy móc thiết bị lắp đặt thêm				
1	Máy ép định hình tự động	Hệ thống	2	Trung Quốc	2024
2	Máy ép định hình bán tự động	Hệ thống	4	Trung Quốc	2024
3	Máy trộn cao su	Cái	2	Trung Quốc	2024
4	Máy lưu hóa	Cái	1	Trung Quốc	2024
5	Máy chặt	Cái	2	Trung Quốc	2024
III	Máy móc thiết bị khác				
1	Máy tính	Bộ	18	Việt Nam	2012
2	Bàn ghế văn phòng	Bộ	10	Việt Nam	2012
3	Máy photo	Cái	02	Việt Nam	2012
4	Máy fax	Cái	02	Việt Nam	2012
5	Điện thoại bàn	Cái	10	Việt Nam	2012
6	Hệ thống chấm công	HT	01	Việt Nam	2012
7	Xe ô tô (4 chỗ)	Cái	01	Việt Nam	2012
8	Trạm biến áp công suất 1.000 kVA	Bộ	01	Việt Nam	2012

Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

5.4. Tiến độ thực hiện dự án

TT	Công việc thực hiện	Tiến độ thực hiện
3	Lắp đặt máy móc thiết bị	Trong tháng 2/2025

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

TT	Công việc thực hiện	Tiến độ thực hiện
4	Vận hành thử nghiệm	Tháng 3 – 9/2025
5	Vận hành chính thức	Tháng 10/2025

Nguồn: Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

5.5. Tổng vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của dự án là: 147.500.000.000 (*Một trăm bốn mươi bảy tỷ, năm trăm triệu*) đồng và tương đương 6.955.000 (*sáu triệu, chín trăm năm mươi năm nghìn*) đô la Mỹ, trong đó:

- Vốn đăng ký lần đầu ngày 26/9/2013: 84.000.000 đồng và tương đương 4.000.000 đô la Mỹ.

- Vốn đăng ký bổ sung ngày 25/2/2015: 32.000.000 đồng và tương đương 4.455.000 đô la Mỹ.

- Vốn đăng ký bổ sung ngày 26/10/2016: 94.000.000 đồng và tương đương 4.000.000 đô la Mỹ.

5.6. Nhu cầu về lao động và chế độ làm việc

- Số lượng Công nhân hiện tại là 250 người, lượng lao động cũng đã bao gồm công nhân học việc khi công ty đi vào sản xuất ổn định.

- Số ngày làm việc: 300 ngày/năm, 01 ca làm việc/ngày, 8 tiếng/ca.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

**** Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia và Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:***

Theo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 có nêu mục tiêu tổng quát là chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ đầu tư đã đưa ra các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nên việc đầu tư dự án là phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

Theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022, dự án có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

**** Sự phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương:***

Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023. Cụ thể: Dự án thuộc Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (Mục II.2, phần II, Phụ lục XX kèm theo Quyết định 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ). Trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bố trí khoảng 390 ha đất dành cho an ninh, tăng 144 ha so với hiện tại (Mục I.2, Phụ lục XVI).

Đối chiếu với những ngành nghề thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2024 – 2030 theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương thì dự án đầu tư của Công ty TNHH SX-TM Tân Cường không nằm trong danh mục các dự án hạn chế đầu tư giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

Như vậy với ngành nghề của dự án là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển đồng thời là một trong những ngành được định hướng phát triển trọng điểm của tỉnh Hải Dương.

Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại của Công ty TNHH SX-TM Tân Cương thực hiện tại lô đất XN1-1), KCN Lai Cách, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. KCN Lai Cách đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép môi trường số 2252/GPMT-UBND ngày 16/10/2023. Theo Giấy phép môi trường số 2252/GPMT-UBND đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/10/2023, các ngành nghề được thu hút đầu tư trong KCN Lai Cách bao gồm: (1) Công nghiệp điện, điện tử, điện lạnh; (2) Công nghiệp cơ khí, chế tạo máy nông nghiệp, chế tạo máy công nghiệp (công nghiệp cơ khí chính xác, sản xuất thiết bị phụ tùng, dụng cụ lắp ráp; sản xuất kết cấu thép, các sản phẩm kim loại khác); (3) Công nghiệp kỹ thuật cao (công nghệ sinh học; công nghiệp tự động hóa; công nghệ vật liệu mới); (4) Một số ngành công nghiệp nhẹ khác (công nghiệp chế bản, thiết kế mẫu mã; dụng cụ thể thao, văn phòng phẩm, đồ chơi trẻ em); (5) Sản xuất, lắp ráp linh kiện, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, các sản phẩm từ công nghệ mới, kỹ thuật cao (mã ngành: C26, C27); (6) Cơ khí chế tạo, sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, mô tô, ô tô, sản phẩm từ kim loại, mạ, đúc sẵn, nấu luyện kim loại (mã ngành: C24, C251, C259, C28, C29, C309, C33); (7) Các ngành sản xuất vật liệu mới công nghệ Nano; dệt, may mặc (không nhuộm); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (mã ngành: C13, C1410, 1430, C322, C323, C324, C325, C329); (8) Sản xuất, chế biến nông lâm sản, thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi (không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm) (mã ngành: C101, C102, C103, C104, C105, C107, C108, C11); (9) Nhóm dự án về chế biến gỗ; sản xuất giấy, bìa, bao bì từ giấy và bìa thành phẩm, các sản phẩm từ plastic (mã ngành: C16, C1702, C1709, C222); (10) Nhóm dự án về hoá chất, dược phẩm, mỹ phẩm, đồ gia dụng, sơn, in, thêu, nhãn mác, vật liệu xây dựng mới (bê tông nhẹ, gạch ngói không nung, tấm 3D panel, tấm lợp cách âm, cách điện), thiết bị nội thất, nhà bếp, phụ gia bê tông, hoá chất môi trường, vật liệu phủ, sản xuất, phân phối nhiên liệu (mã ngành: C18, C20 (trừ C20232), C21, C231, C2391, C2392, C2393, C31, D352, D353); (11) Vận chuyển và các công nghiệp hỗ trợ sản xuất; dịch vụ logistics, vận tải kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ khác; đầu tư xây dựng nhà xưởng xây sẵn và văn phòng để cho thuê, cung cấp các dịch vụ quản lý bất động sản (mã ngành: H5210, H5224, H5225, H5229, L68). Như vậy, loại hình sản xuất của dự án là hoàn

Như vậy, việc thực hiện Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại của Công ty TNHH SX-TM Tân Cương là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và định hướng của KCN Lai Cách nói riêng và phù hợp với quy hoạch phát triển KT - XH của tỉnh Hải Dương nói chung.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Đối với môi trường nước: Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải từ quá trình làm mát. Nước thải từ quá trình làm mát được tuần hoàn tái sử dụng, không

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

thải ra môi trường. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh, bếp ăn của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể phốt, bể tách mỡ sau đó được dẫn vào HTXL nước thải công suất 40 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Lai Cách và đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lai Cách. Công ty ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH Đại Dương để tiếp tục xử lý nước thải của dự án đảm bảo đạt QCCP trước khi thoát ra kênh tiêu chính trạm bơm Lai Cách A (do HTX DVNN thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương khai thác, vận hành) sau đó chảy ra sông Sắt.

- Đối với môi trường không khí: Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương từ năm 2015 đến năm 2023 thì nồng độ bụi, CO, SO₂, NO_x trong KCN Lai Cách đều nằm trong QCCP. Như vậy, KCN Lai Cách chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động Công ty TNHH SX-TM Tân Cương có các biện pháp xử lý nước thải, xử lý bụi, khí thải đảm bảo đạt QCCP trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Do vậy, tác động từ hoạt động của dự án tới môi trường xung quanh là không lớn.

*** Tình hình hoạt động của KCN Lai Cách:**

Công ty TNHH Đại Dương là chủ đầu tư hạ tầng KCN Lai Cách. Năm 2008, KCN Lai Cách được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 22/5/2008. Hiện tại, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong KCN cơ bản đã hoàn thiện, có 26 doanh nghiệp trong và ngoài nước đã đầu tư vào KCN (tỷ lệ lấp đầy của KCN đạt 55%), trong đó có 10 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Danh sách các Công ty đầu tư trong KCN Lai Cách

TT	Tên doanh nghiệp	Loại hình hoạt động	Tình hình hoạt động
1	Công ty TNHH Đại Dương	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Lai Cách, huyện Cẩm Giang	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH Ebara Hải Dương	Sản xuất máy bơm và các phụ kiện cho máy bơm; sản xuất, bảo hành máy bơm, van và các máy móc thiết bị liên quan; lắp đặt các loại máy...	Đang hoạt động
3	Công ty TNHH Ildong Vina	Sản xuất lưới thép; sản xuất xe đẩy tay và xe đẩy điện	Đang hoạt động
4	Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cương	Sản xuất phụ kiện giày dép	Đang hoạt động
5	Công ty TNHH Tongwei	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Đang hoạt động

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

TT	Tên doanh nghiệp	Loại hình hoạt động	Tình hình hoạt động
	Hải Dương		
6	Công ty cổ phần Việt Open	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Đang hoạt động
7	Công ty TNHH Donghwa ES Vina	Sản xuất linh kiện điện tử	Đang hoạt động
8	Công ty TNHH Bason Vina	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Đang hoạt động
9	Công ty TNHH Three Color Stone (Hải Dương)	Sản xuất sổ ghi chép, bì thư; file tài liệu; hộp quà tặng và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn	Chưa xây dựng
10	Công ty TNHH chế tạo Majestic Plywood	Sản xuất dây điện; đồ điện gia dụng; đầu kẹp nối dây điện; giảm sóc; linh phụ kiện; dây điện dùng cho ô tô xe máy, máy ép dây	Chưa hoạt động
11	Chi nhánh Công ty TNHH xây lắp và vật liệu công nghiệp	Gia công pha cắt, cán mỏng thép cuộn và ủ thép	Chưa hoạt động
12	Công ty TNHH MTV ống thép CIM	Sản xuất cấu kiện kim loại; buôn bán sắt thép; buôn bán kim loại và kim loại quặng, mua bán máy móc công nghiệp; sản xuất sắt, gang, thép	Chưa hoạt động
13	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tân Á Hưng Yên	Tổ hợp khu liên hợp văn phòng làm việc, thương mại dịch vụ, kho hàng, showroom giới thiệu sản phẩm...	Chưa hoạt động
14	Công ty TNHH EDV	Đầu tư xây dựng, hoàn thiện và khai thác kinh doanh nhà máy xử lý nước thải cho KCN Lai Cách	Đang hoạt động
15	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Geng	Sản xuất sản phẩm cơ khí	Chưa hoạt động

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

TT	Tên doanh nghiệp	Loại hình hoạt động	Tình hình hoạt động
	Yuan Việt Nam		
16	Công ty cổ phần BDF	Xây dựng nhà xưởng, văn phòng, nhà kho để cho thuê phục vụ sản xuất	Đang hoạt động
17	Công ty TNHH Taihee Vina	Sản xuất linh kiện điện tử	Chưa hoạt động
18	Công ty cổ phần Truegreen	Sản xuất các sản phẩm cơ khí từ thép; sản xuất nhôm kính, vách kính từ thanh nhôm và kính; sản xuất nội thất dùng cho dân dụng và văn phòng	Chưa xây dựng
19	Công ty TNHH Khoa Liên Việt Nam	Sản xuất, gia công, lắp ráp các sản phẩm, phụ kiện bằng nhựa, kim loại và sản phẩm trang trí cho ngành thủy sinh, vật nuôi	Chưa xây dựng
20	Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và phát triển Thịnh Phát	Sản xuất nhôm, cấu kiện kim loại, sản phẩm nhôm tĩnh điện	Chưa xây dựng
21	Công ty TNHH dụng cụ công nghiệp Kangtai	Sản xuất, gia công dao từ thép tấm và hạt nhựa nguyên sinh	Chưa xây dựng
22	Công ty TNHH công nghệ Kenvox (Việt Nam)	Sản xuất, gia công, lắp ráp linh kiện, thiết bị điện tử; sản xuất, gia công, lắp ráp thành phẩm, bán thành phẩm sản phẩm điện tử	Chưa xây dựng
23	Công ty TNHH công nghệ Kenvox (Việt Nam)	Sản xuất, gia công, lắp ráp các sản phẩm từ nhựa, nhựa silicone; sản xuất các linh kiện, sản phẩm từ kim loại; sản xuất, gia công, lắp ráp các thiết bị, sản phẩm điện tử	Chưa xây dựng
24	Công ty TNHH quốc tế Hang Leiching	Sản xuất, gia công, lắp ráp các sản phẩm linh kiện nhựa; sản xuất các sản phẩm từ kim loại; sản xuất gia công lắp ráp	Chưa xây dựng

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

TT	Tên doanh nghiệp	Loại hình hoạt động	Tình hình hoạt động
		các thiết bị, sản phẩm điện tử	
25	Công ty TNHH nội thất Guo Hao Việt Nam	Sản xuất nội thất	Chưa xây dựng
26	Công ty TNHH công nghiệp Ren (Việt Nam)	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại; các sản phẩm từ nhựa, silicone dùng trong sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	Chưa xây dựng

- Đối với công tác bảo vệ môi trường: Hiện nay KCN đã có các phương án xử lý, quản lý chất thải như sau:

+ Đối với khí thải: Các nhà máy sản xuất nằm trong KCN phải tự thực hiện các biện pháp xử lý khí thải, bụi do ngành nghề sản xuất phát sinh ra. Các biện pháp thu gom và hệ thống xử lý phải đảm bảo nồng độ các khí thải và bụi trước khi thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn hiện hành.

+ Đối với nước thải: KCN Lai Cách đã đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày đêm và đang hoạt động ổn định với công suất 150 m³/ngày đêm (đạt khoảng 15% công suất thiết kế). Nước thải của các doanh nghiệp trong KCN Lai Cách đều phải tự xử lý đạt mức cam kết với KCN, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lai Cách.

Bảng 2.2. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Lai Cách

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (theo thiết kế của hệ thống)
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5-9
3	Màu	Pt/Co	-
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	100
5	COD	mg/l	400
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Asen	mg/l	0,5
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	1
10	Cadimi	mg/l	0,5
11	Crom (VI)	mg/l	0,5
12	Crom (III)	mg/l	2
13	Đồng	mg/l	5
14	Kẽm	mg/l	5

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (theo thiết kế của hệ thống)
15	Niken	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	5
17	Sắt	mg/l	10
18	Tổng xianua	mg/l	0,2
19	Tổng phenol	mg/l	1
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	-
22	Clo dư	mg/l	2
23	Tổng PCB	mg/l	0,05
24	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	-
25	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	-
26	Sunfua	mg/l	1
27	Florua	mg/l	5
28	Clorua	mg/l	1.000
29	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
30	Tổng nitơ	mg/l	60
31	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	8
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	-
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	-

Nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt mức A của QCVN 40:2011/BTNMT sau đó thoát ra kênh tiêu chính trạm bơm Lai Cách A. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của KCN Lai Cách ngày như sau:

Bảng 2.3. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của KCN Lai Cách

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích (Nt)	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A $C_{\max}(K_q = 0,9;$ $K_f = 1,0)$
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	22,6	40
2	Màu	mg/l	10	50
3	pH	mg/l	7,0	6-9
4	TSS	mg/l	KPH	45
5	COD	mg/l	<9	67,5

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích (Nt)	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A $C_{\max}(K_q = 0,9;$ $K_f = 1,0)$
6	BOD ₅	mg/l	KPH	27
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	<0,08	4,5
8	N _{tổng}	mg/l	<3,6	18
9	P _{tổng}	mg/l	<0,15	3,6
10	S ²⁻	mg/l	<0,04	0,18
11	Cl ⁻	mg/l	14	450
12	Clo dư	mg/l	<0,2	0,9
13	F ⁻	mg/l	0,58	4,5
14	CN ⁻	mg/l	KPH	0,063
15	Fe	mg/l	<0,1	0,9
16	Zn	mg/l	0,05	2,7
17	Cr (VI)	mg/l	KPH	0,045
18	Cr (III)	mg/l	KPH	0,18
19	Cu	mg/l	KPH	1,8
20	Pb	mg/l	KPH	0,09
21	Cd	mg/l	KPH	0,045
22	As	mg/l	KPH	0,045
23	Hg	mg/l	KPH	0,0045
24	Mn	mg/l	KPH	0,45
25	Ni	mg/l	KPH	0,18
26	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	<1,0	4,5
27	Phenol	mg/l	<0,003	0,09
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	KPH	0,1
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	KPH	1,0
30	Tổng PCB	mg/l	KPH	0,0027
31	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	KPH	0,27
32	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	KPH	0,045
33	Coliform	MPN/100ml	<3	3.000

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

+ Đối với chất thải: Chất thải phát sinh của các Công ty hoạt động trong KCN được các Công ty tự lưu giữ và hợp đồng thuê các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án được triển khai tại lô XN1-1, KCN Lai Cách, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Theo khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì đối với các dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không phải thực hiện việc đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án. Do vậy, báo cáo sẽ không thực hiện việc đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tính đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp phép môi trường công ty chưa lắp đặt xong thiết bị máy móc cho phần sản xuất các sản phẩm cao su và eva. Do vậy trong báo cáo đánh giá tác động 2 giai đoạn chính:

- Giai đoạn lắp đặt thiết bị máy móc
- Giai đoạn hoạt động ổn định

1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai lắp đặt thiết bị máy móc

Thiết bị máy móc vận chuyển về khối lượng ít, lắp đặt tại nhà xưởng khu vực cán, trộn và khu vực ép định hình. Thời gian lắp đặt nhanh khoảng 10 ngày, do vậy công ty bố trí hợp lý lịch sản xuất, không ảnh hưởng nhiều đến tiến độ sản xuất và công nhân.

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Bảng 3.1. Nguồn phát sinh chất thải và tác động môi trường

Nguồn phát sinh	Chất ô nhiễm	Tác động môi trường
Hoạt động giao thông của các phương tiện vận chuyển	- Bụi, CO, CO ₂ , NO _x , SO ₂ , HC... - Tiếng ồn, độ rung	- Môi trường không khí - Môi trường nước - Môi trường đất - An toàn lao động - Sức khỏe người lao động và người dân khu vực xung quanh
Quá trình thi công cải tạo tại nhà xưởng	- Bụi, khí thải của các phương tiện thi công - Khí thải từ quá trình hàn - Tiếng ồn, độ rung	
Quá trình lắp đặt máy móc thiết bị	- CTR: Vật liệu thừa, vỏ thùng chứa máy, nilon bọc máy... - CTNH: Giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải	
Hoạt động sinh hoạt của công nhân lắp đặt máy móc thiết bị	- Nước thải sinh hoạt - Chất thải rắn sinh hoạt	
Mưa	- Nước mưa chảy tràn - CTR cuốn theo	

1.1.1. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

a. Nguồn gây tác động tới môi trường không khí

* Bụi, khí thải do quá trình vận chuyển máy móc thiết bị sản xuất của Dự án

Hoạt động vận chuyển máy móc thiết bị nhằm phục vụ giai đoạn vận hành ổn định của dự án chủ yếu phát sinh bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển.

Khối lượng máy móc mà dự án lắp đặt ước tính là 30 tấn. Giả thiết dự án chọn phương tiện vận chuyển là xe có trọng tải 15 tấn, thì chỉ cần 2 chuyến xe để vận chuyển lượng máy móc, thiết bị trên, quãng đường vận chuyển khoảng 30 km/lượt từ cảng Quốc tế Hải Phòng về khu vực dự án.

Quá trình vận chuyển máy móc thiết bị ước tính sẽ được tiến hành trong thời gian 2 ngày. Như vậy, mỗi ngày có tối đa khoảng 3 xe ra vào Dự án.

Tải lượng, nồng độ bụi và các chất ô nhiễm được tính toán theo mô hình khuếch tán nguồn đường dựa trên định mức thải của Tổ chức Y tế thế giới WHO đối với các xe vận tải dùng xăng dầu như sau:

$$C = 0,8E \frac{\left\{ \exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right] \right\}}{\sigma_z u}$$

(Nguồn: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật).

Trong đó:

$\sigma_z = 0,53x^{0,73}$ là hệ số khuếch tán của khí quyển theo phương thẳng đứng;

C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³);

E: Lưu lượng nguồn thải (mg/s); E = Số xe/giờ × Hệ số ô nhiễm/1000km × 1h;

z: độ cao điểm tính (m);

u: tốc độ gió trung bình thời vuông góc với nguồn đường (m/s);

h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m).

Chọn điều kiện tính:

+ Chiều dài cung đường : 30 km

+ z (chiều cao hít thở) : 1,5m

+ x (khoảng cách đến lòng đường) : 1,5m

+ h (chiều cao mặt đường so với mặt đất xung quanh): 0,3m

+ u (tốc độ gió trung bình khi xe tải di chuyển): 2,5 m/s

+ Mật độ xe : 3 xe/h

+ Hệ số khuếch tán $\sigma_z = 0,53x^{0,73}$: = 0,713

Bảng 3.2: Hệ số phát thải chất ô nhiễm của ô tô tải

Các loại xe	Khoảng cách đi chuyển	Bụi lơ lửng(TSP) (kg)	SO ₂ (kg)	NO _x (kg)	CO (kg)	VOC (kg)
Hệ số ô nhiễm trung bình*	1000 km	0,9	4,29.S	11,8	6,0	2,6

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

* Hệ số ô nhiễm không khí đối với các loại xe. Nguồn: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, áp dụng chung cho các loại xe có tải trọng $3,5 \div 16$ tấn.

+ S là tỉ lệ % S trong dầu DO, S thực tế = 0,05%

Thay các thông số vào công thức trên tính được nồng độ của các khí thải gia tăng trên đường vận chuyển máy móc thiết bị do phương tiện giao thông.

Bảng 3.3: Nồng độ bụi và khí thải gia tăng từ hoạt động giao thông

TT	Chỉ tiêu	Hệ số ô nhiễm (kg/120km)	E (mg/m.s)	Nồng độ gia tăng các chất ô nhiễm C (mg/m ³)	QCVN 05:20123/ BTNMT
1	Bụi lơ lửng (TSP)	0,324	0,324	0,6	0,3
2	Khí SO ₂	0,072	0,072	0,13	0,35
3	Khí NO ₂	4,248	4,248	7,93	0,2
4	Khí CO	2,16	2,16	4	30

Từ kết quả tính toán bảng trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm từ hoạt động giao thông vận chuyển máy móc của dự án có 02 chỉ tiêu vượt quy chuẩn so sánh. Cụ thể: Bụi TSP vượt 2,4 lần, khí NO₂ vượt 39,7 lần. Chỉ có khí CO, SO₂ là nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT.

(*QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ).

* Khí thải từ công đoạn hàn của quá trình lắp đặt máy móc thiết bị

Trong quá trình lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất một số hoạt động sẽ phát sinh bụi và khí thải độc hại, đặc biệt là từ quá trình hàn để kết nối các kết cấu với nhau. Bụi khói hàn là bụi keo nhỏ mịn được hình thành khi hợp kim bị nung nóng. Thành phần khói hàn là oxit Sắt, các hạt thường có kích thước 0,01-1µm. Ngoài ra, các loại hóa chất trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất độc hại có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động.

Khi hàn, những loại hóa chất chứa trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa chất độc hại như: CO, NO_x,... có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động. Căn cứ theo “Phạm Ngọc Đăng – Giáo trình môi trường không khí” tải lượng khí thải độc hại phát thải trong quá trình hàn điện các vật liệu kim loại được thể hiện chi tiết ở trong bảng sau:

Bảng 3.4: Tỷ trọng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn kim loại

Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
	2,5	3,25	4	5	6
Khói hàn (có chứa các chất ô nhiễm khác) (mg/1 que hàn)	285	508	706	1.100	1.578
CO (mg/1 que hàn)	10	15	25	35	50
NO _x (mg/1 que hàn)	12	20	30	45	70

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng (2000), Môi trường không khí, Nhà xuất bản KHKT)

b. Nguồn gây tác động tới môi trường nước

Trong quá trình lắp đặt thiết bị máy móc có khoảng 10 người làm việc, theo TCVN 13606:2023 cấp nước mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn nước cấp là 45 lít/người.ngày (không tổ chức nấu ăn). Như vậy tổng lượng nước cấp sinh hoạt trong ngày là:

$$V = 10 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 450 \text{ lít/ngày} = 0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Lượng nước thải bình quân được tính bằng 100% lượng nước cấp:

$$Q = 100\% \times 0,45 \text{ m}^3/\text{ngày} = 0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật. Theo tài liệu của Tổ chức Y tế thế giới WHO, tải lượng các chất ô nhiễm do mỗi người hàng ngày thải vào môi trường nếu không được xử lý như sau:

Bảng 3.5: Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị tính cho 10 người

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/người/ngày)	Tính cho 10 người (kg/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm trong NTSH trước xử lý (mg/l)	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
1	BOD ₅	45 - 54	1,35 - 1,62	600 - 720	100
2	TSS	70 - 145	2,1 - 4,35	933,3 - 1.933,3	100
3	TDS	75 - 100	2,25 - 3,0	1.000,0 - 1.333,3	1000
4	Amoni	3,6 - 7,2	0,108 - 0,216	48 - 96	10
5	Nitrat	0,3 - 0,6	0,009 - 0,018	4 - 8	50
6	Photphat	0,42 - 3,15	0,0126 - 0,0945	5,6 - 42	10
7	Dầu mỡ	10 - 30	0,3 - 0,9	133,3 - 400,0	20
8	Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹			5.000

(Nguồn: WHO - Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí - Tập 1 - Generva 1993)

Ghi chú:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cột B - Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nhận xét:

Với kết quả tính toán ở bảng trên cho thấy nước thải sinh hoạt không được xử lý thì nồng độ các chất ô nhiễm vượt nhiều lần so với quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B). Nếu không xây dựng, lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý thì sẽ không đạt được yêu cầu của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống thoát nước của khu vực. Công ty sẽ thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn này (0,45 m³/ngày).

c. Nguồn phát sinh chất thải rắn trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

- *Rác thải phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị:*

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị bao gồm sắt, thép vụn, bao bì, túi nilong, thùng carton.... Khối lượng ước tính khoảng 20kg/giai đoạn.

Tuy nhiên công việc này chỉ kéo dài khoảng 1 tháng. Các tác động đến môi trường cũng chỉ xảy ra mang tính chất nhất thời, không kéo dài. Công ty sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động ảnh hưởng tới môi trường và công nhân lao động trực tiếp tại công trường.

- *Rác thải sinh hoạt:*

Theo số liệu khảo sát từ hoạt động xây dựng của các dự án xung quanh, trung bình một người thải ra một lượng chất thải rắn sinh hoạt là 0,3 kg/ngày. Như vậy, với lượng công nhân làm việc trong khu vực dự án là 10 người thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong một ngày sẽ là:

$$0,3 \text{ kg/người.ngày} \times 10 \text{ người} = 3 \text{ kg/ngày.}$$

Lượng chất thải này tuy không nhiều, song nếu không thu gom và xử lý hàng ngày sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, cảnh quan trong công trường và khu vực xung quanh. Khi rác thải vứt bừa bãi trên mặt đất, dưới tác dụng của thời tiết và vi khuẩn, các hợp chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành mùi hôi thối gây ô nhiễm môi trường không khí. Trong những ngày có mưa, nước mưa sẽ kéo theo các chất hữu cơ xuống sông, rãnh thoát nước trong khu vực gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

- *Chất thải nguy hại:*

Trong quá trình cải tạo và lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án này tuy không sử dụng các loại hóa chất độc hại, tuy nhiên vẫn sẽ phát sinh một lượng chất thải nguy hại (CTNH) nhất định. Các chất thải nguy hại phát sinh bao gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng sơn...cụ thể phát sinh như sau:

+ Các loại chất thải nhiễm dầu, mỡ: Chất thải dính dầu, mỡ... phát sinh chủ yếu từ các hoạt động rửa và vệ sinh xe, máy móc, thiết bị, khắc phục sự cố hư hỏng máy

móc trong thi công của dự án.

+ Thùng sơn, phụ gia phát sinh trong quá trình cải tạo và hoàn thiện các hạng mục. Các đối tượng bị tác động bởi sơn, bụi sơn và chất phụ gia chủ yếu là công nhân thi công trực tiếp, ít có ảnh hưởng tới công nhân làm việc tại khu vực xung quanh do môi trường phát tán rộng.

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động cải tạo và lắp đặt máy móc thiết bị của dự án được dự kiến như sau:

Bảng 3.6: Chất thải nguy hại dự kiến phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/giai đoạn)	Mã CTNH
1	Dầu mỡ thải	Lỏng	10	17 02 03
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	2	18 02 01
3	Bao bì cứng thải có chứa thành phần nguy hại (thùng sơn, thùng đựng dầu thải...)	Rắn	20	18 01 02
	Tổng		32	-

Lượng chất thải nguy hại này có thể theo nước mưa gây ô nhiễm cho nguồn nước, trầm tích sông và ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái trong khu vực. Công ty sẽ bố trí khu vực lưu trữ CTNH theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển CTNH với đơn vị đủ chức năng để vận chuyển các loại chất nguy hại phát sinh, đảm bảo không gây ảnh hưởng tới môi trường.

1.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

a. Nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị bao gồm: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải (xe tải chuyên chở vật liệu, máy móc thiết bị sản xuất...); tiếng ồn từ hoạt động cải tạo: hàn, khoan, cắt...

Các loại máy này đều có khả năng gây tiếng ồn ở mức khá cao trong phạm vi hoạt động của người lao động. Tuy nhiên tiếng ồn lan truyền trong không khí tắt nhanh theo khoảng cách và chỉ xảy ra mang tính cục bộ nên mức độ ảnh hưởng đến khu vực lân cận hầu như không đáng kể. Có thể tham khảo mức độ ồn tối đa của một số phương tiện ở bảng sau:

Bảng 3.7: Mức độ ồn tối đa của một số phương tiện và thiết bị

STT	Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới	Mức ồn tại nguồn (dBA)	
		Khoảng	Trung bình
1	Máy khoan	87 -114	100,5
2	Máy cắt	80 - 85	82,5

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

STT	Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới	Mức ồn tại nguồn (dBA)	
		Khoảng	Trung bình
3	Máy hàn	71 - 82	76,5
QCVN 26:2010/BTNMT: Tiếng ồn tại khu vực thông thường do hoạt động xây dựng là 70dBA (6h - 21h).			
QCVN 24:2016/BYT quy định tiếng ồn tại khu vực sản xuất: thời gian tiếp xúc 8h là 85dBA.			

(Nguồn: Môi trường không khí - Phạm Ngọc Đăng - NXB Khoa học và kỹ thuật)

Có thể dự báo ảnh hưởng của tiếng ồn tới các khu vực lân cận công trường (Tài liệu tham khảo: Phạm Ngọc Đăng - Môi trường không khí, NXB Khoa học kỹ thuật, 1997):

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c$$

Trong đó:

- L_p : độ ồn tại điểm cách nguồn 15 m.

- ΔL_d : mức giảm độ ồn ở khoảng cách d và được tính theo công thức sau:

$$\Delta L_d = 20 \cdot \lg [(r_2/r_1)]^{(1+a)} \text{ (dBA)}$$

- a: hệ số tính đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất. Do mặt đất khu vực được coi là trống trải, không có cây cối nên $a = 0$.

- r: khoảng cách từ nguồn đến điểm đo, $r_1 = 15$ m.

- ΔL_c : mức độ giảm độ ồn khi đi qua vật cản. Ở đây tính trong trường hợp không có vật cản, $\Delta L_c = 0$ (dBA).

Tổng độ ồn sinh ra tại một điểm do tất cả các nguồn gây ra được tính theo công thức:

$$\Delta L = 10 \log \sum_1^n 10^{0,1 \cdot L_i} \text{ (dBA)}$$

Từ công thức trên có thể tính được độ ồn do các phương tiện thi công gây ra theo khoảng cách như sau:

Bảng 3.8: Dự báo tiếng ồn tại các khu vực lân cận dự án

TT	Nguồn gây ồn	Khoảng cách				Tổng ồn			
		15m	20m	50 m	150m	15m	20m	50m	150m
1	Máy khoan	79	76,5	68,5	59	91,0	88,5	80,5	80,1
2	Máy cắt	80	77,5	69,5	60				
3	Máy hàn	76	73,5	65,5	76				
QCVN 24:2016/BYT		85 dBA							
QCVN26:2010/BTNM		70 dBA							

(Nguồn: Môi trường không khí - Phạm Ngọc Đăng. NXB Khoa học và kỹ thuật)

Ghi chú:

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Từ bảng trên cho thấy:

+ Ở vị trí cách nguồn ồn 15m khi nguồn phát sinh đồng loạt thì mức ồn vượt TCCP đối với môi trường lao động nhưng mức độ gia tăng không đáng kể. Tuy nhiên, để đảm bảo môi trường lao động không bị ô nhiễm thì trong quá trình cải tạo, lắp đặt máy móc cần đặc biệt chú ý tới vị trí này.

+ Ở vị trí cách nguồn ồn 50m khi nguồn phát sinh là riêng lẻ hay đồng loạt thì mức ồn vẫn nằm trong GHCP đối với môi trường lao động.

+ Nếu các thiết bị có tiếng ồn lớn hoạt động đồng thời thì có thể gây mức ồn vượt GHCP (>70dBA) ở một số khu vực cách dự án 15m, 20m và 50m. Vì vậy, trong quá trình triển khai dự án cần phải chú ý tới nguồn phát sinh tiếng ồn để đảm bảo không gây tác động tới người dân xung quanh khu vực dự án.

❖ Đánh giá tác động do tiếng ồn

Tiếng ồn ở mức độ ít hay nhiều cũng gây ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân do họ phải tiếp xúc trong một thời gian dài, gây ảnh hưởng tới năng suất lao động. Các tác động của tiếng ồn lên người công nhân bao gồm: gây mệt mỏi, mất tập trung, căng thẳng và có thể về lâu dài làm giảm thính lực.

Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu tới hầu hết các bộ phận trong cơ thể con người. Tác động của tiếng ồn đối với cơ thể con người được thể hiện cụ thể ở các dải tần khác nhau:

Bảng 3.9: Các tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người

Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
0	Ngưỡng nghe thấy
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai
130 ÷ 135	Gây bệnh thần kinh, nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, gây bệnh mất trí, điên
145	Giới hạn cực đại mà con người có thể chịu được tiếng ồn
150	Nếu nghe lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
160	Nếu nghe lâu sẽ nguy hiểm
190	Chỉ cần nghe trong thời gian ngắn đã bị nguy hiểm

b. Tác động đến giao thông

Trong giai đoạn này số lượng xe tải được sử dụng cho vận chuyển nguyên vật liệu cải tạo, máy móc thiết bị sản xuất (trong khoảng thời gian 1 tháng) là cao có thể gây cản trở tới giao thông trên các tuyến đường vận chuyển.

Sự gia tăng mật độ giao thông trong khu vực do các xe tải phục vụ xây dựng dự án sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu.

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện:

a. Đối với môi trường không khí

 *Bụi và khí thải từ hoạt động hàn, cắt cơ khí khi lắp đặt máy móc, thiết bị:*

Để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Dùng quạt để phân tán khí thải từ khu vực gia công hàn, cắt nhằm tránh khí thải tập trung ảnh hưởng đến công nhân hàn.

- Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động.

 *Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển:*

- Yêu cầu nhà thầu không sử dụng các phương tiện đã quá cũ, quá niên hạn sử dụng vào việc thi công công trình. Tất cả các phương tiện vận chuyển phục vụ cho Dự án phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật môi trường theo đúng Thông tư 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ Giao thông Vận tải về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Các phương tiện vận chuyển đều có bạt che phủ kín để không bị rơi vãi vật liệu trên đường vận chuyển.

- Tất cả máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển sẽ được bảo dưỡng thường xuyên để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải, không được phép đốt vật liệu hay chất thải tại khu vực Dự án.

- Không chở quá trọng tải của xe, hạn chế rơi vãi dọc đường.

- Phân bố mật độ xe ra vào chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, tránh ùn tắc gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

- Không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm, phương án vận chuyển vật liệu vào ban đêm để tránh ùn tắc giao thông.

- Vệ sinh, thu dọn nguyên liệu rơi vãi trên đường và duy trì phun nước mặt đường trong ngày nắng. Sử dụng xe phun nước trong những ngày thời tiết nóng, nắng và khí hậu khô hanh giảm thiểu ô nhiễm bụi. Tần suất phun tưới ẩm nhằm giảm thiểu bụi trong quá trình thi công dự kiến là 2 lần/ngày. Phun nước trên các tuyến đường vận chuyển trong khu vực dự án nhằm hạn chế đến mức tối đa việc phát tán bụi vào không

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

khí, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và người dân địa phương.

b. Đối với môi trường nước

Nước thải sinh hoạt:

Nước thải phát sinh chủ yếu trong giai đoạn này là nước thải sinh hoạt. Do lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này không nhiều nên nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn tại các khu vệ sinh đã có sẵn tại nhà xưởng. Nước thải sau đó chảy sang hệ thống XLNT của Công ty VietHome xử lý đạt QCCP trước khi xả ra ngoài môi trường.

c. Đối với chất thải rắn

** Chất thải rắn thông thường:*

Phần lớn chất thải rắn là các phế liệu (bao kiện đựng thiết bị bằng gỗ, bìa cartong, giấy, sắt vụn...) sẽ thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

Sử dụng thùng chứa và hệ thống thu gom hiện tại của công ty. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng hàng ngày tới vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

** Chất thải nguy hại:*

Để hạn chế ngay tại nguồn một số chất thải nguy hại như dầu máy thải, giẻ lau dính dầu,... Do lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn rất ít nên Công ty thu gom, lưu trữ và xử lý cùng với chất thải hiện tại của công ty.

d. Giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung

Trong quá trình cải tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị, nguồn phát sinh tiếng ồn và rung động chủ yếu là từ các phương tiện vận tải chuyên chở nguyên vật liệu và các phương tiện máy móc thi công tại nhà xưởng. Để giảm thiểu tiếng ồn và rung động trong quá trình cải tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị, chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Dự án không sử dụng nhiều máy móc và thiết bị có độ ồn cao vào cùng một thời điểm thi công.
- Công nhân thi công phải được trang bị bảo hộ lao động.
- Lựa chọn đơn vị thầu có kinh nghiệm.
- Các máy móc thiết bị thi công lắp đặt thường xuyên được kiểm tra bảo dưỡng nhằm giảm tối đa nguồn gây ồn.

2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án vận hành

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

Căn cứ vào đặc tính công nghệ, dây chuyền sản xuất, hoạt động của dự án sẽ làm phát sinh các loại chất thải được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.10. Tổng hợp các tác động môi trường từ hoạt động sản xuất

Nguồn phát sinh	Các chất gây ô nhiễm	Các yếu tố bị tác động
Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm	- Bụi, khí CO, SO ₂ , NO _x , HC - Tiếng ồn	- Môi trường không khí - Môi trường nước - Môi trường đất - Hệ thống giao thông KCN - Cảnh quan môi trường - Sức khỏe và an toàn của công nhân, người dân xung quanh khu vực
Hoạt động cán trộn hỗn hợp	- Hơi nhựa, hơi cao su - Nước làm mát - Tiếng ồn - CTR, CTNH	
Hoạt động thoa bột chống dính	- Bụi - CTNH	
Hoạt động chặt , cắt nguyên liệu	- Bụi - Tiếng ồn - CTR, CTNH	
Hoạt động ép định hình	- Khí thải - Tiếng ồn - CTR, CTNH	
Bảo dưỡng máy móc thiết bị	- Bụi, tiếng ồn từ hoạt động bảo dưỡng - Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu	
Hoạt động sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt - Khí thải từ quá trình nấu ăn - Chất thải rắn	
Mưa	- Nước mưa chảy tràn - CTR bị cuốn theo	

2.1.1. Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải

a. Tác động đến môi trường nước

*** Nước thải sinh hoạt:**

Khi hoạt động ổn định, số lượng CBCNV của dự án là 250 người. Công ty không tổ chức nấu ăn ca cho CBCNV trong Nhà máy. Tiêu chuẩn dùng nước cho sinh hoạt theo TCVN 13606:2023 của Bộ Xây dựng là 45 lít/người/ngày. Như vậy, lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của CBCNV trong Nhà máy là:

$$Q = 250 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 11.250 \text{ lít/ngày} = 11,25 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

Lượng nước thải sinh hoạt lấy bằng 100% lượng nước cấp đầu vào¹. Khi đó, lượng nước thải sinh hoạt của Nhà máy là 11,25 m³/ngày. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn hoạt động ổn định của Nhà máy như sau:

Bảng 3.11. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (kg/ngày)		
1	BOD ₅	2,25	-	2,70
2	COD	3,60	-	5,10
3	SS	3,50	-	7,25
4	Amoni	0,12	-	0,24
5	Dầu mỡ ĐTV	0,50	-	1,50
6	Tổng Nito	0,30	-	0,60
7	Tổng Photpho	0,04	-	0,20

Căn cứ vào tải lượng các chất ô nhiễm và lưu lượng nước thải có thể tính toán được nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt theo công thức: $C = \frac{M}{V}$.

Trong đó:

- *C*: Nồng độ các chất ô nhiễm
- *M*: Tải lượng các chất ô nhiễm
- *V*: Lưu lượng nước thải

Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành ổn định

Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/l)		Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Lai Cách
BOD ₅	214,29	- 257,14	100
COD	342,86	- 490,48	400
SS	333,33	- 690,48	200
Amoni	17,14	- 34,29	10
Dầu mỡ ĐTV	47,62	- 142,86	-
Tổng Nito	28,57	- 57,14	60
Tổng Photpho	3,81	- 19,05	8
Coliforms	10 ⁶	- 10 ⁹	-

Nhận xét:

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm như BOD₅, COD, SS, Amoni, tổng Photpho đều vượt Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Lai Cách nhiều lần.

- **Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt như sau:**

+ **Chất hữu cơ:** Các chất hữu cơ có khả năng bị phân huỷ sinh học cao, do đó

¹Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BXD về thoát nước và xử lý nước thải.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

làm giảm oxy hoà tan trong nước, ảnh hưởng tới hệ thủy sinh vật. Ngoài ra, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phú dưỡng nước.

+ *Chất rắn lơ lửng*: Sự hiện diện của các chất rắn lơ lửng trong môi trường nước làm giảm tính thẩm mỹ của nước. Nó làm giảm tính truyền quang của nước do đó ảnh hưởng tới các loài thủy thực vật sống ở lớp đáy. Các chất rắn này cũng là giá thể tốt để các sinh vật phát triển. Ngoài ra, hiện tượng lắng đọng của chất rắn này theo thời gian làm giảm khả năng vận chuyển nước của thủy vực tiếp nhận.

+ *Các chất dinh dưỡng (Nito, Phot pho)*: Ảnh hưởng lớn nhất của hai yếu tố này đến thủy vực tiếp nhận là khả năng gây ra hiện tượng phú dưỡng. Hiện tượng phú dưỡng có thể khiến các loài động vật dưới nước bị chết, gây ra mùi hôi thối, gây ô nhiễm môi trường.

+ *Các loại vi khuẩn*: Trong nước thải sinh hoạt luôn chứa một lượng vi khuẩn gây tả, lị, thương hàn... Tùy theo điều kiện môi trường mà các loại sinh vật này có thể tồn tại trong thời gian dài hay ngắn. Khi nhiễm vào nguồn nước, chúng sẽ có khả năng phát tán và gây bệnh cho người và động vật sử dụng nguồn nước này vào mục đích sinh hoạt.

*** Nước thải sản xuất:**

Quá trình sản xuất phát sinh nước thải từ quá trình làm mát. Lượng nước này có nhiệt độ cao và chứa ít thành phần chất ô nhiễm, lượng nước bốc hơi là 1 m³/ngày. Nước làm mát được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi: nước thải chảy vào bể lắng có dung tích 8 m³, và sử dụng tuần hoàn. Định kỳ 6 tháng sẽ thay thế 1 lần nước mới (khối lượng nước thải ra khoảng 6 m³/lần. Lượng nước bổ sung hàng ngày là 0,5 m³.

Nước xả đáy lò hơi định kỳ 6 tháng vệ sinh thay 1 lần, được thu gom và xử lý cùng chất thải nguy hại. Lượng nước thải ra khoảng 1,5 m³.

*** Nước mưa chảy tràn:**

Khi trời mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực của dự án sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, xuống cống thoát nước, làm tăng độ đục của nguồn tiếp nhận. Nếu lượng nước này không được quản lý tốt sẽ gây tác động xấu đến nguồn nước mặt, nước ngầm và đời sống thủy sinh trong khu vực.

Lưu lượng nước mưa được xác định theo TCVN 7957:2023/BXD của Bộ Xây dựng - Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế.

$$Q = q \times F \times \beta \times \psi \text{ (l/s)}$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng tính toán (l/s)

q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha)

F: Diện tích lưu vực thoát nước mưa, $F = 0,16846 \text{ ha}$

β : Hệ số phân bố mưa, $\beta = 1,0$

ψ : Hệ số dòng chảy, áp dụng với mái nhà, mặt phủ bê tông chọn $\psi = 0,75$

q : Cường độ mưa tính toán được xác định theo công thức sau:

$$q = \frac{(20 + b)^n \times q_{20}(1 + C \lg P)}{(t + b)^n}$$

Trong đó:

p : Chu kỳ ngập lụt (năm)

q_{20} , b , c , n : Đại lượng phụ thuộc đặc điểm khí hậu tại địa phương. Lấy theo tài liệu Phương pháp và kết quả nghiên cứu cường độ mưa tính toán ở Việt Nam, Viện khí tượng thủy văn 1979, với số liệu của 47 trạm theo dõi mưa bằng phương pháp quy hồi của tác giả Trần Việt Liên:

q_{20} : Cường độ mưa trong 20 phút, với địa phận tỉnh Hải Dương, các hệ số khác như sau: $C = 0,2587$; $n = 0,7794$, $q_{20} = 275,1$; $P = 5$ (năm), $b = 15,52$

t : Thời gian tập trung nước mưa (phút), được xác định như sau:

$$t = t_0 + t_1 + t_2$$

Trong đó:

t_0 : thời gian nước chảy đến rãnh đường

t_1 : thời gian nước chảy theo rãnh đường đến giếng thu

t_2 : thời gian nước chảy trong cống đến tiết diện tính toán

Lấy $t = 15$ phút. Kết quả tính toán xác định được cường độ và tổng lưu lượng nước mưa của khu vực dự án trong giai đoạn vận hành: $q = 365,62$ l/s.ha, $Q = 178,2$ l/s.

- Đánh giá khả năng tiêu thoát, ngập úng của khu vực:

Như vậy khi có mưa thì lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án là không lớn, bao gồm nước mưa từ mái nhà, đường giao thông, bãi cỏ. Nước mưa chảy tràn còn cuốn theo đất, cát, chất rắn lơ lửng gây ảnh hưởng đến nguồn nước. Dự án nằm trong KCN nên nước mưa chảy tràn ít có khả năng gây ngập úng.

Nhìn chung, nước mưa ít gây ô nhiễm do hàng ngày đã thực hiện công tác vệ sinh tại các khu vực trong dự án. Tác động của nước mưa chảy tràn chỉ diễn ra theo mùa và theo thời gian có mưa, không kéo dài trong cả năm.

b. Bụi, khí thải

*** Ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải:**

- Tải lượng ô nhiễm do bụi cuốn theo:

Theo ước tính của Công ty, tổng khối lượng nguyên nhiên liệu, sản phẩm cần vận chuyển khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định khoảng 3.842 tấn/năm. Công ty sử dụng xe 15 tấn thì trung bình có khoảng 256 lượt xe chở NVL, sản phẩm ra vào Nhà máy mỗi năm. Việc vận chuyển diễn ra không đều, ngày nhiều, ngày ít, có ngày không có xe nào. Giả sử khi hoạt động ổn định lưu lượng xe vận chuyển lớn nhất

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

trong ngày là 02 lượt xe/ngày. Ngoài ra, có khoảng 250 lượt xe máy của CBCNV ra vào Nhà máy.

Để tính toán lượng bụi này, áp dụng các giả thiết sau:

Bảng 3.13. Các điều kiện tính toán của các phương tiện giao thông

Nguồn phát sinh	Vận tốc trung bình (km/h)	Tải trọng (tấn/xe)	Số bánh (cái/xe)	Quãng đường tính toán (km)
Xe tải (02 xe/ngày)	50	15	10	05
Xe máy (250 xe/ngày)	30	0,09	02	05

Theo Tài liệu đánh giá nhanh của WHO, hệ số phát sinh bụi cuốn theo được tính bằng công thức sau: $f = v \times M^{0,7} \times n^{0,5}$.

Trong đó:

- *M*: Tải trọng của xe (tấn)
- *n*: Số bánh xe (cái), 10 cái
- *v*: Vận tốc trung bình của xe (km/h)

Tính toán ta có:

Bảng 3.14. Tải lượng bụi tạm thời phát sinh do các phương tiện giao thông

Nguồn phát sinh	Hệ số phát sinh (1000km)	Lượng bụi phát sinh (kg/1000km.lượt xe)	Tải lượng phát sinh trung bình (g/s)
Xe tải	$3,7 \times f$	3.894,356	2,7
Xe máy	$3,7 \times f$	29,094	0,51

Nguồn: WHO – Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí – Tập 1 – Geneva 1993.

- **Khí thải do các phương tiện vận chuyển bằng ô tô:**

Tương tự giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị, nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí tại các khoảng cách 10m, 20m xuôi theo chiều gió trong giai đoạn vận hành như sau:

Bảng 3.15. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông giai đoạn vận hành

Thông số ô nhiễm	E mg/ms	C (µg/m³) Mùa hè		C (µg/m³) Mùa đông		QCVN 05:2023/ BTNMT (µg/m³) Trung bình 1h
		10m	20m	10m	20m	
Bụi	0,001302	0,31	0,19	0,38	0,22	300
SO ₂	0,000003	0,001	0,0004	0,001	0,001	350
NO ₂	0,017072	4,03	2,45	4,95	2,85	200

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

Thông số ô nhiễm	E mg/ms	C (µg/m³) Mùa hè		C (µg/m³) Mùa đông		QCVN 05:2023/ BTNMT (µg/m³) Trung bình 1h
		10m	20m	10m	20m	
CO	0,008681	2,05	1,24	2,51	1,45	30.000
HC	0,003762	0,89	0,54	1,09	0,63	5.000

Nhận xét:

Kết quả tính toán cho thấy: Nồng độ bụi, SO₂, CO, NO₂ và HC (ở khoảng cách 10 m và 20 m hai bên của tuyến đường xe chạy) trong giai đoạn vận hành đều đạt QCCP của QCVN 05:2023/BTNMT. Do đó ảnh hưởng của quá trình này là không đáng kể.

Bên cạnh đó, lượng xe máy của CBCNV của Nhà máy khi dự án đi vào hoạt động ổn định khoảng 40 lượt xe. Tuy nhiên hoạt động này không diễn ra đồng thời mà rải rác các giờ trong ngày do đó sẽ có sự pha loãng nên ảnh hưởng của quá trình này là không đáng kể.

*** Ô nhiễm từ hoạt động sản xuất đế giày thể thao:**

Nguyên liệu sử dụng để sản xuất đế cao su là cao su. Khi gia nhiệt trộn đánh liệu (~115°C) và ép định hình đế cao su (~220°C) chỉ tác động nhiệt lên nguyên liệu, nhiệt độ gia nhiệt nằm trong khoảng nhiệt độ làm việc của cao su, làm mềm dẻo nguyên liệu, chỉ chuyển trạng thái của cao su từ rắn sang mềm dẻo, chưa xảy ra hiện tượng phân hủy, bởi nếu gia nhiệt ở nhiệt độ cao (nhiệt độ phân hủy) sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Trong quá trình gia nhiệt, thực hiện lưu hóa cao su sẽ phát sinh mùi khét đặc trưng của hoạt động ép định hình đế cao su, thành phần tham gia vào việc tạo nên mùi khét đặc trưng này là mùi của lưu huỳnh, H₂S và một số hợp chất hữu cơ đơn giản chứa lưu huỳnh.

Tham khảo tài liệu Emission inventory manual của UNEP, VOCs phát sinh từ hoạt động lưu hóa cao su là 0,18kg VOCs/tấn nguyên liệu, lượng nguyên liệu cao su sử dụng là 868 tấn/năm thì lượng VOCs phát sinh là 156,24 kg/năm ~ 21.700 mg/h. Quá trình lưu hóa cao su được thực hiện bằng các máy ép cao su tự động đặt trong khu vực có diện tích 100 m²; chiều cao ảnh hưởng là 1,65m.

Giả sử, điều kiện vi khí hậu trong khu vực sản xuất ổn định, các chất thải không tự phân hủy, khi đó nồng độ các chất ô nhiễm trong nhà xưởng được tính bằng công thức sau:

$$C(t) = \frac{S}{I \times V} \times (1 - e^{-I \times t})$$

(Nguồn: trang 77, Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập I, Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm. Nhà xuất bản (NXB) Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1999). Trong đó:

C- nồng độ chất ô nhiễm trong phòng (mg/m^3)

S: Tải lượng chất ô nhiễm thải ra trong phòng (mg/h)

V: thể tích không gian phát tán có khả năng gây tác động (m^3)

I: hệ số thay đổi không khí của phòng (lần/h),

+ Trong điều kiện thông gió, chọn $I = 6$ lần/h

+ Trong điều kiện không có thông gió, chọn $I = 1$ lần/h

t: thời gian phát sinh chất ô nhiễm 8h/ngày (ngày làm việc 1 ca)

Áp dụng công thức tính toán được nồng độ hơi cao su trong điều kiện thông gió nhà xưởng là $7,12 \text{ mg}/\text{m}^3$.

Theo QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT, nồng độ tối đa cho phép trong nhà xưởng sản xuất của H_2S là $10 \text{ mg}/\text{l}$ (trung bình 8 giờ), ngoài ra, hiện tại chưa có quy định cụ thể về các chất gây mùi phát sinh từ hoạt động lưu hóa cao su. Mùi phát sinh từ hoạt động sản xuất, ép đế cao su chủ yếu là mùi của cao su.

Tuy nhiên, khi hoạt động thực tế, với điều kiện nhà xưởng thông thoáng, các ảnh hưởng của mùi cao su sẽ được giảm thiểu. Mùi cao su có trong thành phần sẵn có của cao su nguyên liệu, các thành phần gây mùi được xác định là các axit cacboxylic C2-C18, đặc biệt là những chất có trọng lượng phân tử thấp như axit acetic, propionic, butanoic và pentanoic góp phần gây ra mùi khó chịu nhất (chiếm hơn 50% các hợp chất có hoạt tính tạo mùi), ngoài ra còn etyl pentanoat, etyl hexanoat, metyl myristat và metyl palmitat... Chưa có nghiên cứu cụ thể về ảnh hưởng của mùi cao su đến sức khỏe, tuy nhiên làm việc trong môi trường có mùi hôi khó chịu cũng sẽ gây những ảnh hưởng nhất định, về lâu dài sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe. Như vậy, thải lượng khí thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép. Tuy nhiên chủ đầu tư cũng sẽ có các biện pháp quản lý, đảm bảo điều kiện làm việc thông thoáng, giảm thiểu các tác động về mùi trong hoạt động sản xuất.

*** Bụi và khí thải phát sinh trong công đoạn của công đoạn trà nhám đế**

Tại phân xưởng để phát sinh nhiều nhất là bụi hữu cơ là có thành phần phức tạp. Tỷ lệ bụi có kích thước $<10\mu\text{m}$ vào khoảng 40-45% đã gây nên các bệnh liên quan đến đường hô hấp.

Đánh giá khu vực làm để báo cáo tham khảo kết quả quan trắc năm 2023 của công ty như sau:

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03: 2019/BYT
				SX03	SX04	TWA
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	21,8	22,4	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	63,5	68,5	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,2	0,52	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn LAeq	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,4	61,2	85 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn LAmax	dBA	TCVN 7878-2:2010	83,5	69,5	115 ⁽²⁾
6	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,37	0,37	8 ⁽³⁾
7	CO	mg/m ³	QTPT 02/CLC	<7	<7	20
8	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,03	<0,03	5
9	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,02	<0,02	5
10	Hydrocacbon mạch thẳng	mg/m ³	MDHS 96	KPH(0,65)	KPH(0,65)	-

Ghi chú:

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- (1): QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu - Lao động Trung Bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (3): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, áp dụng Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA) ;
- Hydrocacbon mạch thẳng bao gồm các cấu tử: n-Hexan, n-Heptan, n-Octan, n-Nonan, n-Decan;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Qua phần kết quả tại bảng trên cho thấy các thông số như bụi, và các thông số khí thải khác nằm trong quy chuẩn cho phép.

Bên cạnh đó công ty cũng đã trang bị cho công nhân khẩu trang, quạt hút tại khu vực mài. Do vậy ảnh hưởng đến công nhân là nhỏ.

* Hơi nhựa từ quá trình gia nhiệt:

Nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất của Công ty có thành phần là hạt nhựa. Quá trình gia nhiệt sẽ làm phá vỡ cấu trúc của các hạt nhựa và chuyển thành trạng thái lỏng, cùng với quá trình này sẽ có một số hợp chất hữu cơ bị thăng hoa và phát tán vào môi trường không khí.

Hàm lượng các khí độc phát sinh từ công đoạn đúc nhựa được xác định theo "Sổ tay nguồn phát tán các chất gây ô nhiễm môi trường", hệ số phát tán hydrocacbon khi sản xuất từ nguyên liệu nhựa là 0,32 kg/tấn nguyên liệu.

Tổng lượng nguyên liệu hạt nhựa đầu vào cho sản xuất là 1.041 tấn/năm tương đương 3,47tấn/ngày. Như vậy, tổng hàm lượng khí HC phát sinh là: $M = 0,32 \text{ kg/tấn} \times 3,47 \text{ tấn/ngày} = 1,11 \text{ kg/ngày}$, tương ứng 46.250 mg/h.

Nồng độ hơi nhựa phát sinh từ quá trình gia nhiệt, đúc nhựa được xác định bằng công thức:

$$C = M/V \quad (\text{mg/m}^3)$$

Trong đó:

- M: Tải lượng của hơi nhựa phát sinh trong 1 giờ, mg

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

- *V: Thể tích của môi trường tiếp nhận (Diện tích khu vực đúc nhựa khoảng 100 m², chiều cao chịu ảnh hưởng của công nhân tính trung bình là 1,6 m), $V = 100 \times 1,6 = 160 \text{ m}^3$.*

Thay vào ta có: $C = 430 \text{ mg/m}^3$. Mặt khác, theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế thì giới hạn cho phép của Styren là 420 mg/m^3 ; Propylen oxyt là 1.150 mg/m^3 ; Butadien là 40 mg/m^3 ; Metyl silicat là 6 mg/m^3 . Như vậy, nồng độ hơi nhựa phát sinh từ quá trình gia nhiệt vượt QCCP đối với các thông số Styren; Butadien; Metyl silicat.

*** Bụi và khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi:**

Công ty sử dụng lò hơi công suất là 200kg/h

Nhiên liệu đốt là Than cám

Khối lượng than là 500 tấn/năm

Thành phần của khói thải bao gồm khói thải chủ yếu các khí SO₂, NO_x, CO₂, CO và tro bụi bay theo dòng khí. Có thể ước tính được tải lượng chất ô nhiễm và nồng độ ô nhiễm trong khí thải nồi hơi theo các điều kiện sau:

- Hàm lượng C: 82,3%; H: 5%; S: 0,5%; O: 2%; N: 1,2%; độ tro: 5%; độ ẩm: 4%.

- Hệ số dư thừa không khí: $\alpha = 1,3$.

- Hệ số cháy không hoàn toàn: $\eta = 0,5\%$.

- Hệ số tro bụi bay theo khói: $a = 0,5$.

- Nhiệt độ của khói thải (°C): $t_k = 200^\circ\text{C}$.

Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm môi trường không khí từ nồi hơi tính toán được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.16. Kết quả tính toán lượng khí phát thải từ nồi hơi

TT	Các chỉ tiêu	Tải lượng chất ô nhiễm (g/s)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT mức B (mg/Nm ³)
1	CO	0,99772	653,151	1.000
2	NO _x	0,59254	387,902	850
3	SO ₂	0,38137	249,664	500
4	Bụi	1,39944	528,765	200

Ghi chú:

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, mức B.

Nhận xét:

Qua kết quả tính toán cho thấy chỉ tiêu khí độc SO₂, CO, NO_x đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, mức B, C_{max}. Riêng chỉ tiêu bụi có

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

nồng độ vượt giới hạn cho phép với công suất hiện tại vượt 2,64 lần. Để giảm thiểu nồng độ các chất ô nhiễm Công ty sẽ lắp đặt hệ thống xử lý bụi cho lò hơi đảm bảo khí thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép.

c. Chất thải rắn và chất thải nguy hại

*** Chất thải rắn sinh hoạt:**

Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV trong Nhà máy bao gồm các loại văn phòng phẩm qua sử dụng. Công ty không tổ chức nấu ăn, mua cơm hộp của đơn vị nấu ăn. Do vậy lượng rác thải sinh hoạt do công nhân thải ra rất ít bao gồm vỏ hoa quả, vỏ hộp sữa, ước tính khoảng 0,1 kg/người/ngày

- Lượng cán bộ công nhân của Nhà máy: 250 người.

Như vậy tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt thải ra trong ngày sẽ là:

$250 \text{ người} \times 0,1 \text{ kg/người/ngày} = 25 \text{ kg/ngày}$, tương đương 7,5 tấn/năm

Chất thải sinh hoạt thường dễ phân hủy gây mùi khó chịu, ảnh hưởng đến môi trường không khí, đất, nước và đặc biệt là ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân làm việc trực tiếp tại Nhà máy.

- Đánh giá tác động tới môi trường:

CTR sinh hoạt là loại chất thải có chứa nhiều các thành phần hữu cơ dễ phân hủy sinh học. Trong điều kiện nóng ẩm, nhiệt độ cao loại chất thải này phân hủy rất nhanh gây ra các mùi khó chịu, thu hút ruồi, chuột và các vi trùng gây hại sinh sôi nảy nở gây các bệnh về đường hô hấp cho công nhân, mất mỹ quan khu vực Công ty, làm ô nhiễm môi trường.

*** Chất thải rắn sản xuất:**

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm: giấy vụn, bao bì carton rách hỏng, bavia nhựa, cao su.. Toàn bộ lượng chất thải này được công nhân trực tiếp thu gom vào các thùng chứa (giỏ chứa) bên cạnh chỗ ngồi. Sau mỗi ca làm việc, công nhân vệ sinh của Công ty tiếp tục thu gom đưa về kho chứa rác.

Bảng 3.17. Lượng CTR phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định

TT	Chất thải rắn	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT
1	Bao bì rách hỏng	Rắn	500	18 01 06
2	Bao bì carton, giấy thừa hỏng	Rắn	1.000	18 01 05
3	Giẻ lau không dính thành phần nguy hại	Rắn	300	12 09 09
4	Bavia EVA và bavia cao su	Rắn	7.000	-
5	Hộp mực thải (từ hoạt động văn phòng)	Rắn	50	08 02 08

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

TT	Chất thải rắn	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT
6	Xi lò hơi	Rắn	2.500	04 02 06
Tổng khối lượng			11.350	

Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

- **Đánh giá tác động:** Đây là loại chất thải rắn không bị phân hủy sinh học, được Công ty tiến hành thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Do đó những loại chất thải này ít gây tác hại đến môi trường xung quanh.

*** Chất thải nguy hại:**

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại và thành phần:

+ Hoạt động chiếu sáng: bóng đèn huỳnh quang hỏng, bóng đèn led hỏng.
+ Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị: giẻ lau, gang tay dính dầu; các loại dầu thải; can hộp đựng dầu.

+ Hoạt động sản xuất và xử lý chất thải:

Bảng 3.18. Lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định

TT	Chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng	Mã CTNH
1	Bao bì cứng bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	kg/năm	100	18 01 02
2	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	kg/năm	200	18 01 03
3	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	kg/năm	50	18 02 01
4	Bóng đèn led thải	kg/năm	50	16 01 13
5	Pin, ắc quy thải	kg/năm	20	19 06 01
6	Than hoạt tính	kg/năm	668	02 11 02
Tổng			1.088	

Nguồn: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

Các loại chất thải nguy hại trên là loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường đất và môi trường nước cao do khó phân hủy sinh học và có khả năng gây ngộ độc cho các loài sinh vật trên cạn cũng như dưới nước. Khi dầu chảy tràn trên mặt đất, mặt nước hay bám trên bề mặt các loài sinh vật sẽ làm ngăn cản sự hòa tan ôxi vào đất, nước hay ngăn cản sự trao đổi chất của sinh vật, từ đó làm chậm sự phát triển và có thể gây hủy hoại sinh vật, dẫn đến mất cân bằng sinh thái.

Tuy nhiên, những loại chất thải nguy hại trên đây khi phát sinh Công ty sẽ tiến hành thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo quy định

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

hiện hành về chất thải nguy hại do đó ảnh hưởng của chúng đến môi trường là không đáng lo ngại.

2.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

a. Tiếng ồn

*** Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông:**

Các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy chủ yếu là xe máy và xe ô tô. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện giao thông thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.19. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện giao thông

TT	Phương tiện vận chuyển	Mức ồn trung bình cách nguồn 1m (dBA)	Mức ồn cách nguồn 50m (dBA)	Mức ồn cách nguồn 100m (dBA)
1	Xe tải	88,0	54,0	48,0
2	Xe máy	75,0	41,0	35,0
QCVN 24:2016/BYT		≤85 dBA	-	
QCVN 26:2010/BTNMT		-	75 dBA	

Ghi chú:

- **QCVN 26:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Nhận xét:

Theo bảng trên, mức ồn của từng loại phương tiện giao thông ít gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực Nhà máy và khu vực lân cận. Tuy nhiên, việc tập trung một lượng lớn xe máy trong giờ đi làm và giờ tan tầm cũng gây ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực Nhà máy nhưng không nhiều do thời gian gây ồn chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn.

*** Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất:**

- **Đối với hoạt động sản xuất:** Tiếng ồn, rung động phát sinh từ quá trình sản xuất bao gồm: Tiếng ồn do hoạt động của các máy móc, thiết bị trong xưởng sản xuất; Tiếng ồn do việc vận chuyển, sắp xếp hàng hóa trong kho; Tiếng ồn do hoạt động của quạt hút khu vực nhà xưởng. Cường độ ồn phát sinh trong nhà máy thường tương đối cao nhưng không liên tục (trung bình 75 - 80 dBA). Ngoài ra, tùy theo chu kỳ vận hành thiết bị, tiếng ồn cục bộ có thể > 80 dBA và chưa vượt tiêu chuẩn cho phép tại khu vực sản xuất (QCVN 24:2016/TT-BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc quy định cho phép cường độ ồn ≤ 85 dBA). Việc tiếp xúc thường xuyên với nguồn ồn từ 80 dBA trở lên làm ức chế thần kinh trung ương, gây trạng thái mệt mỏi khó chịu và làm giảm năng suất lao động, dễ dẫn đến tai nạn lao động. Tuy nhiên, nếu không bảo dưỡng định kỳ và bố trí các thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất hợp lý thì mức ồn cộng hợp của các loại máy trên có

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

thể lớn hơn tiêu chuẩn cho phép, khi đó sẽ gây ảnh hưởng tới người lao động. Đối với khu vực dân cư xung quanh Công ty, ít bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn do các thiết bị máy móc thường xuyên được bảo dưỡng và được đặt trong các nhà xưởng có tường bao che hạn chế khả năng lan truyền của tiếng ồn.

- Đánh giá tác động:

Tiếng ồn ở mức độ ít hay nhiều cũng gây ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân do họ phải tiếp xúc trong một thời gian dài, gây ảnh hưởng tới năng suất lao động. Các tác động của tiếng ồn lên người công nhân bao gồm: Gây mệt mỏi, mất tập trung, căng thẳng và có thể về lâu dài làm giảm thính lực.

Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của tổng liên đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu tới hầu hết các bộ phận trong cơ thể con người. Tác động của tiếng ồn đối với cơ thể con người được thể hiện cụ thể ở các dải tần khác nhau:

Bảng 3.20. Tác hại của tiếng ồn đến người nghe

Mức ồn (dB)	Tác động đến người nghe
0	Ngưỡng nghe thấy
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai
130 – 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí nhớ và điên
145	Giới hạn mà con người có thể chịu được đối với tiếng ồn
150	Nếu chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

b. Các tác động khác

*** Các tác động đối với giao thông:**

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định làm tăng thêm một lượng phương tiện giao thông do việc vận chuyển các loại NVL, sản phẩm dẫn đến tăng mật độ giao thông làm tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông.

*** Tác động đến kinh tế - xã hội:**

- Tác động tích cực:

+ Đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.
+ Tạo công ăn việc làm ổn định cho các lao động trong Nhà máy, nâng cao đời sống công nhân lao động.

+ Đóng góp một phần cho ngân sách Nhà nước.

+ Là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và phát triển công nghiệp.

- Tác động tiêu cực:

+ Việc vận chuyển NVL và sản phẩm của Nhà máy góp một phần làm tăng mật độ giao thông, hoạt động của Nhà máy làm tăng ô nhiễm bụi, khói thải của xe có thể ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của nhân dân, tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

*** Tác động đến hệ sinh thái:**

Hầu hết các động vật đều rất nhạy cảm với môi trường bị ô nhiễm. Các chất ô nhiễm trong khí thải và chất thải rắn đều có tác động xấu đến thực vật và động vật gây ảnh hưởng có hại đối với nghề nông và nghề trồng vườn. Biểu hiện chính của nó là làm cho cây trồng chậm phát triển, đặc biệt là các sương khói quang hóa gây tác hại đến các loại rau trồng, đậu, lúa, ngô, các loại cây ăn trái và các loại cây cảnh.

- Bụi phủ lên lá cây làm cản trở quá trình quang hợp, hô hấp của thực vật làm cho cây chậm sinh trưởng.

- Khí CO: làm giảm khả năng hấp thụ khí CO rất thấp. Các vi sinh vật trên mặt đất cũng có khả năng hấp thụ khí CO từ khí quyển. Khí CO dễ gây độc do kết hợp khá bền vững với hemoglobin trong máu tạo thành hợp chất cacboxy hemoglobin (HbCO) dẫn đến giảm khả năng vận chuyển oxy của máu đến các tổ chức, tế bào.

- Khí SO₂, NO_x gây mưa axit, làm vàng lá, cây khô, quả lép và ở mức độ cao hơn cây sẽ chết. Đồng thời gây ảnh hưởng tới hệ hô hấp của động vật.

Các thành phần ô nhiễm trong môi trường không khí như bụi, SO₂, NO_x... ngay ở nồng độ thấp cũng làm chậm quá trình sinh trưởng của cây trồng, ở nồng độ cao làm vàng lá, hoa quả bị lép, bị nứt, và ở mức độ cao hơn cây sẽ bị chết.

Tuy nhiên, do các chất thải đều được thu gom, xử lý nên sẽ hạn chế được những ảnh hưởng của chúng tới môi trường nói chung và hệ sinh thái nói riêng.

c. Đánh giá tác động của dự án đối với các đơn vị sản xuất khác và khu vực xung quanh

Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại của Công ty TNHH SX-TM Tân Cương nằm trong KCN Lai Cách và cách QL5A khoảng 0,13 km về phía Nam. Xung quanh dự án có các doanh nghiệp đầu tư vào KCN Lai Cách. Do đó, trong quá trình hoạt động của dự án và các đơn vị này không tránh khỏi việc cộng hưởng các yếu tố gây tác động đến môi trường. Tác động cộng hưởng gây lớn nhất ở đây ta có thể nhìn thấy rõ là khí thải, mùi, tiếng ồn và tình hình trật tự an toàn giao thông của khu vực:

- *Đối với khí thải, mùi:* Bụi, khí thải phát sinh do các hoạt động sản xuất tuy đã được các đơn vị áp dụng các biện pháp giảm thiểu nhưng cũng không tránh khỏi việc cộng hưởng, đặc biệt là từ các hoạt động vận chuyển. Tại quá trình vận chuyển lượng bụi phát sinh từ các phương tiện giao thông sẽ gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân. Bụi bám lên lá làm giảm khả năng phát triển của cây. Bụi làm ảnh hưởng đến cảnh quan, sinh thái của khu vực.

- *Đối với nước thải:* Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án gồm nước thải

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

phát sinh từ quá trình sinh hoạt và nước thải từ quá trình làm mát (được tuần hoàn sử dụng, không thải ra ngoài môi trường). Công ty đầu tư xây dựng HTXL nước thải công suất 40 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Lai Cách sau đó đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lai Cách. Như vậy, nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án tác động không lớn tới môi trường.

- *Đối với tình hình trật tự an toàn giao thông:* Quá trình vận chuyển, đi lại của công nhân giờ tan tầm ảnh hưởng nhiều đến giao thông khu vực. Bên cạnh đó, hoạt động vận chuyển dễ gây áp lực lên kết cấu đường, dẫn tới biến dạng và kết cấu làm yếu nền đường, sụt lún nứt vỡ giảm tốc độ lưu thông trên đường.

d. Các sự cố môi trường

d1. Sự cố cháy nổ, chập điện

*** Nguyên nhân:**

- Chập điện do quá tải đường dây (lâu ngày không được thay thế).
- Công nhân vận hành máy không đúng quy trình (chạy quá tải, không tuân thủ các bước vận hành), quá trình làm việc có hút thuốc.
- Sử dụng nhiên liệu dầu bảo dưỡng, dầu thủy lực, dầu DO không đúng mục đích, để bừa bãi không gọn gàng.
- Đặc điểm hoạt động dự án phải sử dụng và dự trữ một lượng nhiên liệu dùng cho các động cơ/máy móc. Các loại khí và nhiên liệu này đều rất dễ cháy, nổ, đặc biệt là về mùa khô, nhiệt độ không khí cao, độ ẩm thấp và gặp nguồn kích cháy.
- Yếu tố tự nhiên: Sét đánh.

* **Tác động:** Khi xảy ra sự cố sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với tài sản Công ty, có thể nguy hiểm đến tính mạng nếu không có biện pháp ứng phó sự cố kịp thời và hợp lý. Bên cạnh đó, cháy nổ còn làm ô nhiễm môi trường khu vực.

d2. Sự cố sét đánh

* **Nguyên nhân:** Sét đánh là hiện tượng phóng tia lửa điện giữa các đám mây tích điện và mặt đất khi đám mây dông này di chuyển gần mặt đất.

Sét thường đánh vào những khu vực có đặc điểm sau:

- Đánh vào những ngọn cây cao, đặc biệt là những loại cây có nhiều rễ ăn sâu xuống đất, cây chứa nhiều nước và có khả năng dẫn điện tốt như cây đa, cây sến, cây sồi, cây dừa.
- Đánh vào những nơi có nguồn không khí nóng, đặc biệt là các ống khói.
- Đánh vào những nơi có dải đất sét chạy ngầm dưới đất hoặc những vùng có nhiều kim loại, đặc biệt là sắt hoặc mỏ sắt...

Căn cứ vào đặc điểm những nơi có nhiều sét đánh có thể thấy vùng dự án không có những đặc điểm nêu trên, như vậy xác suất có sét đánh nhiều ở khu vực là ít, tuy nhiên vẫn có thể xảy ra hiện tượng sét đánh ở khu vực dự án.

*** Tác động:** Khi bị sét đánh, tùy vào khu vực sét đánh, tùy vào mức độ mà sẽ có những thiệt hại nhất định như:

- Nếu sét đánh thẳng vào người lao động sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng
- Nếu sét đánh vào nhà xưởng, phương tiện vận tải có thể gây cháy nổ, từ đó dẫn đến thiệt hại về người và tài sản của Công ty.

Vì vậy để hạn chế sự tác động của sét đánh, dự án sẽ lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét đạt tiêu chuẩn. Định kỳ hằng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở nối đất đảm bảo duy trì điện trở nối đất của hệ thống thu lôi theo quy định.

d3. An toàn lao động

*** Nguyên nhân:**

- Điều kiện sức khỏe lao động không đảm bảo.
- Công nhân không hiểu hết về quy trình vận hành máy móc thiết bị, không được học tập các nội quy về an toàn.
- Không trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân, không chấp hành mệnh lệnh, làm việc không có sự phân công, chủ quan, lơ là với các mối nguy hiểm.
- Máy móc thiết bị không được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ...

*** Tác động:** Gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, thiệt hại về kinh tế.

d4. An toàn giao thông

Do Công ty nằm trong KCN Lai Cách, cách QL5A khoảng 0,13 km về phía Nam nên các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất, sản phẩm và hoạt động đi lại của CBCNV có thể gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông tại khu vực.

*** Nguyên nhân:** Chủ yếu là do người tham gia giao thông không tuân thủ các quy định về tốc độ, làn đường; trạng thái tâm lý, sức khỏe không đảm bảo khi tham gia giao thông; biển báo chỉ dẫn giao thông bị hỏng hoặc bị mất.

*** Tác động:** Khi sự cố xảy ra gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đến doanh thu của dự án và có thể gây thiệt hại về người.

d5. An toàn vệ sinh thực phẩm

*** Nguyên nhân:**

- Chế biến thực phẩm không đúng quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm, dụng cụ chế biến không đảm bảo vệ sinh, khu vực chế biến bị ô nhiễm, người chế biến đang mang mầm bệnh...

- Thức ăn để lâu không được bảo quản đúng cách.

*** Tác động:** Tùy từng mức độ có thể gây ngộ độc tới một hay nhiều người, ảnh hưởng tới sức khỏe của người lao động.

d6. Sự cố từ hệ HTXL nước thải

*** Nguyên nhân:** Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án, các sự cố xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải có thể kể đến là: Ngộ độc vi sinh do môi trường xử lý không ổn định (pH tăng hoặc giảm, thiếu oxy, dinh dưỡng,...), làm giảm

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

hiệu quả xử lý, gây mùi hôi thối; Hệ thống xử lý nước thải buộc phải ngừng hoạt động do thiết bị bơm, thổi khí hỏng hoặc hệ thống ngừng làm việc do mất điện.

*** Tác động:** Các sự cố này khi xảy ra, nước thải sẽ không được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, sức khỏe của công nhân vận hành hệ thống. Trong trường hợp không được khắc phục kịp thời sẽ gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường đất, môi trường nước tiếp nhận nước thải.

d7. Sự cố từ HTXL khí thải

*** Nguyên nhân:** Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải có thể phát sinh một số sự cố kỹ thuật và dấu hiệu nhận biết các sự cố như:

- Quạt hút bị lỗi/hỏng.
- Rò rỉ đường ống.
- Vật liệu hấp phụ quá tải.

Sự cố có thể xảy ra như: Ngộ độc hơi hóa chất, thiết bị xử lý khí thải không hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.

*** Tác động:**

- Mức độ tác động: Khi sự cố xảy ra sẽ gây tác động lớn đối với môi trường không khí, ảnh hưởng nghiêm trọng đối với tài sản Công ty nếu không có biện pháp ứng phó sự cố kịp thời và hợp lý.

- Đối tượng, phạm vi bị tác động: Ảnh hưởng đến uy tín, tài sản của doanh nghiệp. Làm ô nhiễm môi trường không khí trong Nhà máy và môi trường không khí xung quanh mà chất thải có thể phát tán tới. Ảnh hưởng đến người lao động và các doanh nghiệp đang hoạt động lân cận dự án.

d8. Sự cố hóa chất

Các sự cố hóa chất tại Công ty được dự báo như sau:

- Rò rỉ, tràn đổ hóa chất từ thiết bị chứa.
- Cháy nổ kho chứa, nhà xưởng, khu lưu giữ hóa chất.
- Ngập kho chứa làm ảnh hưởng đến điều kiện bảo quản gây thất thoát, giảm chất lượng hóa chất.
- Người lao động gặp tai nạn do hóa chất bắn vào mắt, dính vào da, nuốt/uống nhầm phải hóa chất, ...

+ Vị trí điểm nguy cơ xảy ra sự cố:

- Tại khu vực lưu trữ hóa chất.
- Khu vực đặt hóa chất trong xưởng sản xuất.
- Trên đường vận chuyển hóa chất từ kho chứa tới xưởng (khu vực đường nội bộ của Nhà máy).

*** Nguyên nhân:**

- Thiết bị chứa, thùng phuy chứa dung môi bị vỡ/nứt dẫn tới hóa chất bị rò rỉ; do quy trình bảo quản, vận chuyển không đúng kỹ thuật hoặc tác động bên ngoài.

- Do các thiết bị chứa, hệ thống van, bơm và ống dẫn bị ăn mòn dẫn tới rò rỉ.
- Do người chịu trách nhiệm thực hiện công việc thao tác sai kỹ thuật, không tuân thủ các quy tắc an toàn trong sử dụng hóa chất.
- Do sự cố chập điện dẫn đến cháy nổ, cháy lan sang khu vực khác.
- Mưa bão kéo dài gây lụt lội kho bãi.

* **Tác động:** Những người ảnh hưởng trực tiếp như công nhân lao động có các biểu hiện như chóng mặt, buồn nôn. Nếu để lâu hóa chất ngấm xuống đất ảnh hưởng đến môi trường đất, thủy vực tiếp nhận, ảnh hưởng đến môi trường sống của thủy sinh vật.

d9. Sự cố về dịch bệnh

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định sẽ tập trung một lượng lớn công nhân làm việc trong nhà xưởng do đó nguy cơ bùng phát và lây lan dịch bệnh tại đây có thể xảy ra do lây chéo giữa các công nhân với nhau... Khi sự cố dịch bệnh xảy ra thường gây tổn thất và uy tín của doanh nghiệp.

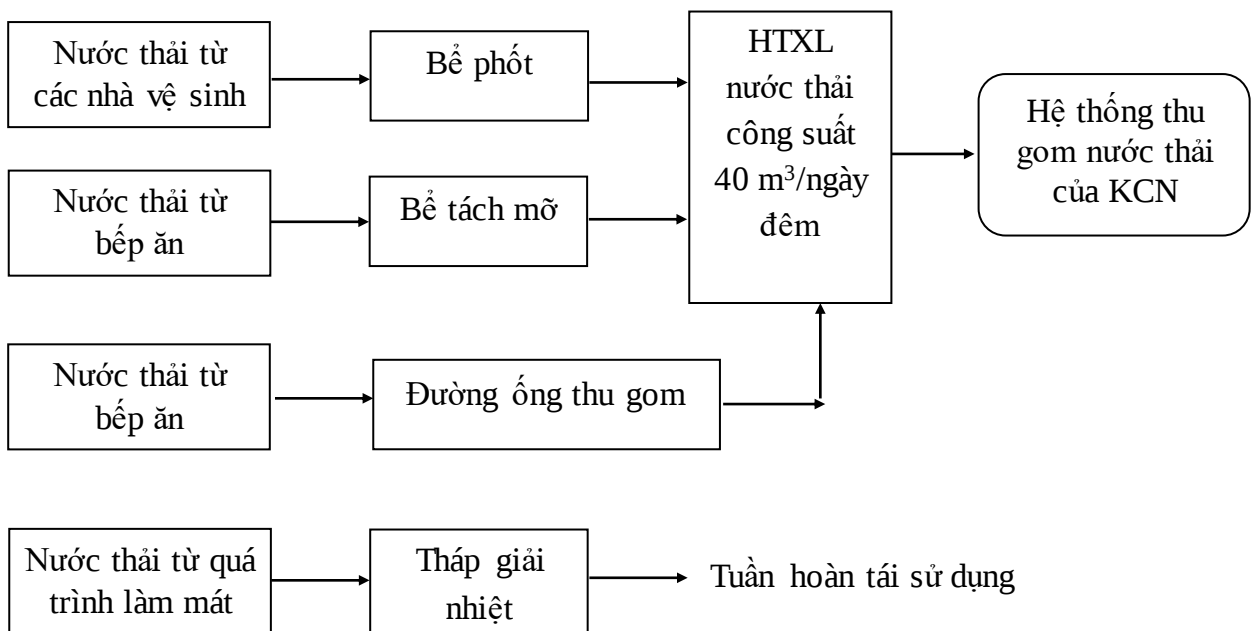
2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

2.2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Công trình thu gom và xử lý nước thải được công ty lắp đặt và hiện tại vẫn hoạt động ổn định. Sau khi dự án tăng công suất thì công suất của hệ thống vẫn đáp ứng được nhu cầu của công ty.

Hệ thống xử lý nước thải của công ty có nhiệm vụ xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải thay thế của hệ thống xử lý khi thải khu vực lò hơi.

Sơ đồ thu gom nước thải của dự án như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án

Quy trình thu gom nước thải của dự án cụ thể như sau:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh khu văn phòng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ sau đó theo đường ống PVC D200, dài 215 m, độ dốc $i = 2\%$ tự chảy về HTXL nước thải công suất 40 m³/ngày đêm của Nhà máy. Trên hệ thống có bố trí 10 hố ga lắng cạn, kích thước 0,6m × 0,6m; 0,8m × 0,8m; chiều sâu tùy từng vị trí.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi: nước thải chảy vào bể lắng có dung tích 8 m³, và sử dụng tuần hoàn. Định kỳ 6 tháng sẽ thay thế 1 lần nước mới (khối lượng nước thải ra khoảng 6 m³/lần) nước thải ra bơm theo đường ống nhựa PVC mềm D250, dài 375m, độ dốc 0,03%.

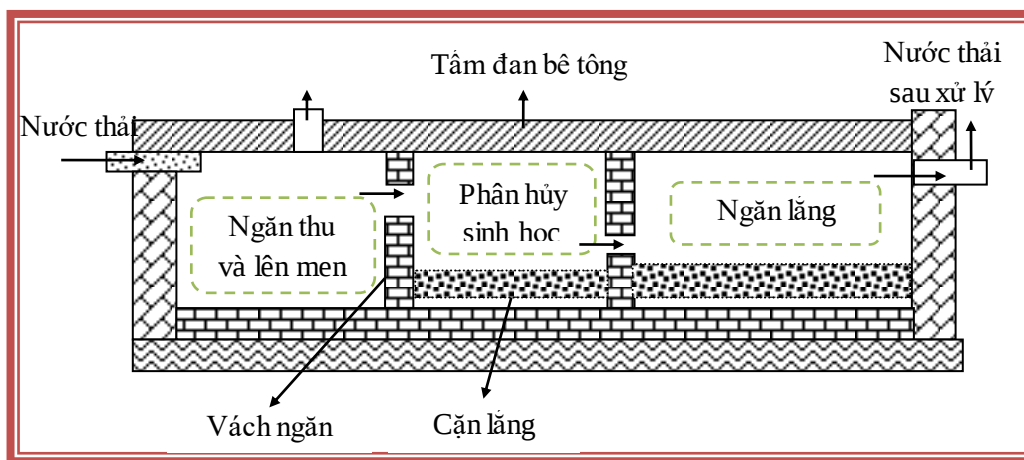
- Nước thải sau HTXL nước thải theo đường ống PVC D200, dài 20 m, độ dốc 2% tự chảy ra hố ga đầu nối của KCN Lai Cách. Nhà máy có 01 điểm đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của KCN Lai Cách. Tọa độ điểm đầu nối nước thải của Nhà máy (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°):

$$X(m) = 2315671; Y(m) = 631723$$

- Nước làm mát từ quá trình gia nhiệt được dẫn vào 02 tháp giải nhiệt (dung tích 4 m³) và sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

*** Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt**

*** Xử lý sơ bộ nước thải từ các khu vệ sinh:**



Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

- Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Bể tự hoại cải tiến cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

lượng bùn cần xử lý lại giảm. Các ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

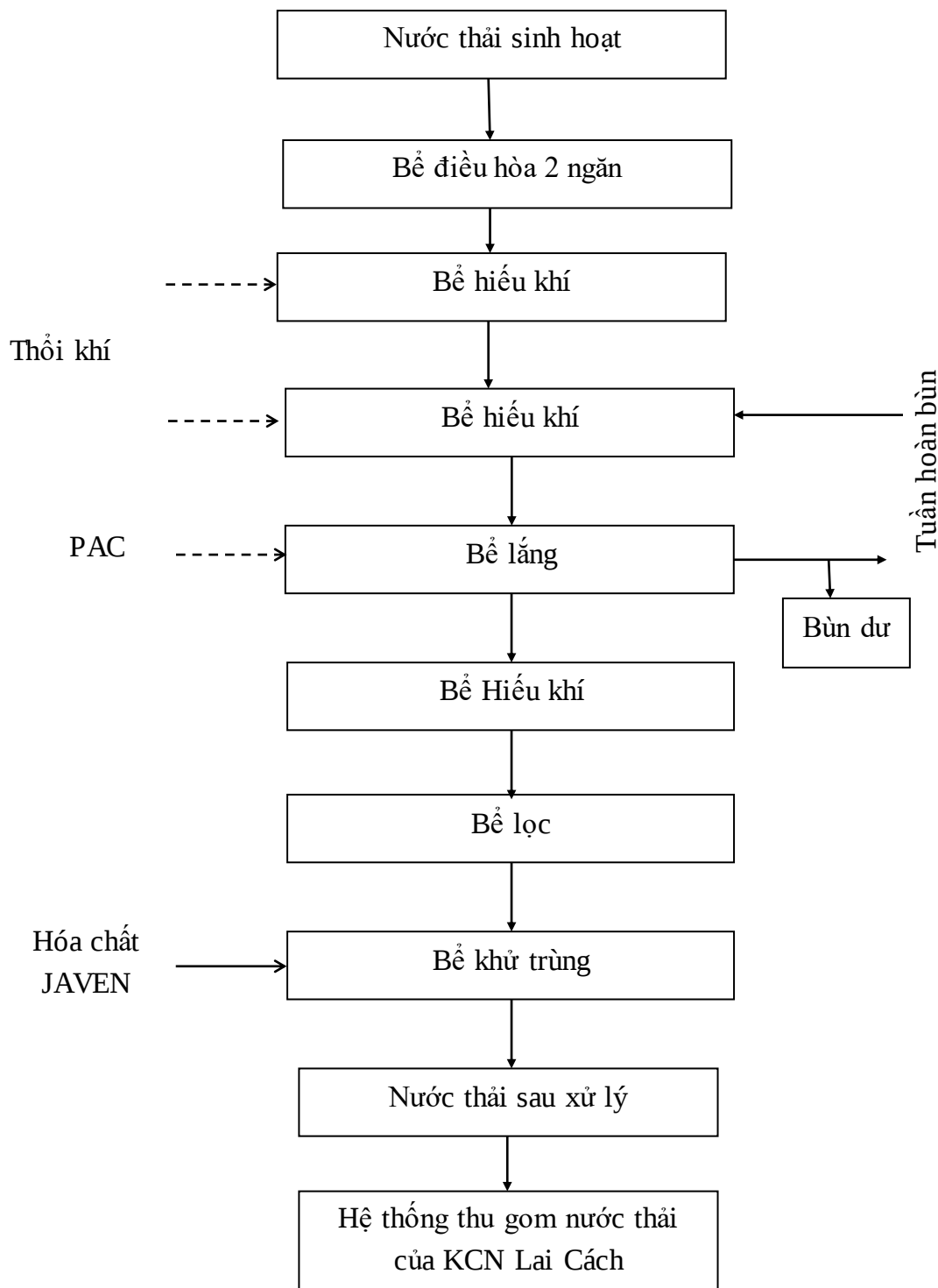
- Thông số kỹ thuật của các bể phốt:

Bảng 3.21. Vị trí, kích thước bể phốt tại các khu nhà vệ sinh

Vị trí bể phốt	Kích thước (D × R × H)	Tổng thể tích
Bể tự hoại nhà văn phòng	5,15m × 4m × 3m	61,8 m ³
Kết cấu các bể: Thành bể xây gạch, trát vữa xi măng		

*** Công trình xử lý nước thải**

Công ty đầu tư xây dựng HTXL nước thải công suất 40 m³/ngày đêm để xử lý nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh, nước thải từ bếp ăn. Sơ đồ công nghệ của hệ thống như sau:



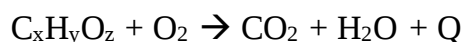
Hình 3.3. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải

- Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải từ điểm phát sinh được thu về bể điều hòa. Bể điều hòa có tác dụng ổn định lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có mặt trong nước thải. Bể điều hòa được sục khí bằng máy thổi khí thông qua hệ thống phân phối đĩa khí lắp đặt dưới đáy bể. Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí. Trong bể thiếu khí xảy ra quá trình phân hủy Nito và Photpho. Tại đây nước thải được đảo trộn nhẹ để cấp lượng

oxy vừa đủ cho vi sinh vật thiếu khí phân hủy các chất hữu cơ ô nhiễm theo các phản ứng nitrat hóa và phản nitrat hóa. Nước thải từ bể thiếu khí được dẫn sang bể hiếu khí. Trong bể hiếu khí sử dụng các loại vi sinh vật hiếu khí để phá hủy liên kết phân tử của các chất ô nhiễm hữu cơ trong nước thải. Các vi sinh vật chính tham gia vào quá trình xử lý hiếu khí gồm *Achromobacter*, *Alcaligenes*, *Arthrobacter*, *Citromonas*, *Nitrobacter*, *Nitrosomonas* và một số loại vi khuẩn dị dưỡng, tự dưỡng khác. Các nhóm vi khuẩn này sẽ sử dụng oxy không khí được cấp từ máy thổi khí thông qua hệ thống phân phối khí dưới đáy bể, để oxy hóa chất ô nhiễm trong nước thải về các dạng chất vô cơ đơn giản, thông qua 3 giai đoạn:

- Oxy hóa chất hữu cơ trong nước thải:



- Tổng hợp tế bào:



- Phân hủy nội bào:



Sau khi xử lý tại bể hiếu khí, chất hữu cơ sẽ bị phân hủy về các dạng chất vô cơ đơn giản: CO_2 , NH_3 ... Nồng độ BOD_5 , COD trong nước thải sẽ giảm mạnh trong giai đoạn xử lý này. Nước thải sau khi xử lý hiếu khí được dẫn sang bể lắng (V5). Bể lắng có tác dụng tách pha rắn/lỏng, nước thải từ bể hiếu khí vào bể lắng sẽ di chuyển từ dưới lên trên. Nước trong di chuyển lên mặt bể và được thu bằng máng xung quanh bể sau đó chảy sang bể khử trùng. Bùn lắng xuống đáy và tự di chuyển về phễu thu dưới đáy bể lắng. Một phần bùn được tuần hoàn trở lại bể sinh học hiếu khí (V4). Phần dư còn lại sẽ được bơm sang bể chứa bùn (V7), định kỳ thuê đơn vị có chức năng xử lý.

Bể lắng có tác dụng tách pha rắn/lỏng, nước thải được phân phối từ ống lắng trung tâm đều trên bề mặt bể làm tăng hiệu quả của lắng, cặn bùn sẽ lắng xuống đáy bể, còn nước trong sẽ chảy tràn phía trên qua ngăn thu nước đi vào bể trung gian. Bùn lắng xuống đáy bể sẽ được bơm sang bể chứa bùn thải, định kỳ thuê đơn vị có chức năng xử lý.

Nước sau lắng được dẫn sang bể khử trùng (V6) để loại bỏ các vi sinh vật gây hại trong nước thải.

Nước thải sau khi xử lý được khử trùng và đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Lai Cách (QCVN 40:2011/BTNMT, mức A) trước khi tự chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lai Cách.

Hiệu suất của quá trình xử lý như sau: nồng độ BOD_5 giảm khoảng 70-80%, Nitơ giảm 50%, Photpho giảm 65%, TSS giảm 90%.

- **Thông số kích thước bể xử lý:**

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

TT	Tên bể	Kích thước	Kết cấu
1	Bể thu gom, tách mỡ	3m × 2m × 2m	BTCT
2	Bể điều hòa	3,11m × 2,7m × 3m	BTCT
3	Bể thiếu khí	3,11m × 1,8m × 3m	BTCT
4	Bể hiếu khí	3,11m × 2,2m × 3m	BTCT
5	Bể lắng	2,2m × 2,2m × 3m	BTCT
6	Bể khử trùng	1m × 1m × 3m	BTCT
7	Bể chứa bùn	1,89m × 1m × 3m	BTCT

- Danh sách máy móc thiết bị của HTXL nước thải sinh hoạt:

TT	Danh mục máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm chìm cánh hở: - Công suất: 4 - 6 m ³ /h - H _{max} = 6m - Kèm theo phao điện - Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	03
2	Máy thổi khí: - Lưu lượng: 0,205 - 0,195 m ³ /phút - Cột áp: H = 2,5m - Động cơ: 0,37 kW/1 pha/50Hz - Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	02
3	Đĩa thổi khí tinh - Đường kính: D270 - Xuất xứ: Đức	Cái	10
4	Máy bơm định lượng Elanta - Model: EFD-30-03-X - Công suất: 65W/220V-50Hz - Lưu lượng: 20 - 30 l/h - Cột áp: 2m - Áp suất: 3 bar - Xuất xứ: Italia	Cái	01
5	Bơm chìm hồ thu gom: - Công suất bơm: 4 - 6 m ³ /h, - H _{max} = 6m - Kèm theo phao điện - Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	01
6	Đồng hồ nước thải D50	Cái	01

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

	- Xuất xứ: Trung Quốc		
7	Hệ thống ống lắng máng thu nước thải - Chất liệu Inox	Cái	01
8	Thùng pha hóa chất 200l	Cái	01
9	Tủ điện điều khiển	Cái	01

- **Định mức hóa chất, chế phẩm vi sinh sử dụng:** Rỉ mật 35 g/m³ nước thải;
Javen: 0,15 lít/m³ nước thải.

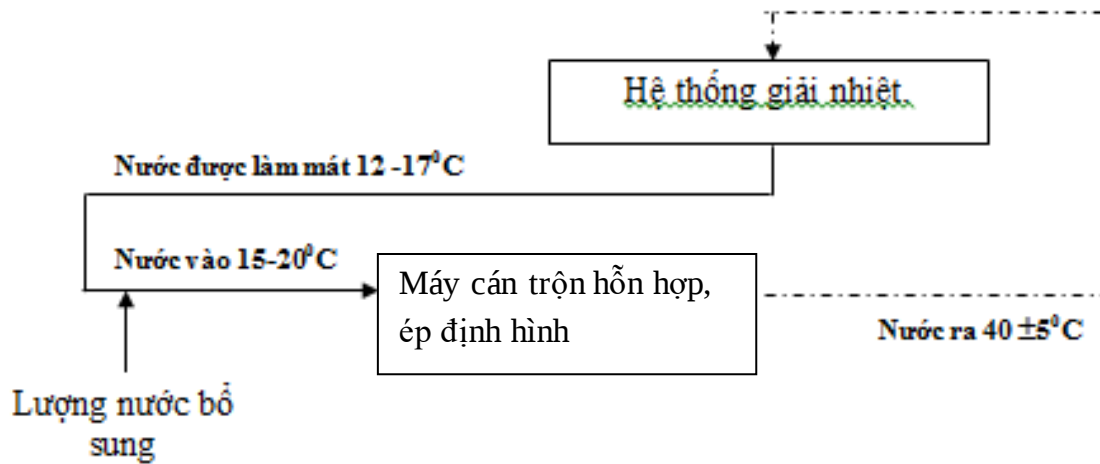
Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải



b. Nước thải sản xuất

- Nước làm mát khuôn có nhiệt độ cao (khoảng 40°C) được đưa đến tháp giải nhiệt. Tháp giải nhiệt hoạt động dựa trên sự chuyển đổi năng lượng nhiệt dư thừa thông qua sự bay hơi của nước vào trong không khí; nhờ vậy mà nhiệt độ của nước còn lại trong tháp được giảm đi đáng kể.

- Tháp giải nhiệt được thiết kế luồng không khí theo hướng ngược với hướng dòng nước. Ban đầu, không khí tiếp xúc với môi trường màng giải nhiệt, sau đó luồng không khí kéo lên theo phương thẳng đứng. Nước được phun xuống do áp suất không khí qua bề mặt tấm giải nhiệt, gió được thổi theo hướng ngược lại. Quá trình này làm một lượng nước bị bốc hơi vào không khí từ đó làm giảm nhiệt độ của nước. Nước sau khi làm mát có nhiệt độ tương ứng với nhiệt độ môi trường và được tuần hoàn tái sử dụng.



Hệ thống làm mát tập trung



Hệ thống làm mát tại các xưởng

- Nước thải từ bể lắng lò hơi: định kỳ 6 tháng vệ sinh bể, nạo vét bùn, thay nước. Phần bùn và nước được công ty xử lý cùng với chất thải nguy hại.

- Nước xả đáy lò hơi định kỳ 6 tháng vệ sinh thay 1 lần, được thu gom và xử lý cùng chất thải nguy hại.

c. Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án bao gồm:

- Hệ thống thoát nước mưa trên mái công trình: Nước mưa theo các ống dẫn PVC từ trên mái các công trình chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở phía dưới. Các ống dẫn PVC có đường kính D90.

- Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mặt là hệ thống cống BTCT D400, D600, chiều dài 1000 m, độ dốc $i = 0,5\%$ được bố trí xung quanh các công trình để thu gom nước mưa trên mái và sân đường nội bộ. Trên hệ thống có bố trí 43 hố ga lắng cặn kích thước $6m \times 0,6m$; $0,8m \times 0,8m$; chiều sâu tùy từng vị trí. Nhà máy có 01 điểm đầu nối nước mưa ra hệ thống thu gom nước mưa của KCN Lai Cách. Tọa độ điểm đầu nối nước mưa của Nhà máy (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

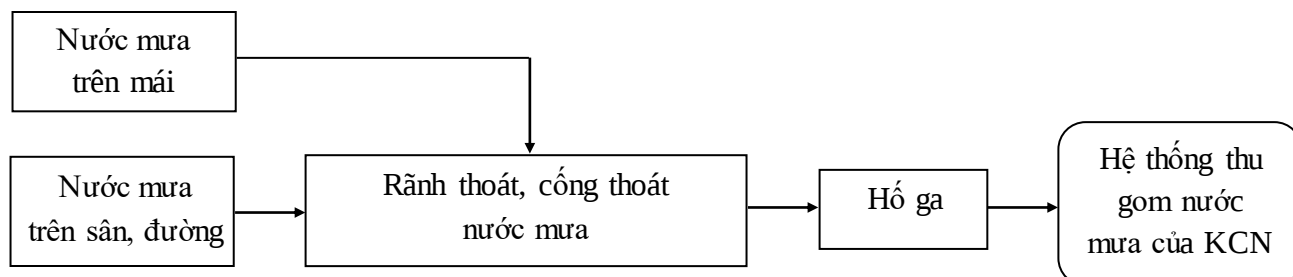
$$X(m) = 2315671; Y(m) = 631727$$

Ngoài ra, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước mưa, tần suất 6 tháng/lần. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.
- Thường xuyên quét dọn sân, đường để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

Hệ thống thu gom nước mưa theo sơ đồ sau:



Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa của dự án

2.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông

Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Các xe ra vào đều có nhân viên bảo vệ hướng dẫn chỗ đỗ và chỗ để xe hợp lý.
- Có chế độ điều tiết xe vận tải chờ NVL, sản phẩm hợp lý, để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại các tuyến đường trong khu vực. Không để tình trạng nổ máy xe trong khi chờ xếp hàng hóa. Tất cả các xe, máy móc tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các biện pháp:

- Bê tông hóa toàn bộ sân, đường giao thông nội bộ của Nhà máy.
- Hàng ngày nhân viên vệ sinh Công ty có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ sân, đường đi nội bộ,... cắt tỉa, chăm sóc cây cảnh.
- Trồng cây xung quanh khu vực Nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi. Công ty sẽ sử dụng đất cho cây xanh đúng với tỷ lệ theo quy hoạch được duyệt.



Hình ảnh hệ thống thu gom và thoát nước mưa

b. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các công đoạn sản xuất

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường công ty đang thực hiện và không thay đổi so với giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

Tại các khu vực sản xuất như: khu vực cán trộn hỗn hợp; khu vực chặt miếng; khu vực ép thành hình; khu vực kiểm tra (quy trình gia công, sản xuất đế giày thể thao). Tại các khu vực cán trộn tạo hạt; khu vực cà nhám; khu vực ép thành hình; kiểm tra (quy trình sản xuất đế lót xốp EVA) có phát sinh bụi, khí, nhiệt thừa và tiếng ồn từ quá trình sản xuất và hoạt động của máy móc, thiết bị. Công ty đã bố trí lắp đặt hệ thống quạt công nghiệp và quạt hút đầy đủ trong khu vực nhà xưởng nhằm đảm bảo không khí được lưu thông ra môi trường bên ngoài xưởng sản xuất, không gây ô nhiễm cục bộ trong nhà xưởng.

Bảng 3.22: Số lượng điều hòa, quạt hút tại các vị trí của Công ty

STT	Khu vực	Số lượng, thông số kỹ thuật
1	Nhà xưởng sản xuất	- 02 điều hòa công suất 220W - 19 quạt công nghiệp công suất 0,75kW, kích thước 1220mm×1220mm. Khoảng cách giữa – 20 quạt hơi nước công nghiệp công suất 1.5kw, lưu lượng gió 2.200 m3/h. - Quạt treo tường 05 cái công suất 140W, quạt đứng 12 cái công suất 140W, quạt treo 43 cái 20W. - 442 bóng đèn huỳnh quang 20W
2	Khu vực văn phòng	4 điều hòa, công suất 1.500 BTU- 1.900BTU
3	Nhà ăn	Quạt trần 13 cái, công suất 77W, quạt cây 1 cái công suất 260w

Ngoài ra để giảm thiểu tác động xấu của bụi và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất tới môi trường và sức khỏe người công nhân. Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị khẩu trang đạt tiêu chuẩn (than hoạt tính, ...) và mặt nạ phòng độc cho công nhân làm việc trong Nhà máy và đặc biệt là công nhân làm việc tại các bộ phận phát sinh khí thải như hàn que.
- Trang bị kính hàn cho công nhân khi hàn.
- Kết thúc ca làm việc, gỉ, bụi gỉ rơi vãi sẽ được công nhân quét dọn, thu gom vào vị trí quy định để tránh việc phát tán bụi.

Dòng khí thải từ lò hơi sẽ được quạt hút hút ra chứa chủ yếu là tro, bụi than, CO₂, hơi nước và một lượng không đáng kể khí NO_x, SO_x.



Quạt điều hòa khu vực ép định hình



Quạt sử dụng trong nhà xưởng



Quạt thông gió và quạt điện khu vực

c. Biện pháp xử lý bụi và khí thải từ lò hơi

Do công suất thiết kế lò hơi là nhỏ 2000 kg/h, do vậy lượng bụi, khí thải thải ra cũng không đáng kể, do vậy công ty vẫn sử dụng công nghệ xử lý nước thải bằng nước để hấp thụ bụi và khí thải. Ngoài ra theo như kết quả đo lấy mẫu tại các đợt quan trắc định kỳ (năm 2023) tại khu vực lò hơi cho thấy các thông số tại thời điểm đo đạt QCVN.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dệp các loại

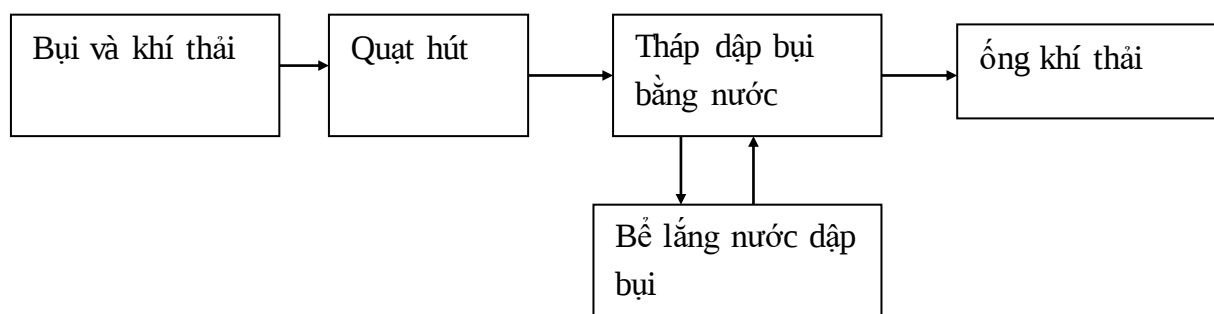
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	
				KT01	Cột B	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	30	200	200
2	CO	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	172,9	1.000	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	114,4	500	500
4	NO _x tính theo NO ₂	mg/Nm ³	QTHT 43/CLC	84,7	850	850
5	Tổng hydrocacbon	mg/Nm ³	US EPA Method 0010	KPH(0,65)	-	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng cột B;
- Cmax: Kp=1 và Kv=1;
- Tổng hydrocacbon bao gồm các cấu tử: n-Hexan, n-Heptan, n-Octan, n-Nonan, n-Decan, Metylcyclohexan, Cyclohexan;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Khói thải từ lò đốt được quạt hút đưa qua vào khoang phân phối nước, tại đây bụi và khí thải được hấp thụ bằng nước. Dòng khí sau khi ra khỏi khoang chứa nước sẽ được thoát ra ngoài qua ống khói. Nước được sử dụng tuần hoàn để hấp thụ khí thải, tháp hùng trụ cso chiều dài 2,5 m, đường kính 0,5 m, hiện tại công ty vẫn sử dụng tuần hoàn và có phương án bổ sung nước theo định kỳ hàng ngày.

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, mức B, với Kp = 1,0, Kv = 1,0



*** Thông số kỹ thuật của hệ thống:**

Bảng 3.23. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy cách
1	Hệ thống đường ống	m	Dài 100m, D300
2	Quạt hút	Cái	công suất 5,5kW, lưu lượng 7.000 m ³ /giờ.
3	Ống khói	Cái	01 cái + Chiều cao: H=11m + Đường kính: D400 Chất liệu: ống thép

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại

4	Bể nước	m ³	8 m ³ ,kích thước L×B×H = 2m×2m×2m.
5	Tháp xử lý	1 tháp	Gạch xây ốp bên ngoài, bên trong là thép không gỉ đường kính D850, chiều cao 1,2m

Ngoài ra để hạn chế sự ảnh hưởng của bụi và khí thải đối với môi trường và sức khỏe của công nhân, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

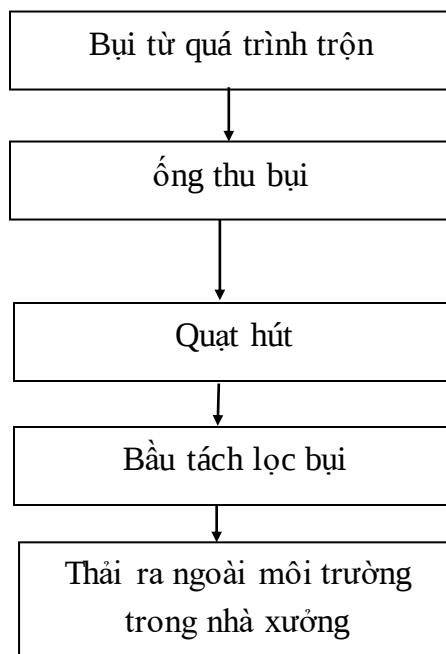
- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị bảo hộ lao động như gang tay, khẩu trang, mũ, ...
- Đưa ra các quy định cho công nhân tuân thủ đầy đủ các bước, quy trình vận hành lò hơi.



Các hạng mục công trình xây lắp mới khi công ty đi vào hoạt động ổn định.

Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại xưởng số 1 (công đoạn cán trộn của quy trình làm đế)

Để giảm thiểu bụi phát sinh tại công đoạn này công ty bố trí lắp đặt 1 hệ thống lọc bụi túi để thu hồi bụi, trực tiếp phát sinh từ máy, sơ đồ nguyên lý như sau:



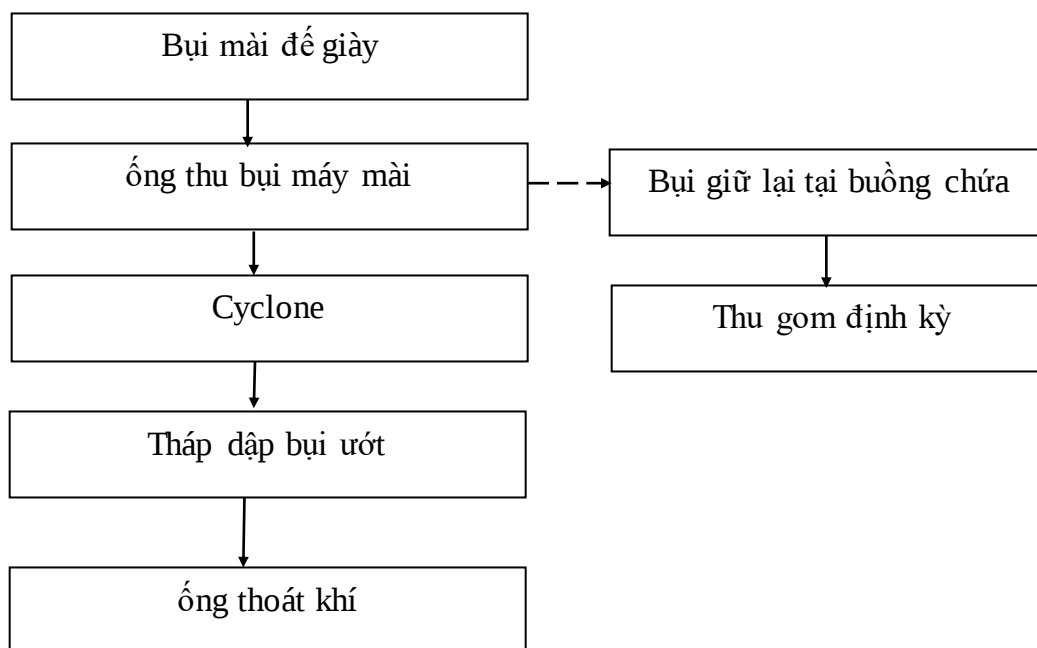
Thuyết minh quy trình:

Không khí cùng với bụi nguyên liệu được quạt hút, hút theo đường ống dẫn đi vào thiết bị lọc bụi túi vải. Khi đi vào túi vải bụi được giữ lại trong túi, khí sạch theo các lỗ hở trên bề mặt túi ra ngoài môi trường. túi được rũ bụi 2 ngày/lần. toàn bộ bụi được thu gom và đưa lại quy trình sản xuất.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi công đoạn trộn.

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	ống dẫn khí chính	m	ống nhựa mềm D250, dài 25 m.
2	Quạt hút	Chiếc	Công suất 2,2kw, lưu lượng 7.000 m ³ /h; số lượng 1 chiếc, xuất xứ Trung Quốc.
3	Túi vải	Chiếc	Kích thước D450*H1.200 mm; vật liệu: vải chống cháy; số lượng 4 túi

*Biện pháp giảm thiểu bụi khu vực mài đế (tại xưởng số 2)



Dưới tác dụng của quạt hút khí, không khí lẫn bụi phát sinh từ khu vực máy mài theo các ống thu bụi có đường kính D250 đến Cyclone, Cyclone là thiết bị xử lý bụi hoạt động dựa trên ứng lực của lực ly tâm, cụ thể: Không khí lẫn bụi được dẫn vào thiết bị xử lý cyclone theo phương tiếp tuyến với ống trụ và được cho chuyển động xoáy tròn hướng xuống dưới. Khi dòng khí gặp phễu sẽ bị đẩy ngược lên và chuyển động xoáy trong ống trụ của thiết bị. Trong quá trình này, dòng khí trong cyclone sẽ chuyển động liên tục và các hạt bụi dưới tác dụng của lực ly tâm sẽ vào thành thiết bị, mất quán tính và rơi xuống dưới đáy của hệ thống và được lưu chứa ở buồng thu bụi.

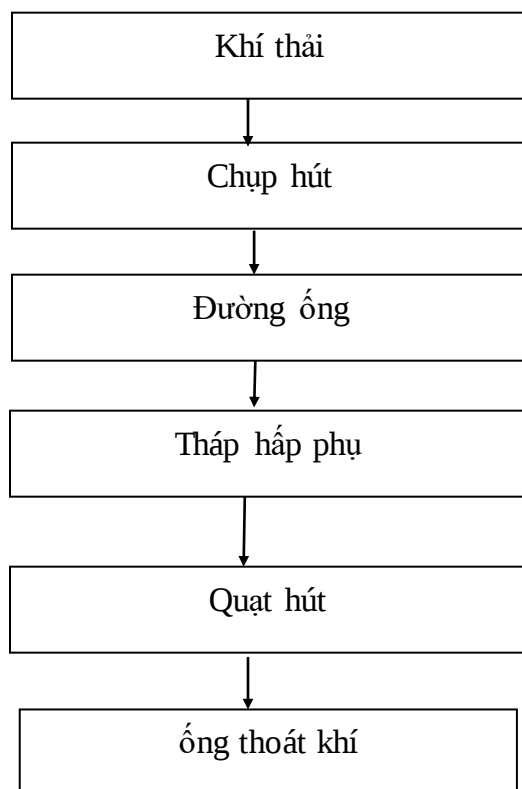
Sau khi qua Cyclone, khí thải đã được tách bớt bụi kích thước lớn, đồng thời giảm nhiệt độ rồi đi vào tháp hấp thụ. Tháp được cấu tạo bên trong gồm lớp vật liệu đệm bằng plastic và giàn vòi phun. Khí thải từ sau Cyclone sẽ được dẫn vào tháp hấp thụ (dạng tháp đệm) theo nguyên lý khí thải đi từ dưới lên tiếp xúc với dòng nước ở dạng sương mù từ trên xuống và tiếp xúc nhau tại lớp vật liệu đệm, bụi còn lại trong nước thải sẽ được nước hấp thụ và đi xuống cùng với dòng chất lỏng. Khí đã được làm sạch thoát ra ngoài ống thải dòng nước lẫn bụi được đưa về bể chứa tách cặn sau đó được tuần hoàn lại cho quá trình xử lý.

Thông số kỹ thuật:

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống thu gom	ống mềm D250, dài 8m/máy
2	Quạt hút	Công suất quạt:18kw; lưu lượng:5.000 m ³ /h
3	Cyclone ly tâm	Đường kính D840; chiều cao 763m
4	Tháp hấp thụ	Chiều dài 2,5m; chiều rộng 1,5m; chiều cao 3m
5	ống thải	Đường kính ống D 0,65m; chiều cao 10m

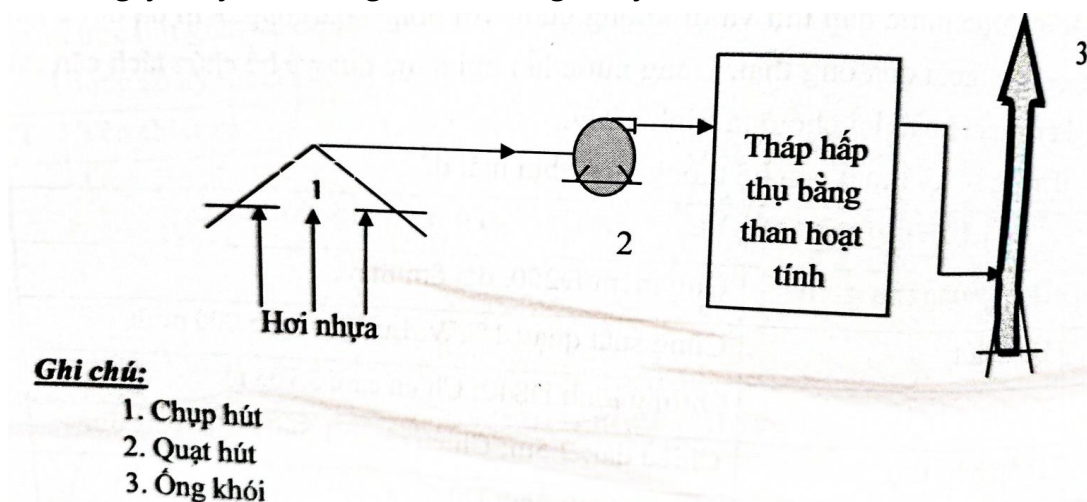
Biện pháp thu gom và xử lý khí thải phát sinh tại xưởng số 2 (khu vực ép định hình)

Bụi, hơi nhựa, hơi cao su phát sinh từ các máy ép định hình được bố trí các chụp hút ngay tại các khu vực phát sinh. Sau đó bụi và khí thải theo đường ống dẫn tới quạt hút ly tâm cao áp tạo áp lực đẩy không khí đi qua buồng lọc có than hoạt tính. Tại đây các khí độc hại sẽ được chất hấp phụ tách từ pha khí vào pha rắn, khí thải sau xử lý đảm bảo chất lượng về cảm quan và các khí độc hại có trong khí thải sẽ đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào môi trường.



Quy trình thu gom và xử lý khí thải

Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý khí thải:



Thông số kỹ thuật:

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Bồn hấp phụ	Số lượng : 1 cái Kích thước: D*R*C=100*1.900*2.200 Vật liệu: thép TC 3 sơn epoxy
2	Quạt hút	Số lượng 1 cái Lưu lượng: Q= 10.000 m ³ /h Áp suất 2.000 Pa Điện áp: 3 pha/380 V/50Hz
3	ống thoát khí	Số lượng : 1 ống Chất liệu: tôn mạ kẽm Kích thước: D200; cao 10 m
4	Chụp hút	Số lượng: 10 cái Vật liệu: tôn mạ kẽm Kích thước: 1.500*1.200*800mm
5	Đường ống	Kích thước D150; D200; D300; D500

Than hoạt tính:

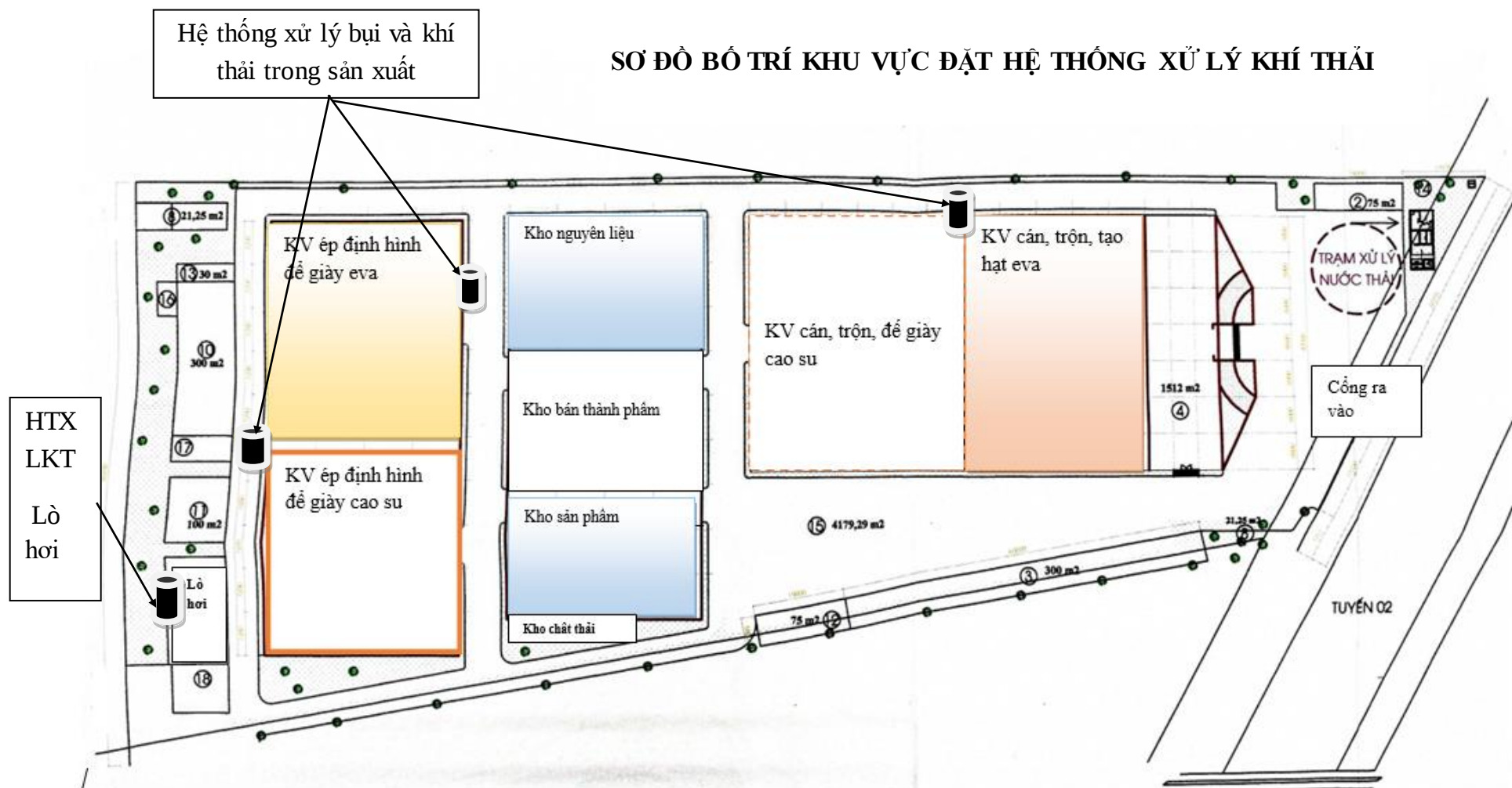
Than hoạt tính sử dụng là một loại hấp phụ tương đối thông dụng, kích thước hạt phổ biến khoảng từ 3-5mm. Độ rộng của than hoạt tính có được là nhờ các mao quản li ti nằm bên trong khối vật liệu. Do đó bề mặt tiếp xúc của than hoạt tính rất lớn có thể đạt 105 đến 106 m³/kg. đối với các chất hữu cơ dễ bay hơi, mức độ hấp phụ của than hoạt tính là khá lớn trong ngưỡng hấp phụ cho phép, hiệu suất xử lý VOC có thể đạt 85%.

Than hoạt tính được bố trí xung quanh tiếp diện của tháp hấp phụ, có kích thước dài rộng là 2,2m *1,9m gồm 2 lớp than hoạt tính, mỗi lớp có độ dài là 10cm. Khối lượng riêng của than hoạt tính được 80kg/m³ (theo sách ô nhiễm môi trường không khí và xử lý khí thải, tập 3, trang 67, giáo sư Trần Ngọc Chấn).

Khối lượng than chứa được trong tháp hấp phụ là:

$$M_{\text{than}} = 2,2 * 1,9 * 1 * 80 = 334 \text{ kg}$$

Thời gian thay than hoạt tính: 6 tháng/lần.



2.2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí 3 thùng nhựa có nắp dung tích 20 lít đặt tại khu vực văn phòng; 5 thùng nhựa loại 30 lít tại hành lang, sân đường nội bộ; 1 thùng loại 50 lít đặt tại kho chứa chất thải sinh hoạt.

Hàng ngày có 1 công nhân vệ sinh sẽ thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt ra kho chứa chất thải sinh hoạt và thuê đơn vị thu gom

Kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 5 m², nằm cạnh kho chất thải nguy hại. Có mái che, nền nhà cao hơn mặt sân, có biển báo.

Công ty thuê Công ty CP môi trường xanh Minh Phúc đến thu gom và xử lý theo đúng hợp đồng số 21.6/HDD/MP-TC.

- Ngoài ra công ty tổ chức công nhân thực hiện quét dọn vệ sinh thường xuyên, thu gom rác thải. Công nhân đều được trang bị BHLĐ như găng tay, khẩu trang, ủng, chổi, xẻng...

- Định kỳ hút bỏ bùn cặn bể phốt và đưa đi xử lý như CTR thông thường theo đúng quy định hiện hành.



Thùng chứa rác thải tại hành lang, sân đường và công nhân vệ sinh



Kho chất thải sinh hoạt

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn thông thường có 3 loại chính:

- Các sản phẩm cao su hỏng, bavia
- Các sản phẩm eva hỏng, bavia eva
- Các loại chất thải rắn khác (thùng bìa, nilon,...)

Công ty thực hiện các biện pháp sau:

+ Đối với các sản phẩm cao su hỏng, bavia cao su thu gom vào các giỏ nhựa loại 20-50 lít ngay tại vị trí phát sinh, sau đó vận chuyển qua kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 20 m². Sau đó sẽ qua công đoạn chặt phế và đóng vào thùng tôn loại 1 m³ và thuê đơn vị thu gom đến vận chuyển và xử lý.

+ Đối với các loại chất thải rắn khác: thu gom về kho chứa và thuê đơn vị xử lý.

Kho chứa chất thải rắn sản xuất diện tích 20 m², nằm cạnh kho chất thải nguy hại. Có mái che, nền nhà cao hơn mặt sân, có biển báo.

Công ty thuê Công ty CP môi trường xanh Minh Phúc đến thu gom và xử lý theo đúng hợp đồng số 21.6/HDD/MP-TC.

+ Đối với các loại chất thải là sản phẩm eva, bavia eva sẽ thu gom vào giỏ nhựa loại 20-50 lít đặt ngay tại vị trí phát sinh và tập hợp về nhà tái chế có diện tích 120 m² để nghiền, làm sạch và tái sử dụng lại làm nguyên liệu đầu vào.

Hiện nay Công ty có 2 máy tái chế chất thải sản xuất.

+ 01 máy nghiền công suất 22kW, có trình tự thao tác như sau:

Trước khi làm kiểm tra máy nghiền xem có bị lẫn tạp chất

Kiểm tra an toàn phương tiện máy móc, bật công tắc nguồn điện sau khi đã kiểm tra xong

Khởi động máy nghiền, mở nước thiết bị làm mát moto và công tắc quạt thổi, bảo đảm máy nghiền được làm mát tốt

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

Đầu liệu cho vào nên được thống nhất để tránh tình trạng quá tải máy nghiền

Khi dùng máy nghiền, cần cho liệu bên trong chạy hết, sau đó để cho máy chạy khoảng 2 phút mới có thể dừng máy, tắt nguồn điện

Trong quá trình nghiền, nghe thấy âm thanh bất thường phải lập tức dừng máy kiểm tra xem có vấn đề gì để loại bỏ sau đó mới có thể khởi động lại.

+ 01 máy tái chế công suất 45 W, quy trình vận hành như sau:

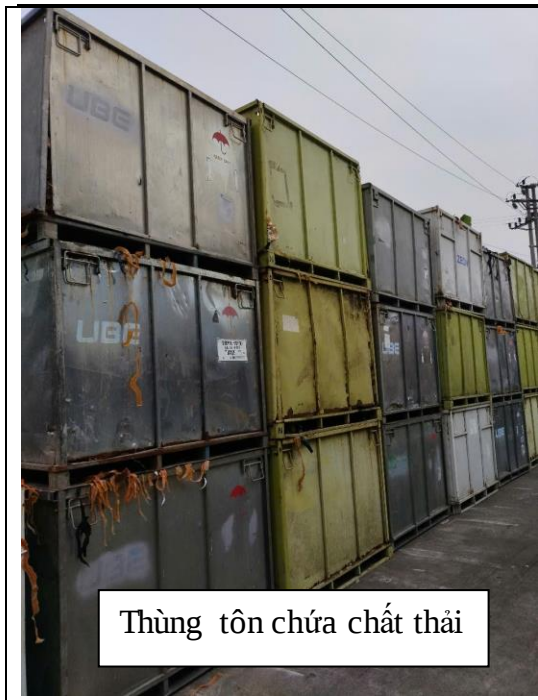
Liệu tái chế tùy theo màu sắc: màu đậm, màu nhạt, màu trắng, 3 màu phải để riêng

Trước khi tái chế cần phải cắt bỏ liệu biên, làm sạch bụi trên bề mặt liệu và loại bỏ các tạp chất dính bẩn.

Sau khi làm sạch liệu phế cho vào máy nghiền theo trọng lượng 10kg/mảnh, đưa vào bánh xe lăn, chạy liệu xong trải lên sàn nhà để làm nguội lạnh.

Các nguyên liệu được làm lạnh, cuộn lại và tiếp tục để nguội hoàn toàn, sau đó để lên tấm gỗ dùng vỏ Eva sạch buộc lại để không bị lẫn liệu





Thùng tôn chứa chất thải



Máy chặt phế

c. Chất thải nguy hại

Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Phân loại chất thải ngay tại nguồn. Bố trí 5 thùng chứa bằng nhựa HDPE dung tích 100 - 220 lít được dán tên và mã chất thải nguy hại.

- Bố trí 01 công nhân vệ sinh có nhiệm vụ thu gom CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp, CTNH. Công nhân đều được trang bị BHLĐ như găng tay, khẩu trang, ủng, chổi, xẻng...

- Bố trí khu vực lưu chứa CTNH: Diện tích 20 m². Kết cấu khung thép, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; vật liệu thấm hút; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Ký hợp đồng với Công ty CP môi trường xanh Minh Phúc đến thu gom và xử lý theo đúng hợp đồng số 21.6/HDD/MP-TC.

Tần suất thu gom 03 tháng/lần hoặc khi phát sinh nhiều chất thải.



Hình ảnh kho chất thải

2.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động sản xuất, Công ty thực hiện các biện pháp như sau:

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn. Máy nén khí được để trong phòng kín.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành

a. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

*** Biện pháp phòng ngừa:**

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất; tần suất bảo dưỡng 06 tháng/lần.
- Trang bị các thiết bị dự phòng (gồm: 01 máy bơm lưu lượng 0,8 m³/h; 01 máy thổi khí lưu lượng 40 m³/h) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.
- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

*** Biện pháp khắc phục:**

- Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hỗ trợ khắc phục sự cố.
- Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.
- Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai Cách khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.
- Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn phải ngưng hoạt động hệ thống để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.
- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu vào của Khu công nghiệp Lai Cách phải đóng van xả nước thải ra điểm đầu nối; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản của Công ty và các doanh nghiệp lân cận...; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mới tiếp tục xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp.
- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

năng lưu chứa tại các bể trong hệ thống thì Công ty liên hệ với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Lai Cách đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

Tóm tắt phương án phòng ngừa và khắc phục sự cố, kiểm soát hoạt động xử lý nước thải của Công ty.

1	Bơm yếu hoặc không chạy	- Do tắc rác dẫn đến kẹt cánh quạt bơm	- Vệ sinh rọ rác hàng ngày tại hố gom - Tháo bơm ra kiểm tra lại
		- Mất nguồn điện cấp vào	- Bơm hỏng → thay bơm khác đúng chủng loại - Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào bơm
		- Phao tín hiệu hỏng	- Kiểm tra lại phao - Thay phao nếu phao hỏng
	Không có khí cấp vào bể	- Máy thổi khí - Chưa mở van điều chỉnh	- Kiểm tra lại máy thổi khí - Kiểm tra lại van điều chỉnh khí ở bể điều hòa
2	Bùn không đảo hoặc đảo không đều	- Do chưa mở máy hoặc mở máy không đúng - Motor khuấy có vấn đề	- Điều chỉnh lại motor khuấy - Kiểm tra lại máy hoặc có biện pháp khắc phục
	Nước đảo nhưng không có bùn, màu nước trong hoặc đen	- Do vận hành sai dẫn tới mất bùn	- Tiến hành nuôi cấy lại
	Máy yếu hoặc không chạy	- Mất nguồn điện cấp vào	- Máy hỏng → thay máy khác đúng chủng loại - Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào máy
3	Bơm yếu hoặc không chạy	- Mất nguồn điện cấp vào	- Bơm hỏng → thay bơm khác đúng chủng loại - Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào bơm
	Không có khí cấp vào bể	- Máy thổi khí - Chưa mở van điều chỉnh	- Kiểm tra lại máy thổi khí - Kiểm tra lại van điều chỉnh khí ở bể hiếu khí
	Đệm vi sinh bị	- Hỏng chức năng cố định	- Chăng và cố định lại lớp

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dệp các loại

	bung và không có định 1 chỗ	đệm trên mặt bể - Đệm hết thời hạn sử dụng (12 - 24 tháng)	đệm vi sinh bị bung - Thay thế đệm mới nếu hết thời hạn sử dụng
	Mất bùn hoặc bùn bị vỡ nhỏ	- Do sục khí - Sai quy trình vận hành hoặc mất điện,...	- Kiểm tra lại toàn bộ hệ thống. - Nuôi cấy vi sinh lại
	Bể sinh học chứa đầy bọt trắng	- Hỗn hợp rắn lơ lửng có thể thấp - Vi sinh bị ức chế dẫn đến phân hủy nội bào	- Giảm thải bùn, tăng hỗn hợp rắn lơ lửng - Xem lại hệ thống vận hành
	Khí không đều trên bề mặt bể, bọt khí đường kính không nằm trong khoảng 4 - 5mm	- Bị mất áp cho dàn khí - Đĩa khí hết thời hạn sử dụng	- Điều chỉnh lại van khí thay đổi áp cho phù hợp - Thay thế đĩa khí mới nếu hết hạn sử dụng
4	- Bơm yếu hoặc không chạy - Bùn nổi nhiều	- Mất nguồn điện cấp vào - Bùn bị phân hủy kỵ khí và lắng chưa hiệu quả do quy trình hoặc cấu tạo bể lắng	- Bơm hỏng → thay bơm khác đúng chủng loại - Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào bơm - Kiểm tra lại quy trình vận hành - Bể lắng không tính nước có những dòng chuyển động
5	Mọc tảo rêu hoặc có vi sinh vật phù du	- Hóa chất khử trùng	Kiểm tra hóa chất khử trùng, kiểm tra bơm định lượng
	Nước màu không trong	- Sai quy trình vận hành	Kiểm tra lại quy trình vận hành

b. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải

*** Biện pháp phòng ngừa:**

- Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Giấy phép môi trường thì dừng ngay việc xả bụi, khí thải ra môi trường và dừng hoạt động phát sinh khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

*** Biện pháp khắc phục:**

- Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.
- Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.
- Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.
- Trang bị 01 quạt hút dự phòng công suất 7.000 m³/h để kịp thời sử dụng khi xảy ra sự cố đối với quạt hút.
- Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.
- Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

c. Đối với biện pháp PCCC

Công ty đã được phòng cảnh sát PCCC và CNCH- Công an tỉnh Hải Dương có văn bản nghiệm thu về PCCC số 116//NT-PCCC, ngày 15/5/2024. Nội dung nghiệm thu bao gồm:

Mặt bằng bố trí công năng trong công trình

Khoảng cách an toàn PCCC, bậc chịu lửa công trình/

Đường giao thông cho xe chữa cháy

Lối đường thoát nạn, hệ thống báo cháy tự động

Hệ thống cấp nước chữa cháy, phương tiện chữa cháy ban đầu

Ngoài ra Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.
- Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc.
- Công nhân trực tiếp sản xuất phải nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong Nhà máy.
- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.
- Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại Nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.

- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.

- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.

- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Thành lập đội PCCC trong Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót về công tác PCCC.

*** Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ:**

- Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn Nhà máy biết bằng hệ thống đèn báo.

- Cắt điện tại khu vực cháy.

- Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại Nhà máy.

- Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.

d. Biện pháp phòng cháy các thiết bị điện

- Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ khi quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ.

- Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm chống chập mạch dẫn đến cháy nổ theo phản ứng dây chuyền.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây điện trong toàn khu vực hoạt động của Nhà máy như hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.

e. Hệ thống chống sét và tiếp đất

Bố trí một hệ thống nối đất an toàn cho các thiết bị. Tất cả các vỏ máy tủ điện và các phần kim loại của hệ thống điện đều phải nối đất. Hệ thống nối đất an toàn cho

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

các thiết bị được thiết kế đi độc lập với hệ thống nối đất chống sét. Điện trở nối đất của hệ thống an toàn cho các thiết bị phải đảm bảo nhỏ hơn 4Ω .

Hệ thống chống sét cho công trình sử dụng đầu kim thu sét được sản xuất theo công nghệ tiên tiến. Dây nối đất dùng loại cáp đồng trục được bọc đồng bằng 3 lớp cách điện đặc biệt có thể lắp ngay bên trong công trình để cách ly hoàn toàn dòng sét ra khỏi công trình và hạn chế tác hại của trường điện từ lên các thiết bị điện tử. Sử dụng kỹ thuật nối hình tia chân chim đảm bảo tổng trở đất thấp và giảm điện thế bước gây nguy hiểm cho người và thiết bị. Điện trở nối đất của hệ thống chống sét phải đảm bảo $< 10 \Omega$.

f. An toàn lao động

- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động.
- Lập bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc. Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.
- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi sản xuất, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc để ngăn ngừa tai nạn.
- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động.
- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị máy móc.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.
- 100% cán bộ, công nhân trong Công ty được mua bảo hiểm y tế. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 lần/năm.

**** Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố mất an toàn lao động:***

- Ngừng ngay hoạt động của máy, thiết bị và các hoạt động tại nơi có sự cố.
- Không được buộc người lao động tiếp tục làm việc hoặc trở lại nơi làm việc khi các nguy hiểm chưa được khắc phục.
- Thực hiện các biện pháp để cứu người và tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động. Gọi cấp cứu y tế (115) nếu có người bị tai nạn.
- Bố trí phòng nằm nghỉ, nằm chờ cho người lao động khi gặp sự cố an toàn lao động tại nhà văn phòng và nhà ăn.
- Kịp thời thông báo với chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố.

g. Giải pháp an toàn giao thông

- Phân luồng giao thông phù hợp, có kế hoạch điều động xe vận tải một cách khoa học nhằm tránh hiện tượng kẹt xe nhất là vào giờ cao điểm.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe nhằm phòng tránh tai nạn giao thông, rò rỉ nhiên liệu và cháy nổ thùng xe.

- Nghiêm cấm vận tải vượt quá tải trọng của xe quy định.
- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục lái xe về tuân thủ các quy định an toàn giao thông.

h. Biện pháp phòng chống và ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

Công ty tổ chức ăn ca cho CBCNV trong Nhà máy. Để đảm bảo không xảy ra ngộ độc thực phẩm hay các ảnh hưởng liên quan đến thực phẩm Công ty thực hiện như sau:

- Nhà ăn thoáng, mát, đủ ánh sáng, có thiết bị chống ruồi, muỗi, bọ, chuột, động vật và duy trì chế độ vệ sinh sạch sẽ.
 - Có hệ thống thiết bị bảo quản thực phẩm, hệ thống nhà vệ sinh, rửa tay và thu dọn chất thải, rác thải hàng ngày sạch sẽ.
 - Trên tất cả các mặt hàng là phụ gia dùng trong ngành thực phẩm được sử dụng trong bếp ăn đều có nhãn hiệu rõ ràng, tên - địa chỉ cơ sở sản xuất, ngày tháng sản xuất, hạn sử dụng và hướng dẫn sử dụng rõ ràng.
 - Công nhân nhà ăn được tham gia lớp tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm và khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
 - Nhà ăn bố trí rộng rãi thoáng mát, bàn ghế sạch đẹp, mùa đông ấm áp, mùa hè mát mẻ với hệ thống làm mát bằng quạt trần và quạt treo tường.
 - Chất lượng các bữa ăn được kiểm soát chặt chẽ.
 - Lưu mẫu thực phẩm hàng ngày.
- * Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố mất an toàn thực phẩm:***
- Sơ cứu đối với trường hợp ngộ độc nặng, bị mất kiểm soát cơ thể.
 - Đưa những người bị ngộ độc tới cơ sở y tế gần nhất.
 - Cảnh báo những người có nguy cơ bị ngộ độc nhằm theo dõi sức khỏe bản thân để có ứng cứu kịp thời.
 - Điều tra, làm rõ nguyên nhân gây ngộ độc và có biện pháp xử lý, phòng tránh.

l. Biện pháp phòng chống dịch bệnh

Để phòng ngừa sự cố dịch bệnh có thể xảy ra, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tuyên truyền cho CBCNV trong Nhà máy sống lành mạnh, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh môi trường.
- Thành lập ban chỉ đạo phòng, chống dịch tại Công ty.
- Tuyên truyền cho CBCNV về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh như sau:
 - + Thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn có cồn (ít nhất 60% cồn).
 - + Đeo khẩu trang nơi công cộng, trên phương tiện giao thông công cộng.

+ Tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng. Che miệng và mũi khi ho hoặc hắt hơi bằng khăn giấy, khăn vải, khuỷu tay áo.

+ Tăng cường vận động, rèn luyện thể lực, dinh dưỡng hợp lý xây dựng lối sống lành mạnh.

+ Khi có dấu hiệu sốt, ho, hắt hơi, và khó thở, người dân hãy tự cách ly tại nhà, đeo khẩu trang và gọi cho cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn, khám và điều trị.

+ Tự cách ly, theo dõi sức khỏe, khai báo y tế đầy đủ nếu trở về từ vùng dịch.

Các biện pháp ứng phó sự cố dịch bệnh: Khi có dịch bệnh phát sinh, Ban lãnh đạo của Công ty sẽ kết hợp với chính quyền và các cơ quan y tế địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời:

- Áp dụng các biện pháp cách ly ngăn chặn sự phát tán của dịch bệnh ra khu vực dân cư lân cận.

- Khoanh vùng dịch bệnh, làm công tác vệ sinh như phun chất khử trùng.

- Rà soát người ra vào Công ty trong thời gian có khả năng lây nhiễm dịch bệnh.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

Bảng 3.24. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án	
1	Nước thải	Hệ thống thu gom riêng biệt nước mưa, nước thải
		Bể phốt, bể tách mỡ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt
		HTXL nước thải công suất 40 m ³ /ngày đêm
2	Khí thải	Hệ thống điều hòa không khí, quạt trần
		HTXL khí thải từ khu vực lò hơi
		Hệ thống chụp hút khí thải nhà bếp
		Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung
		Biện pháp trồng cây xanh và bê tông hóa sân đường
		Biện pháp vệ sinh công nghiệp trong nhà xưởng
3	CTR, CTNH	Thiết bị lưu giữ, thu gom CTR sinh hoạt
		Thiết bị lưu giữ, thu gom CTR sản xuất, CTNH
		Khu vực chứa CTR thông thường, khu vực chứa CTNH
4	Các hạng mục công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố và các công trình khác	Hệ thống phòng chống cháy nổ, chống sét
		Biện pháp an toàn lao động
		Biện pháp an toàn giao thông
		Biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm
		Biện pháp phòng chống dịch bệnh
		Biện pháp phòng chống, ứng phó với sự cố của HTXL

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

TT	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án
	khí thải, HTXL nước thải sinh hoạt

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

- Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục.

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.25. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường

TT	Các công trình, thiết bị bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp
1	Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt	Đã lắp đặt
2	Bể phốt, bể tách mỡ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt	
3	HTXL nước thải công suất 40m ³ /ngày đêm	
4	Hệ thống điều hòa không khí	
5	HTXL khí thải từ khu vực lò hơi	
6	Lắp đặt chụp hút, ống phóng không khu vực bếp ăn	

3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 3.26. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Các biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch tổ chức thực hiện
1	Thu gom và thoát nước mưa	Đang thực hiện các biện pháp
2	Thu gom nước thải về HTXL nước thải sinh hoạt	
3	Xử lý bằng sơ bộ nước thải sinh hoạt bằng bể phốt, bể tách mỡ	
4	Vận hành HTXL nước thải công suất 40 m ³ /ngày đêm	
5	Vận hành hệ thống điều hòa không khí	
6	Vận hành HTXL khí thải tại khu vực lò hơi	
7	Vận hành quạt hút khu vực nhà bếp	
8	Thu gom chất thải về các kho chứa chất thải. Thực hiện phân loại chất thải, thuê các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý các loại CTR, CTNH tại Nhà máy	
9	Lắp đặt và vận hành hệ thống PCCC	
10	Lắp đặt các thiết bị chống sét, an toàn sử dụng điện	
11	Thực hiện các biện pháp an toàn lao động	
12	Thực hiện các biện pháp an toàn giao thông	
13	Thực hiện các biện pháp an toàn hóa chất	
14	Thực hiện các biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm	

3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT

Bảng 3.27. Kinh phí đầu tư các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Nội dung	Đơn vị	Kinh phí
1	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	VNĐ	200.000.000
2	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải	VNĐ	100.000.000
3	Xây dựng bể phốt, bể tách mỡ	VNĐ	50.000.000
4	Xây dựng HTXL nước thải công suất 40 m ³ /ngày đêm	VNĐ	200.000.000
5	Hệ thống điều hòa không khí	VNĐ	3.000.000.000
6	HTXL khí thải tại khu vực lò hơi	VNĐ	800.000.000
7	Lắp đặt chụp hút, ống phóng không khu vực bếp ăn	VNĐ	30.000.000
8	Lắp đặt các hệ thống PCCC	VNĐ	3.000.000.000
9	Lắp đặt các thiết bị chống sét, an toàn sử dụng điện	VNĐ	200.000.000

Bảng 3.28. Kinh phí vận hành các công trình BVMT

TT	Nội dung	Đơn vị tính/năm	Kinh phí
1	Kinh phí nạo vét và vận hành hệ thống thoát nước mưa	VNĐ	72.000.000
2	Kinh phí nạo vét và vận hành hệ thống thoát nước thải	VNĐ	30.000.000
3	Kinh phí vận hành bể phốt, bể tách mỡ	VNĐ	60.000.000
4	Kinh phí vận hành HTXL nước thải công suất 40m ³ /ngày đêm	VNĐ	100.000.000
5	Kinh phí vận hành hệ thống điều hòa không khí	VNĐ	360.000.000
6	Kinh phí vận hành HTXL khí thải tại khu vực lò hơi	VNĐ	100.000.000
7	Kinh phí vận hành hệ thống chụp hút, ống phóng không khu vực bếp ăn	VNĐ	20.000.000
8	Kinh phí thuê xử lý rác thải thông thường	VNĐ	24.000.000
9	Kinh phí thuê xử lý chất thải nguy hại	VNĐ	36.000.000
10	Kinh phí diễn tập sự cố môi trường	VNĐ	50.000.000

3.5. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

- Quản lý môi trường trong giai đoạn hoạt động của Dự án:

Công ty thành lập thêm bộ phận quản lý môi trường và an toàn hóa chất, phòng

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

**** Về các phương pháp đánh giá tác động môi trường:***

Các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng trong báo cáo là những phương pháp phổ biến hiện nay. Tuy mỗi phương pháp đều có những ưu nhược điểm riêng song chúng lại bổ trợ cho nhau để xây dựng lên một bức tranh tổng thể, chi tiết về các tác động môi trường khi thực hiện dự án cả về định tính và định lượng. Cụ thể như sau:

- *Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm của WHO:* Phương pháp này do WHO thực hiện nhằm ước tính tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động của Dự án. Các hệ số ô nhiễm đối với từng loại máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, loại hình sản xuất đã được WHO quan trắc, phân tích, nghiên cứu, thống kê từ nhiều nguồn qua nhiều năm nên có mức độ tin cậy cao. Tuy nhiên, do sự phát triển của khoa học công nghệ ngày càng nhanh nên các số liệu có phần lạc hậu so với hiện tại song vẫn có thể chấp nhận được trong phạm vi của báo cáo này.

- *Phương pháp thống kê:* Là phương pháp đơn giản do chỉ cần thu thập và liệt kê từ các tài liệu, báo cáo khoa học đã có sẵn. Mức độ tin cậy của các số liệu phụ thuộc vào các tổ chức, cơ quan thống kê, nghiên cứu.

- *Phương pháp so sánh:* Là phương pháp đơn giản và có độ tin cậy cao bởi chỉ cần so sánh kết quả quan trắc và phân tích môi trường với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- *Phương pháp kế thừa:* Là phương pháp có độ tin cậy cao do kế thừa các thông tin của các dự án đang hoạt động có loại hình, công nghệ tương tự.

**** Về các tài liệu sử dụng trong đánh giá tác động môi trường:***

Tất cả các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo trong báo cáo đều được tham chiếu từ các tư liệu chính thống đã và đang được áp dụng tại Việt Nam. Các sách giáo khoa, giáo trình đang được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và tham khảo tại các trường Đại học như: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Kiến trúc,... Các tài liệu, dữ liệu thống kê về tình hình khu vực dự án được các nhà khoa học, cơ quan chính quyền theo dõi, tính toán, đo đạc rất cụ thể nên kết quả cũng đáng tin cậy.

**** Về nội dung của báo cáo:***

- Thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nêu và đánh giá đầy đủ các tác động môi trường, các rủi ro, sự cố có khả năng xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án. Đồng thời đưa ra được các giải pháp khả thi để giảm thiểu tác động xấu của dự án tới môi trường.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai Cách, không thải ra môi trường).

- Công ty TNHH SX-TM Tân Cường có trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai cách theo quy định của Công ty TNHH Đại Dương.

2. Nội dung đề nghị cấp phép khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải lò hơi

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng thải Tương ứng với 01 ống thải của 01 hệ thống xử lý khí thải.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°*): $X(m) = 2315465$; $Y(m) = 631779$

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $7.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải gián đoạn 16/24 giờ (theo giờ làm việc).

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT mức B với $K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm^3	180	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	SO_2	mg/Nm^3	450		
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	765		
4	CO	mg/Nm^3	900		

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Khu vực cán trộn

- Nguồn số 02: Khu vực ép định hình

- Nguồn số 03: Khu vực cắt
- Nguồn số 04: Khu vực trà nhám đế giày
- Nguồn số 05: Khu vực máy bơm của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3.2. Vị trí phát sinh

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2315589; Y(m) = 631734
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2315486; Y(m) = 631742
- Tọa độ nguồn số 03: X(m) = 2315571; Y(m) = 631761
- Tọa độ nguồn số 04: X(m) = 2315502; Y(m) = 631739
- Tọa độ nguồn số 05: X(m) = 2315668; Y(m) = 631726

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30', múi chiều 3⁰)

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

4. Quản lý chất thải

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng	Mã CTNH
1	Bao bì cứng bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	kg/năm	100	18 01 02
2	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	kg/năm	200	18 01 03
3	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	kg/năm	50	18 02 01
4	Bóng đèn led thải	kg/năm	50	16 01 13
5	Pin, ắc quy thải	kg/năm	20	19 06 01
6	Than hoạt tính	kg/năm	668	02 11 02

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại

TT	Chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng	Mã CTNH
Tổng			1.088	

4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Chất thải rắn	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT
1	Bao bì rách hỏng	Rắn	500	18 01 06
2	Bao bì carton, giấy thừa hỏng	Rắn	1.000	18 01 05
3	Giẻ lau không dính thành phần nguy hại	Rắn	300	12 09 09
4	Bavia EVA và bavia cao su	Rắn	7.000	-
5	Hộp mực thải (từ hoạt động văn phòng)	Rắn	50	08 02 08
6	Xi lò hơi	Rắn	2.500	04 02 06
Tổng khối lượng			11.350	

4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Rác thải sinh hoạt chủ yếu là vỏ bao bì đựng thức ăn, thức ăn thừa hỏng phát sinh khoảng 7,5 tấn/năm.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Công ty có hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế là 40 m³/ngày và hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 7.000 m³/h. Hai công trình xử lý chất thải này đã được vận hành thử nghiệm và được cấp trong giấy xác nhận số 47/GXN-STNMT ngày 18/3/2016 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành.

Do vậy theo khoản 1 điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định định chi tiết một số điều của Luật môi trường năm 2020 thì công ty không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Không có.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại của Công ty TNHH SX-TM Tân Cương trong quá trình hoạt động, Chủ dự án cam kết:

* Cam kết toàn bộ các thông tin, thông số nêu trong bản báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường nêu trên là hoàn toàn chính xác, trung thực, nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

* Cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Xây dựng bể phốt, bể tách mỡ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.
- Xây dựng, lắp đặt, vận hành HTXL nước thải công suất 40 m³/ngđ.
- Xây dựng, lắp đặt hệ thống thông thoáng nhà xưởng, cải thiện vi khí hậu trong nhà xưởng.

- Lắp đặt, vận hành HTXL khí thải từ khu vực lò hơi
- Lắp đặt hệ thống chụp hút, ống thoát khí khu vực bếp ăn.
- Thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và xử lý theo quy định.
- Thu gom, lưu giữ, bảo quản và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
- Xây dựng hệ thống PCCC hoàn chỉnh theo đúng các quy định về PCCC.
- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng khu vực dự án.
- Trồng cây xanh tại những chỗ trống để tạo cảnh quan.

* Cam kết trong quá trình hoạt động, dự án đảm bảo đạt các quy chuẩn Việt Nam về môi trường bao gồm:

- *Môi trường không khí*: Các chất ô nhiễm trong khí thải của dự án khi thải ra môi trường bảo đảm đạt các tiêu chuẩn sau:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về việc áp dụng 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- + QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc.

- *Tiếng ồn*: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của dự án sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

- + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- *Độ rung*: Đảm bảo độ rung sinh ra từ quá trình hoạt động của Nhà máy sẽ đạt quy chuẩn cho phép bao gồm:

- + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- + QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- *Nước thải*: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Lai Cách (QCVN 40:2011/BTNMT, mức A). Ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH Đại Dương tiếp tục xử lý nước thải của Nhà máy.

- *Chất thải rắn và chất thải nguy hại*: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- * Cam kết khác:

- Tuân thủ quy định đầu tư; pháp luật về đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, PCCC, quy định khác của pháp luật có liên quan và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai dự án thực hiện dự án đầu tư.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.

- Thực hiện thu gom, thuê xử lý đối với các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định, không được thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng máy móc; thiết bị dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý các KCN, các cơ quan có liên quan để quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất, cũng như có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0801039231

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 09 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 15 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX-TM TÂN CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN CUONG TRADING AND
MANUFACTURING CO., LTD

Tên công ty viết tắt: TAN CUONG CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô XN1-1, KCN Lai Cách, Km 49 quốc lộ 5, Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Điện thoại: 0320.3.555.368

Fax: 0320.3.555.269

Email: tancuonghaiduong@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 94.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ đồng

Tương đương 4.455.000 USD

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY ORBIT CAPITAL INC	Seychelles	1st Floor, #5 Dekk House, De Zippora Street, Providence Industrial Estate, Mahé Republic of, Seychelles	47.550.000.000	50,580	131073	

2	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI TÂN THÀNH HÒA	Việt Nam	E15A, Đường số 12, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	37.900.000.000	40,320	0301743506	
3	YE JING RONG	Trung Quốc	Thôn Tiên, Thị Trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	5.250.000.000	5,590	EM5371827	
4	WEN XIAO HUI	Trung Quốc	A2-8 Chung cư Mỹ Khánh 1 Block A, Đường Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.300.000.000	3,510	EJ4673673	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: YE JING RONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *10/06/1972* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *EM5371827*

Ngày cấp: *09/05/2024* Nơi cấp: *Cục quản lý di dân quốc gia cộng hòa nhân dân Trung Hoa*

Địa chỉ thường trú: *No.7, Alley 18, Lutang Quarter, Luocun Subdistrict Nanhai District, Foshan, Guangdong, China, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Tiên, Thị Trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5428036567

Chứng nhận lần đầu: Ngày 26 tháng 9 năm 2013
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 29 tháng 10 năm 2013
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ sáu: Ngày 05 tháng 9 năm 2022
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ bảy: Ngày 05 tháng 8 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương: Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5428036567 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 9 năm 2013, điều chỉnh lần thứ sáu ngày 05 tháng 9 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801039231 do Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 9 năm 2013, thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 7 năm 2024;
Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH SX-TM Tân Cương nộp ngày 30 tháng 7 năm 2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT KHẨU PHỤ LIỆU NGÀNH GIẤY DÉP CÁC LOẠI; Mã số dự án 5428036567,

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: No.7, Alley 18, Lutang Quarter, Luocun Subdistrict Nanhai District, Foshan, Guangdong, China.

4. Nhà đầu tư thứ tư:

Họ và tên: WEN XIAO HUI

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: ngày 05 tháng 8 năm 1987; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số: EJ4673673; Ngày cấp: ngày 05 tháng 3 năm 2021; Nơi cấp: Lãnh sự quán Trung Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Rm 1801, T17 Building Xing Yao Internation Garden, San huan south road, No.25, Huizhou, Guangdong Province, P.R. China.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH SX-TM TÂN CƯỜNG; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801039231, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 9 năm 2013, thay đổi lần thứ bảy ngày 15 tháng 7 năm 2024; Mã số thuế: 0801039231.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT KHẨU PHỤ LIỆU NGÀNH GIÀY DÉP CÁC LOẠI.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất đế giày thể thao các loại.	2219; 2220
2	Sản xuất đế lót xốp bằng Eva các loại.	2220
3	Sản xuất tấm Eva các loại và những sản phẩm khác từ Eva.	2220
4	Sản xuất những sản phẩm từ cao su khác.	2219

** Quy trình sản xuất các sản phẩm từ cao su chỉ bao gồm hoạt động gia công, lắp ráp, định hình cơ học sản phẩm.*

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất đế giày thể thao các loại: 6.000.000 sản phẩm/năm;
- Sản xuất đế lót xốp bằng Eva các loại: 7.200.000 sản phẩm/năm;
- Sản xuất tấm Eva các loại và những sản phẩm khác từ Eva: 6.000.000 sản phẩm/năm;
- Sản xuất những sản phẩm từ cao su khác: 3.600.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất XN1-1, khu công nghiệp Lai Cách, Km 49, Quốc lộ 5, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 16.846,3m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 147.500.000.000 (Một trăm bốn mươi bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng, tương đương 6.955.000 (Sáu triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn) đô la Mỹ, bao gồm:

- Vốn đầu tư đăng ký lần đầu ngày 26/9/2013: 84.000.000.000 đồng, tương đương 4.000.000 đô la Mỹ.

- Vốn đầu tư đăng ký bổ sung ngày 25/02/2014: 31.500.000.000 đồng, tương đương 1.500.000 đô la Mỹ.

- Vốn đầu tư đăng ký bổ sung ngày 26/10/2016: 32.000.000.000 đồng, tương đương 1.455.000 đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 94.000.000.000 (Chín mươi bốn tỷ) đồng, tương đương 4.455.000 (Bốn triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 63,72% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	CÔNG TY ORBIT CAPITAL INC	47.550.000.000	2.255.000	50,58	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ
2	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TÂN THÀNH HÒA	37.900.000.000	1.800.000	40,32	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ
3	YE JING RONG	5.250.000.000	250.000	5,59	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ
4	WEN XIAO HUI	3.300.000.000	150.000	3,51	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ

Vốn huy động là 53.500.000.000 (Năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu) đồng, tương đương 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 44 (Bốn mươi bốn) năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu đến ngày 26 tháng 9 năm 2057.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp để thực hiện dự án là 94.000.000.000 đồng, tương đương 4.455.000 đô la Mỹ; các Nhà đầu tư đã góp đủ.

- Vốn huy động là 53.500.000.000 đồng, tương đương 2.500.000 đô la Mỹ; các Nhà đầu tư thực hiện theo tiến độ của dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác, vận hành:

b.1) Đối với phần dự án đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 9 năm 2013:

- Hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc thành lập công ty: Tháng 9/2013;
- Công tác xây dựng: Tháng 11/2013;
- Tuyển dụng và đào tạo lao động: Tháng 02/2014;
- Vận hành thử: Tháng 02/2014;
- Đi vào sản xuất chính thức: Tháng 5/2014.

b.2) Đối với phần dự án đăng ký điều chỉnh lần thứ tư ngày 26 tháng 10 năm 2016: Đi vào sản xuất chính thức tháng 11/2016.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Luật Đầu tư; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Ưu đãi về Thuế nhập khẩu: Luật Đầu tư; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Luật Đầu tư; Luật Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác: Theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản, tài liệu gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp.
3. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư; pháp luật về đất đai, môi trường, quy hoạch, xây dựng, nhập khẩu - xuất khẩu, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư (*Bao gồm phần dự án đăng ký lần đầu và các lần điều chỉnh có liên quan*).
4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp, công nghệ xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.
5. Thực hiện đúng quy định về đầu tư trong khu công nghiệp; nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; chịu trách nhiệm về việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải đảm bảo những nội dung sau:

- Nguyên liệu đầu vào của dự án phải bảo đảm không sử dụng các chất bị cấm sử dụng và gây ảnh hưởng sức khỏe, ô nhiễm môi trường.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Các thiết bị, máy móc phải đảm bảo chất lượng, phù hợp và đồng bộ với mục tiêu, quy mô công suất của dự án; trong đó, phải cụ thể từng thiết bị, máy móc về công suất sản xuất, xuất xứ, thông số kỹ thuật và các điều kiện về an toàn của thiết bị, máy móc và các quy định có liên quan khác.

- Thực hiện các giải pháp công nghệ phù hợp để xử lý chất thải rắn, bụi, hơi dung môi, sự cố môi trường (nếu có)... phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

- Thực hiện đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho công nhân vận hành dây chuyền, thiết bị máy móc (nếu có).

- Thực hiện việc đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có).

7. Đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án; báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật.

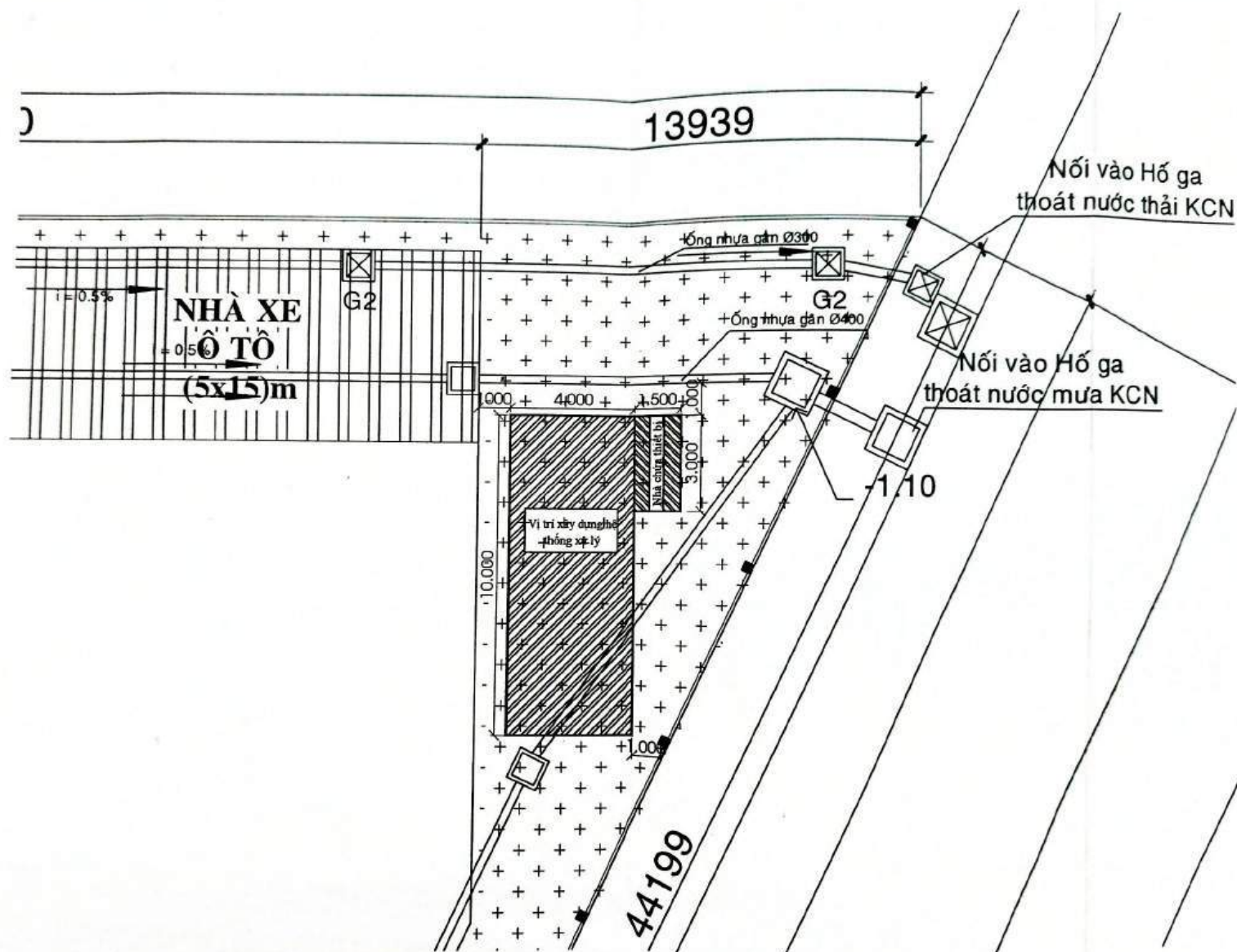
Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5428036567 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 9 năm 2013, điều chỉnh lần thứ sáu ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH SX-TM Tân Cương được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

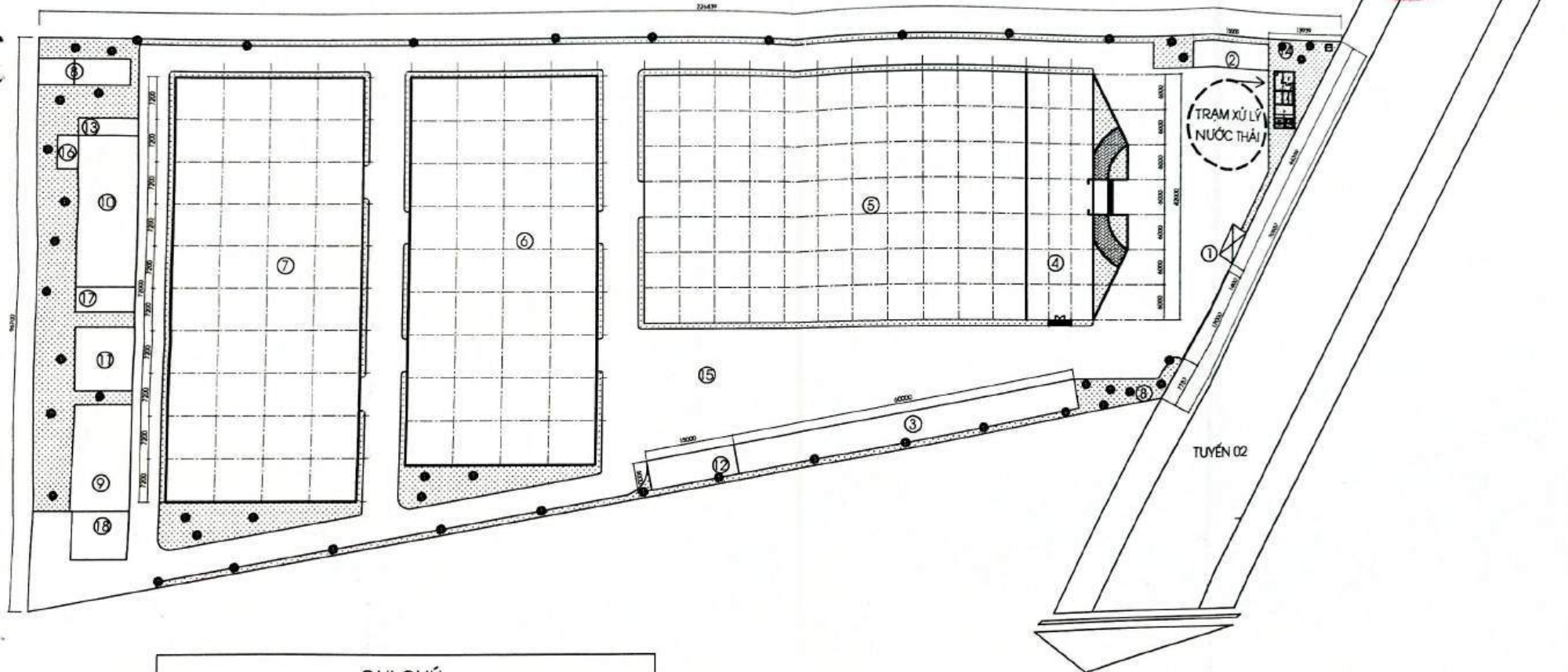
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trung Kiên



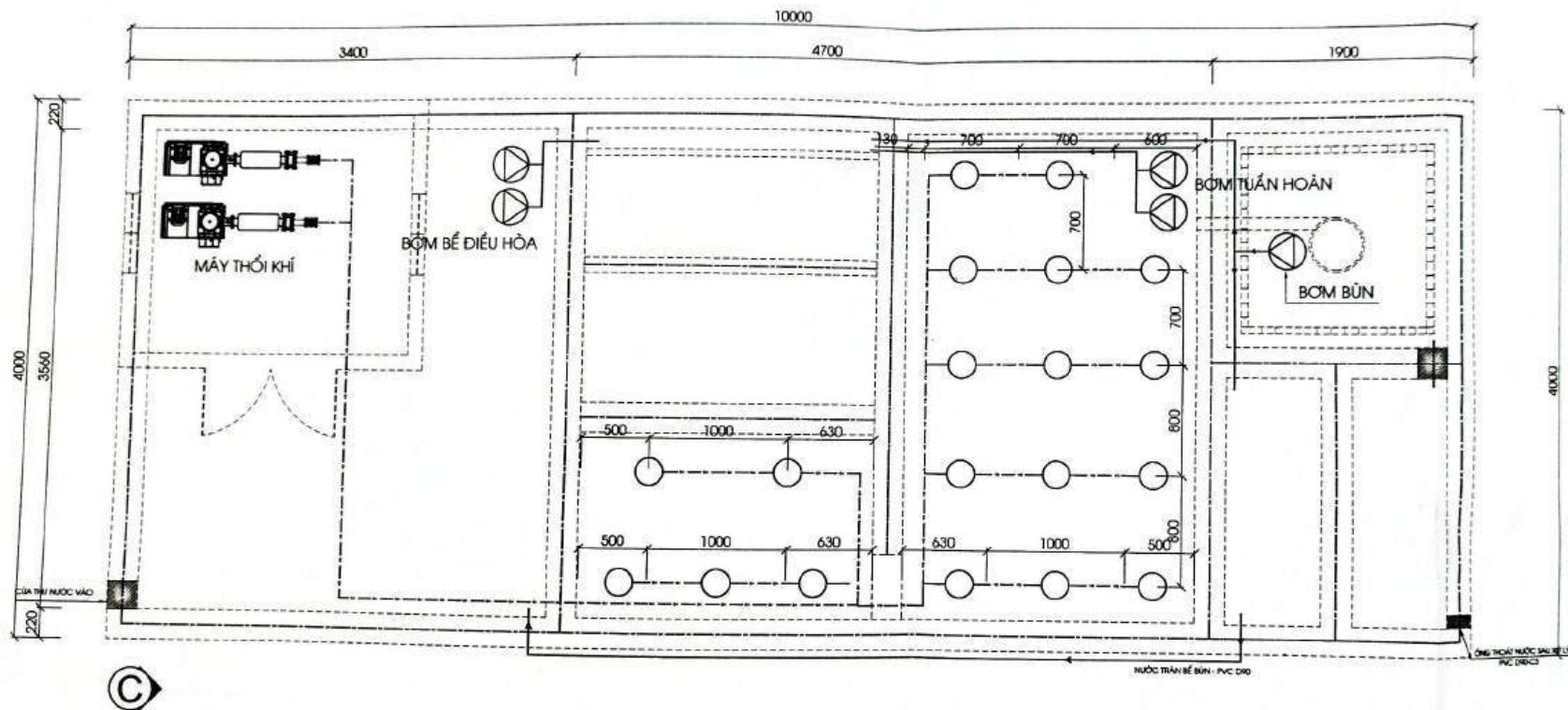
VỊ TRÍ ĐẶT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ

- | | | |
|--------------------------|----------------------------|---------------------|
| ① NHÀ BẢO VỆ | ⑦ NHÀ XƯỞNG SX 02 | ⑬ NHÀ VỆ SINH CHUNG |
| ② NHÀ ĐỂ Ô TÔ | ⑧ TRẠM BIẾN ÁP, PHÒNG ĐIỆN | ⑭ CÂY XANH, THÂM CỎ |
| ③ NHÀ XE CÔNG NHÂN | ⑨ LÒ HƠI | ⑮ ĐƯỜNG GT NỘI BỘ |
| ④ NHÀ VĂN PHÒNG LÂM VIỆC | ⑩ NHÀ ĂN CÀ | ⑯ KHO LẠNH |
| ⑤ NHÀ XƯỞNG SX 01 | ⑪ BỂ NƯỚC | ⑰ BẾ GA |
| ⑥ NHÀ KHO | ⑫ NHÀ KHO | ⑱ KHO THAN |

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG VÀ THIẾT BỊ



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG
VÀ KHOÁNG SẢN

ĐC: SỐ 12, NGÕ 13 PHẠM TRẦN DUẬT,
MẠI DỊCH, CẦU GIẤY, HÀI PHÒNG
Mail: hantmt78@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ

C.T TNHH SX-TM TÂN CƯỜNG

TÊN CÔNG TRÌNH

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KCN LẠI CÁCH - CẨM GIANG
HẢI DƯƠNG

GIẢI ĐOẠN TK-TM CÔNG

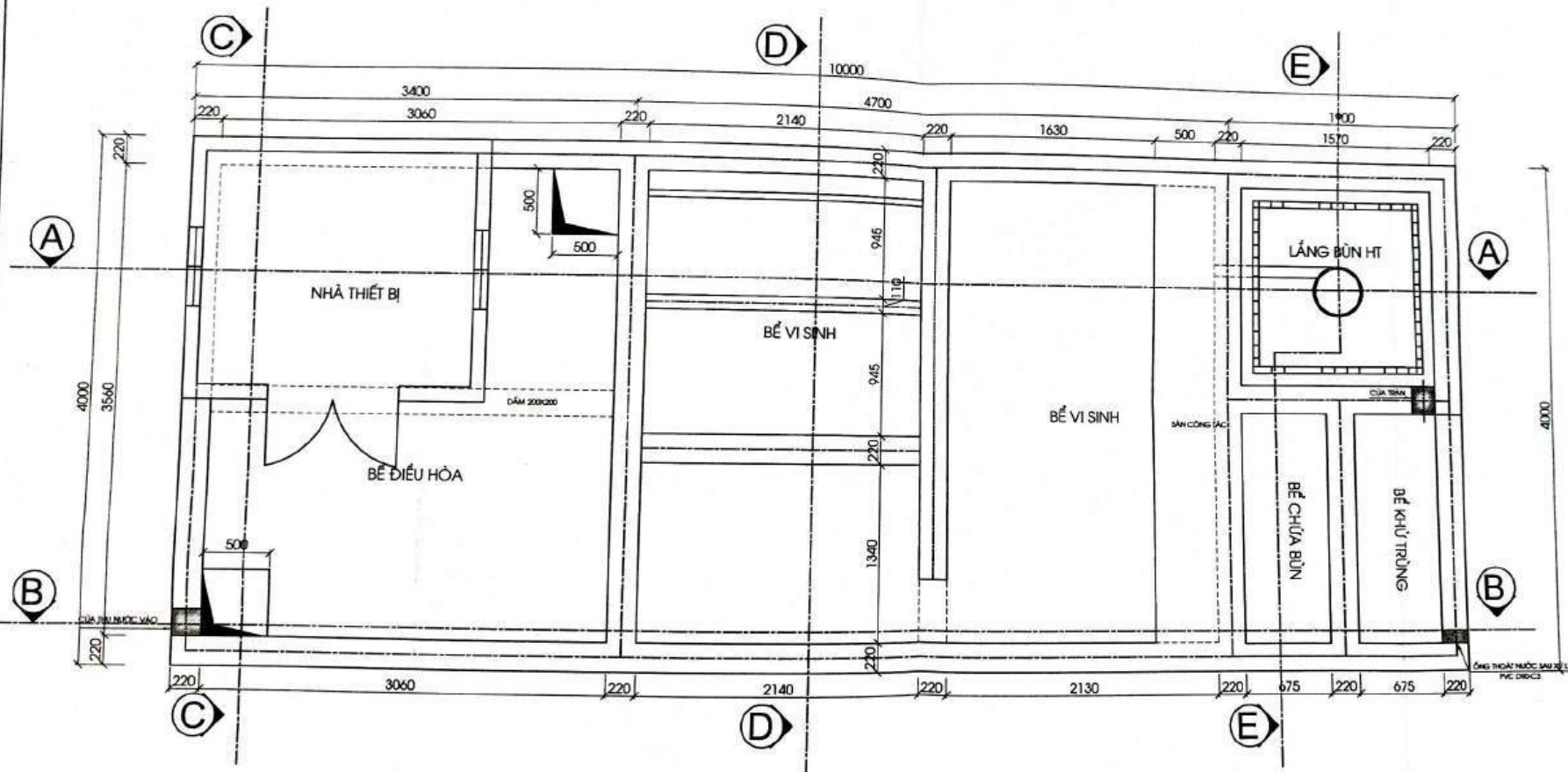
TÊN BẢN VẼ

BẢN VẼ THIẾT KẾ

CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CHUYÊN ĐỐC	NGUYỄN VĂN NAM	<i>Nam</i>
QUẢN LÝ THI CÔNG	NGUYỄN VĂN SON	<i>Son</i>
C. KIỂM TRA	PHẠM THỊ HƯỜNG	<i>HT</i>
THIẾT KẾ	LÊ QUANG DŨNG	<i>LD</i>

TỈ LỆ	
NGÀY	
SỐ HỢP ĐỒNG	
BẢN VẼ	04

MẶT BẰNG NẮP TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG
VÀ KHOÁNG SẢN

ĐC: SỐ 12, NGÕ 11 PHẠM THẦN ĐUỆT,
MÃI DÍCH, CẦU GIẤY, HÀI PHÒNG
Mail: Haahmt78@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ

C. T. TNHH SX TM LẮM CƯỜNG

TÊN CÔNG TRÌNH

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KCN LAI CÁCH - CẨM GIANG
HẢI DƯƠNG

GIẢI ĐOẠN

T. K. KT-T. H. CÔNG

TÊN BẢN VẼ

BẢN VẼ THIẾT KẾ

CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VĂN NAM	<i>[Signature]</i>
KT-T. H.	NGUYỄN VĂN SON	<i>[Signature]</i>
C. NHẬN C.	PHẠM THỊ HƯỜNG	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	LÊ QUANG DŨNG	<i>[Signature]</i>

T. LỆ

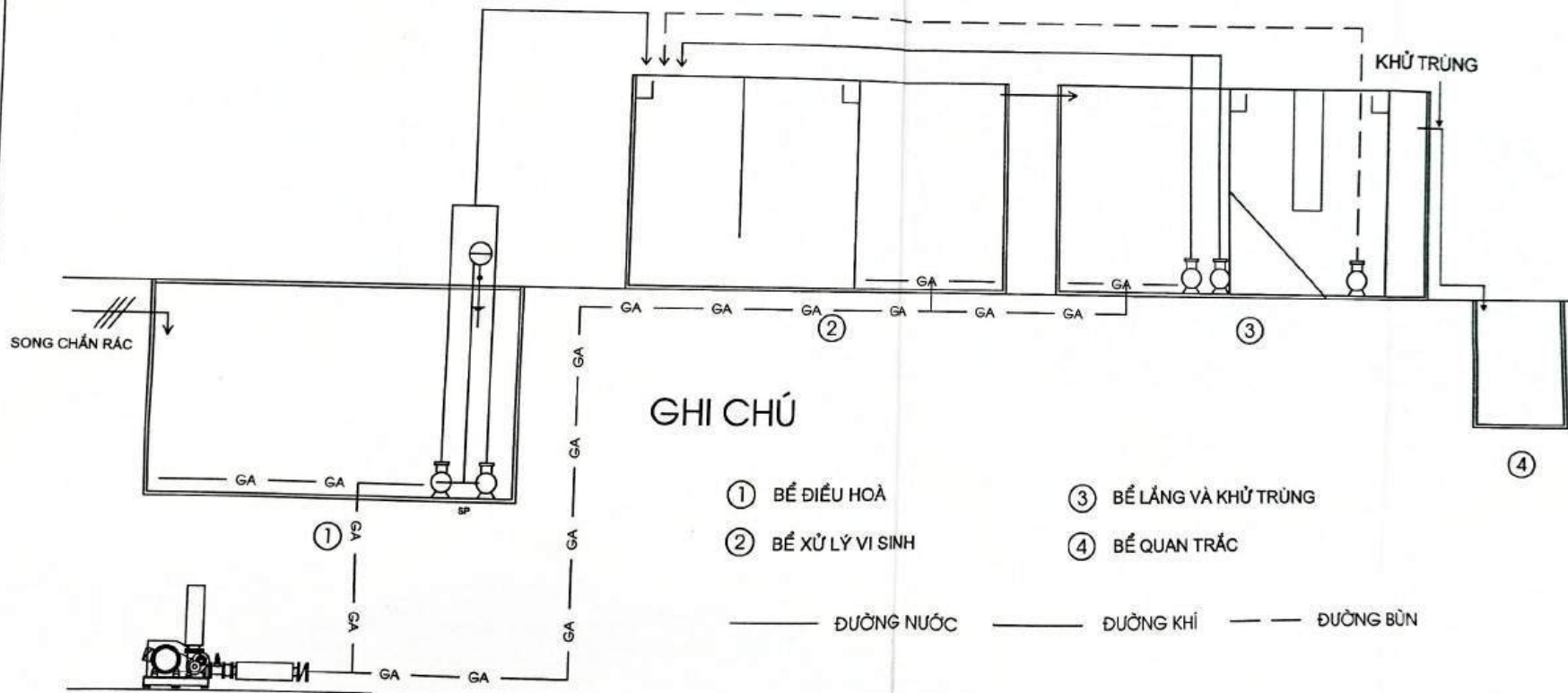
NGÀY

SỐ HỢP ĐỒNG

BẢN VẼ

03

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

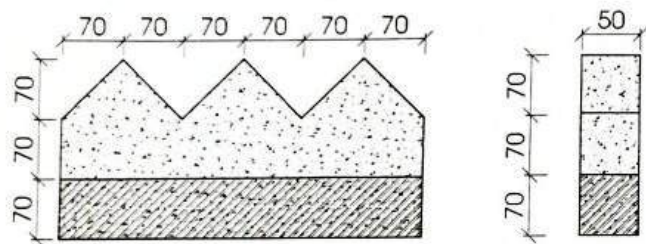


GHI CHÚ

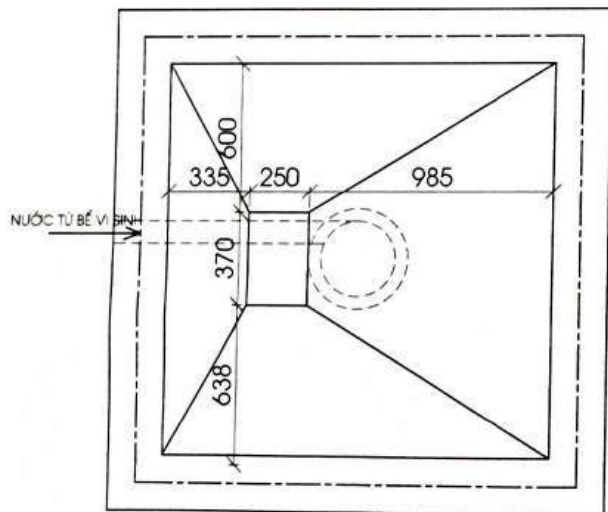
- ① BỂ ĐIỀU HOÀ ③ BỂ LẮNG VÀ KHỬ TRÙNG
② BỂ XỬ LÝ VI SINH ④ BỂ QUAN TRẮC

———— ĐƯỜNG NƯỚC ————— ĐƯỜNG KHÍ — — — ĐƯỜNG BÙN

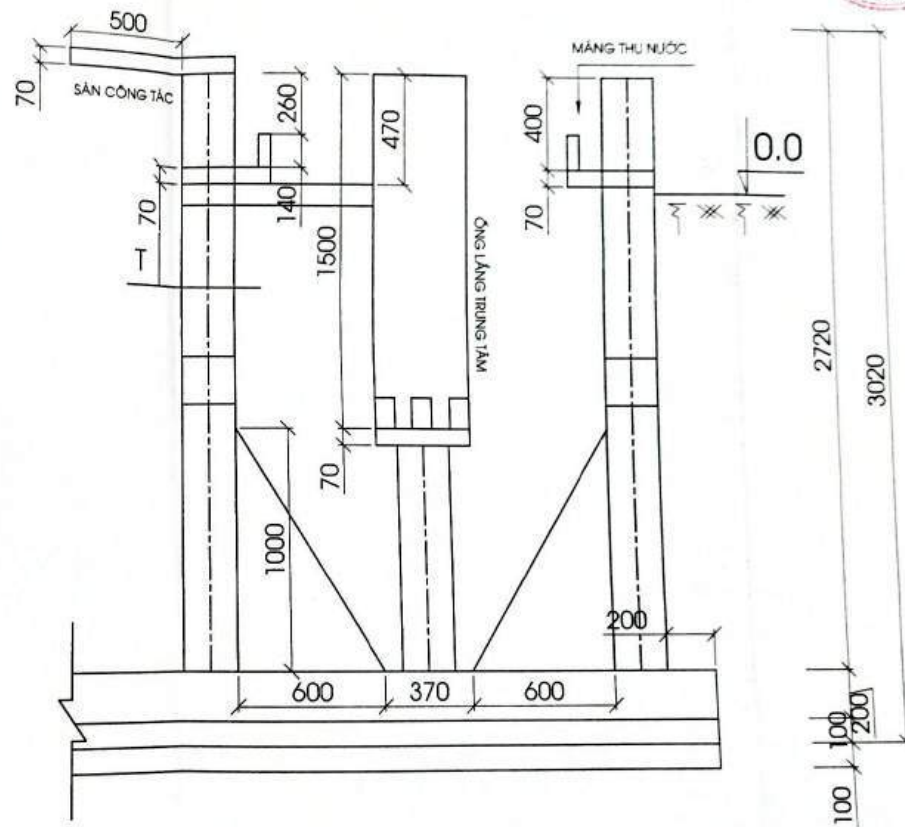
HIỆU CHÍNH			
A			
B			
C			
D			
E			
LÀM NGAY	THIẾT KẾ	DUYỆT	
			
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHẢO SÁT			
M.C. SỐ 11, NGÕ 12 PHẠM THẠP ĐIỆT, HAI ĐỊCH, CẦU GIẤY, BÀI PHÒNG			
Mail: hanhnm78@gmail.com			
CHỦ ĐẦU TƯ			
C.T TNHH SX TM TÂN CƯỜNG			
TÊN CÔNG TRÌNH			
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
HẠNG MỤC			
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
ĐỊA ĐIỂM			
KCN LAI CÁCH - CẨM GIANG HẢI DƯƠNG			
GIAI ĐOẠN		TK. KT-THI CÔNG	
TÊN BẢN VẼ			
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ			
CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VĂN NAM		
QUẢN LÝ THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN SON		
C. NHẬN C.T	PHẠM THỊ HƯỜNG		
THIẾT KẾ	LÊ QUANG ĐỒNG		
TÌ LỆ			
NGÀY			
SỐ HỢP ĐỒNG			
BẢN VẼ		02	



CHI TIẾT MÁNG THU NƯỚC



MẶT ĐÁY BỂ



BỂ LẮNG BÙN HOẠT TÍNH



HIỆU CHỈNH			
A			
B			
C			
D			
LẦN	NGÀY	THIẾT KẾ	DUYỆT



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG
VÀ KHOÁNG SẢN

ĐC: SỐ 12, NGÕ 12 PHẠM THÂN QUÁT,
MẠI DỊCH, CẦU GIẤY, HÀI PHÒNG

Email: huanbm78@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ

C.T TNHH SX TM TÂN CƯỜNG

TÊN CÔNG TRÌNH

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KCN LAI CÁCH - CẨM GIÀNG
HẢI DƯƠNG

GIẢI ĐOẠN

TK, KT-THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ

BẢN VẼ THIẾT KẾ

CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
QUẢN LÝ	NGUYỄN VĂN HƯNG	<i>Handwritten signature</i>
QUẢN LÝ	NGUYỄN VĂN SƠN	<i>Handwritten signature</i>
C. NHẬN	PHẠM THỊ HƯỜNG	<i>Handwritten signature</i>
THIẾT KẾ	LÊ QUANG DŨNG	<i>Handwritten signature</i>

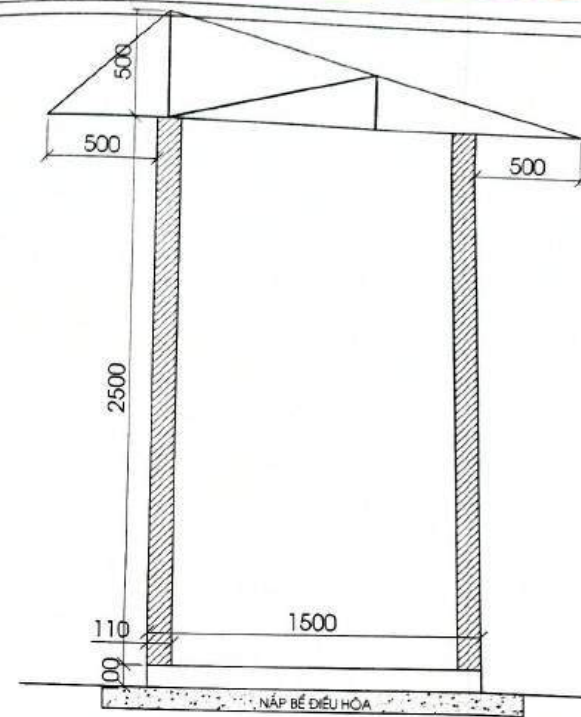
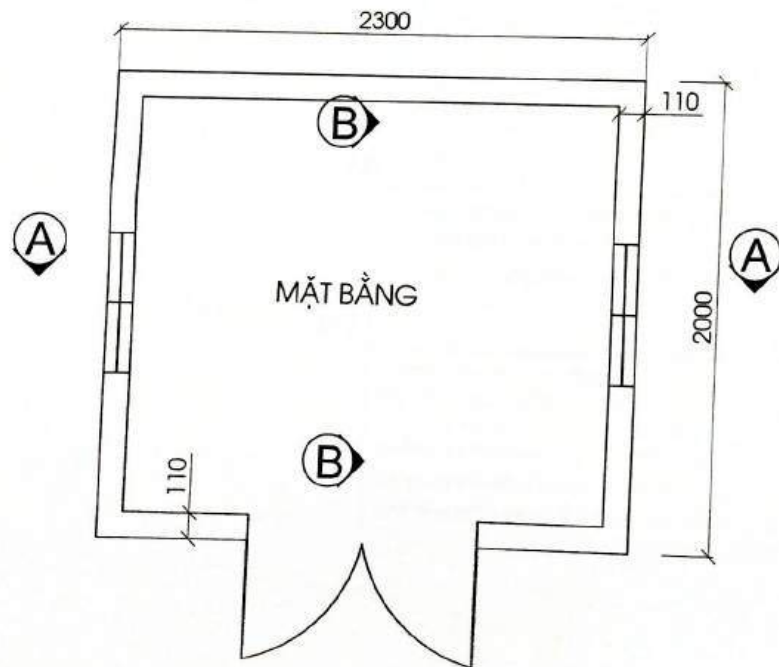
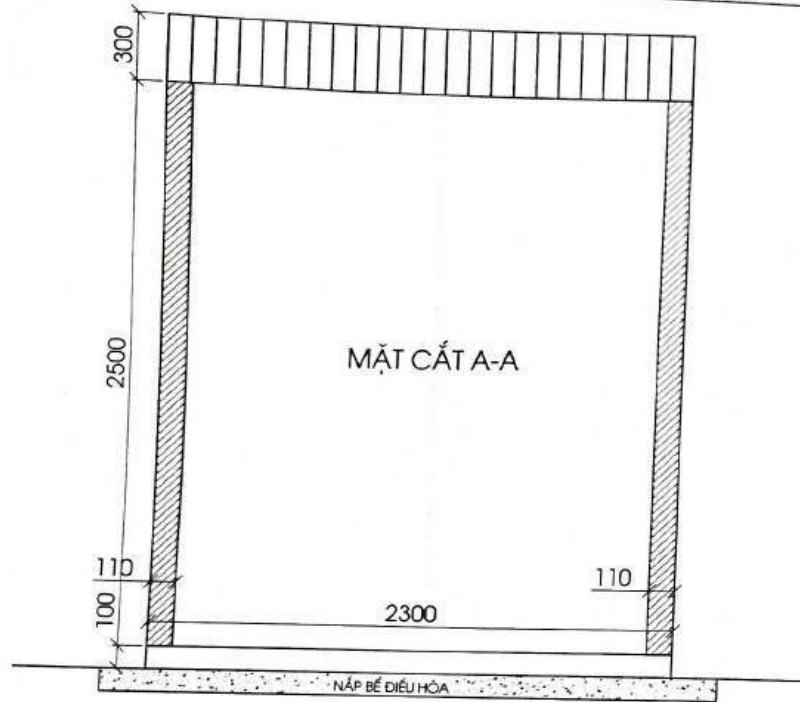
TỈ LỆ

NGÀY

SỐ HỢP ĐỒNG

BẢN VẼ

07



MẶT CẮT B-B

KHU ĐẶT THIẾT BỊ

GHI CHÚ

MÁI LỢP TÔN MÀU
KHUNG, KÈO BẰNG V5
SÀN BÊ TÔNG DÀY 100 MẮC 200
TƯỜNG GẠCH CHỈ DÀY 100 TRÁT VỮA XIMANG DÀY 1CM, QUÉT SƠN MÀU



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG
VÀ KHOẢNG SÀN
ĐC: SỐ 12, NGÕ 12 PHẠM THÂN ĐUẬT,
MẠI DỊCH, CẦU GIẤY, HAI PHONG
Mail: Hsinh78@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ
C.T TNHH SX-TM TÂN CƯỜNG

TÊN CÔNG TRÌNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

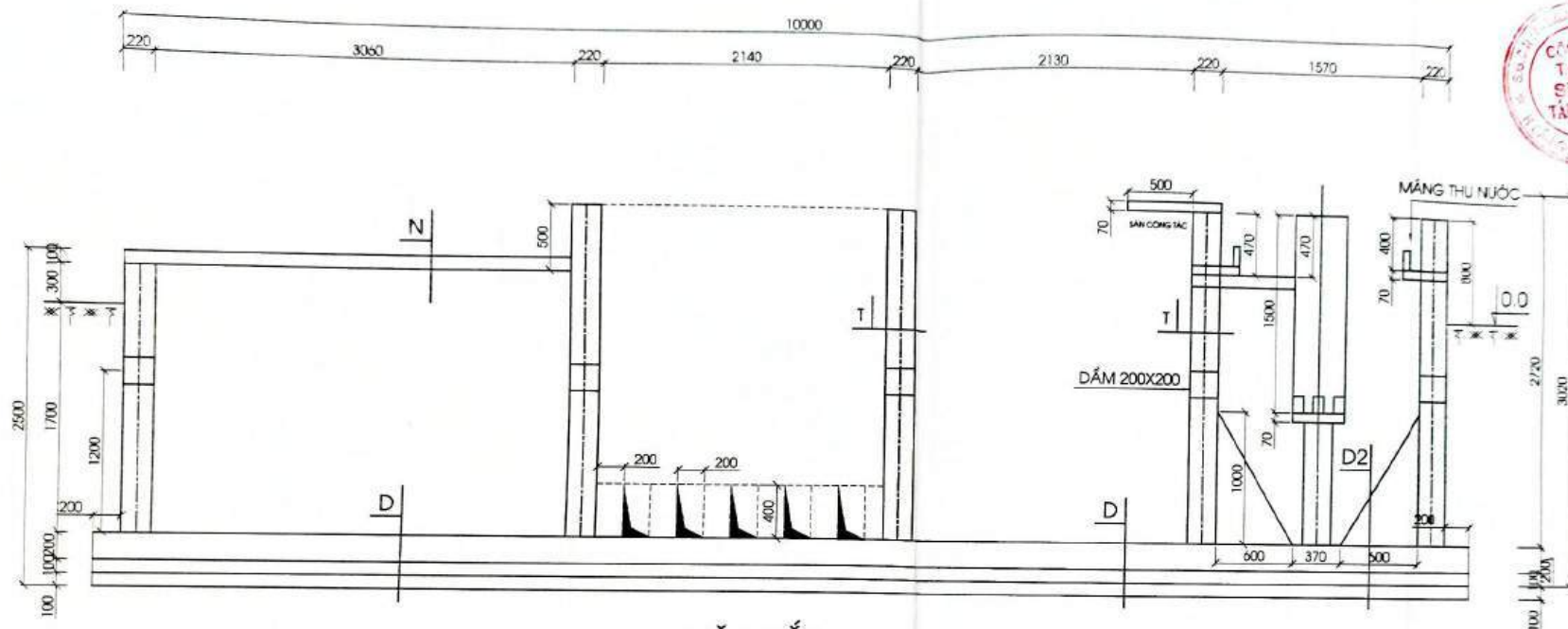
ĐỊA ĐIỂM
KCN LAI CÁCH - CẨM GIÀNG
HẢI DƯƠNG

GIẢI ĐOẠN
TK. KT-TH CÔNG

TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ THIẾT KẾ

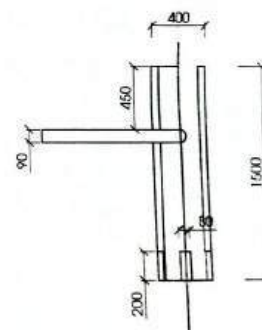
CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
QUẢN LÝ	NGUYỄN VĂN NAM	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ	NGUYỄN VĂN SON	<i>[Signature]</i>
C. THIẾT KẾ	PHẠM THỊ TƯỜNG	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	LÊ QUANG DƯƠNG	<i>[Signature]</i>

TH. LỆ	
NGÀY	
SỐ HỢP ĐỒNG	
BẢN VẼ	08



MẶT CẮT A-A

N	trát vữa xi măng dày 1cm, mác 75 bê tông cốt thép đáy dày 100, mác 200 trát vữa xi măng dày 1cm, mác 75
T	đánh màu chống thấm trát vữa xi măng dày 1cm, mác 75 gạch đặc dày 220 trát vữa xi măng dày 1cm, mác 75
D2	đánh màu chống thấm bê tông gạch vỡ tạo độ dốc trát vữa xi măng dày 1cm, mác 75 bê tông cốt thép đáy dày 200, mác 200 bê tông lót đáy dày 100 mác 100 cát đen đầm chặt, $k = 0.95$ dày 100
D	đánh màu chống thấm trát vữa xi măng dày 1cm, mác 75 bê tông cốt thép đáy dày 200, mác 200 bê tông lót đáy dày 100 mác 100 cát đen đầm chặt, $k = 0.95$ dày 100



CHI TIẾT ỐNG LẮNG



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG
VÀ KHOẢNG SÂN

ĐC: SỐ 12, NGÕ 12 PHẠM THÂN ĐUẬT,
MÃI DƯỚI, CẦU GIẤY, HÀI PHÒNG
Mail: Haahm78@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ

C.T TNHH SX TM TÂN CƯỜNG

TÊN CÔNG TRÌNH

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KCN LAI CÁCH - CẨM GIÀNG
HẢI DƯƠNG

TRẠNG THÁI

T.C. K.T. CÔNG

TÊN BẢN VẼ

BẢN VẼ THIẾT KẾ

CHỨC VỤ

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

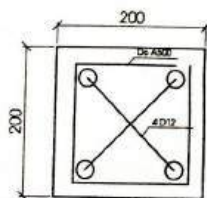
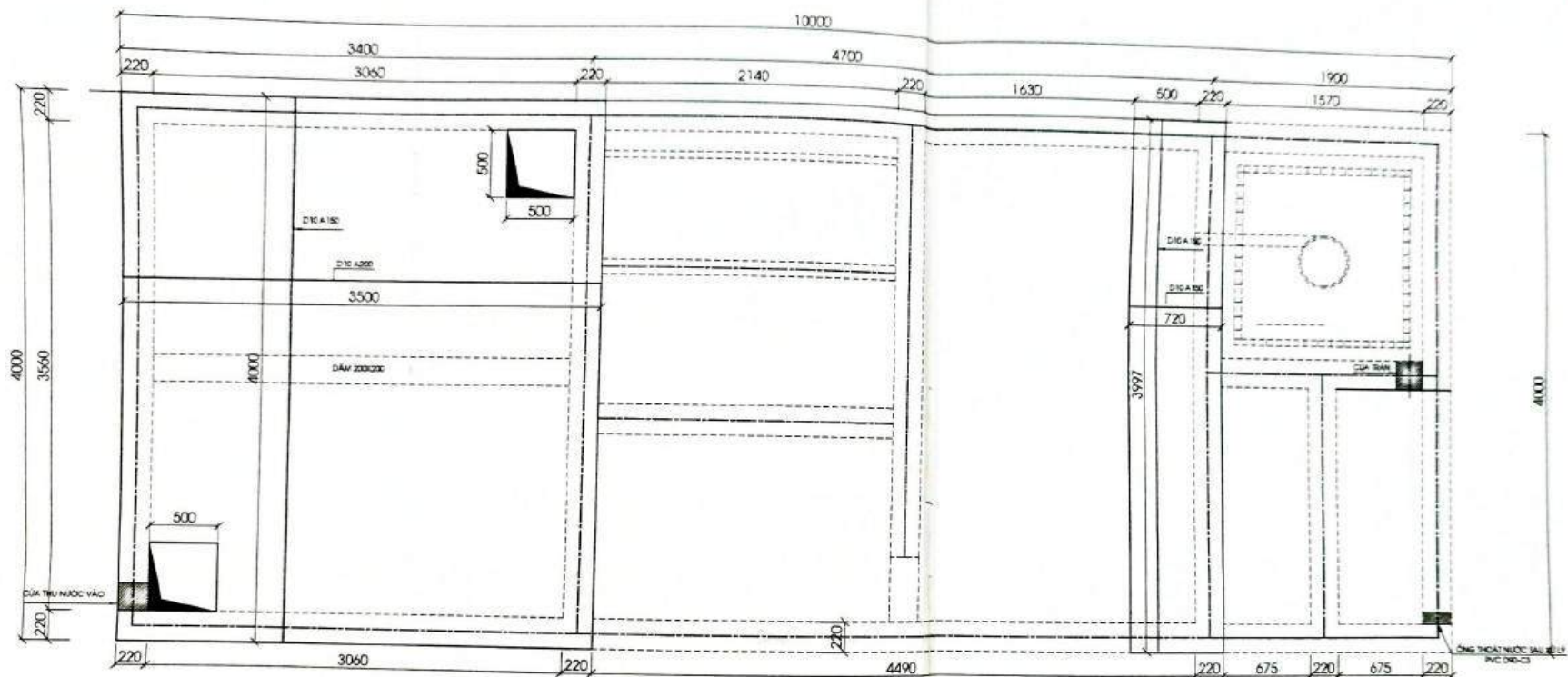
QUẢN LÝ: NGUYỄN VĂN NAM

QUẢN LÝ: NGUYỄN VĂN SƠN

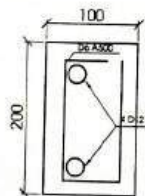
C. NHẬN: PHẠM THỊ HỒNG

THIẾT KẾ: LÊ QUANG DŨNG

CỐT THÉP MẶT BỀ

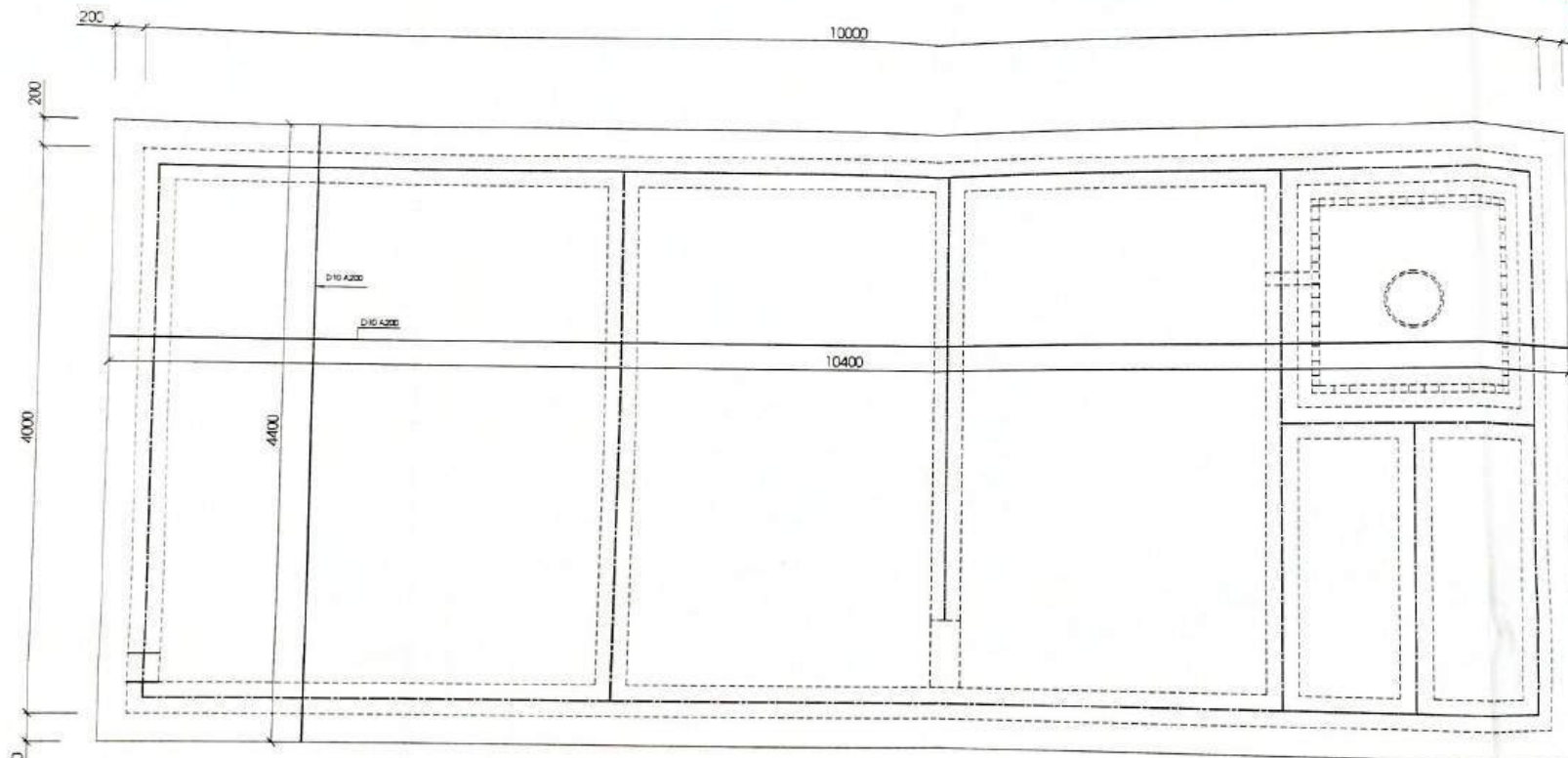


DẦU D200X200



DẦM D100X200

HIỆU CHÍNH		
A.		
B.		
C.		
NGÀY TÂN MÙI THÁNG THỨ NHẤT		
QUYẾT ĐỊNH		Duyệt
		
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN		
BC: SỐ 12, NGÕ 12 PHẠM VĂN ĐUẬT, MÃI DÍCH, CẦU GIẤY, HAI PHÒNG		
Mail: hankm178@gmail.com		
CHỮ ĐẤU TỰ		
C.TINH SX TM TẤN CƯỜNG		
TÊN CÔNG TRÌNH		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
HẠNG MỤC		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN LAI CÁCH - CẨM GIÀNG HẢI DƯƠNG		
GIẢI ĐOẠN	TK. KT-THI CÔNG	
TÊN BẢN VẼ		
BẢN VẼ THIẾT KẾ		
CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
QUẢN ĐỐC	NGUYỄN VĂN NAM	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN SƠN	
C. HIỆU CH	PHẠM THỊ HƯỜNG	
THIẾT KẾ	LÊ QUANG DŨNG	
TỈ LỆ		
NGÀY		
SỐ HỢP ĐỒNG		
BẢN VẼ		09



CỐT THÉP ĐÁY BỂ



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG
VÀ KHOÁNG SẢN

ĐC: SỐ 12, NGÕ 12 PHẠM TRẦN ĐUẬT,
HAI ĐUỘI, CẦU GIẤY, HAI PHƯƠNG
Mail: Hasbm78@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ

C. TINH SX TM TÂN CƯỜNG

TÊN CÔNG TRÌNH

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KCN LAI CÁCH - CẨM GIANG
HẢI DƯƠNG

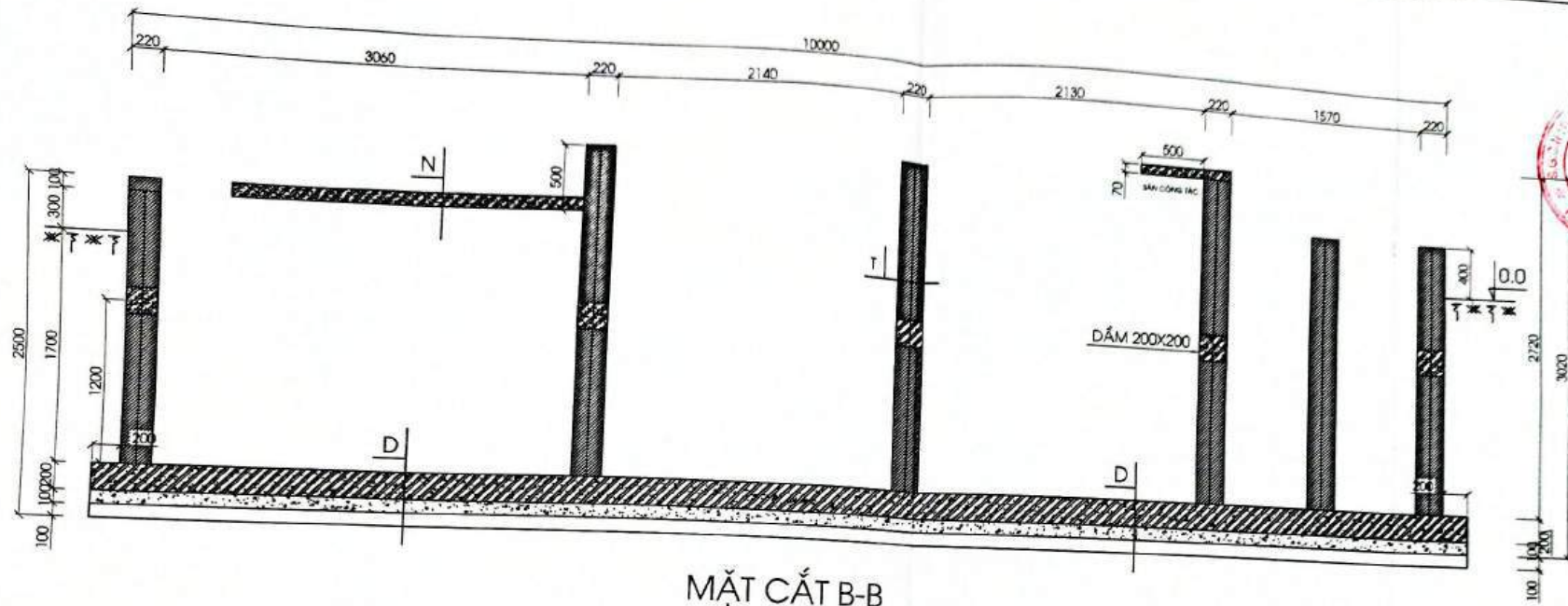
GIẢI ĐOẠN TK KT TH CÔNG

TÊN BẢN VẼ

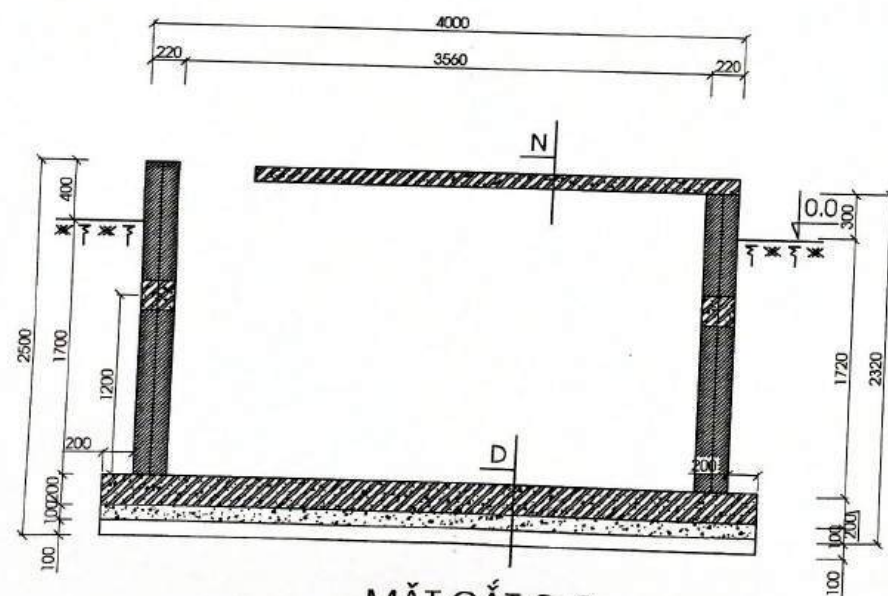
BẢN VẼ THIẾT KẾ

CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
GIẢI THÍCH	NGUYỄN VĂN NAM	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ THI CÔNG	NGUYỄN VĂN SON	<i>[Signature]</i>
C. KIỂM TRA	PHẠM THỊ HỒNG	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	LÊ QUANG DŨNG	<i>[Signature]</i>

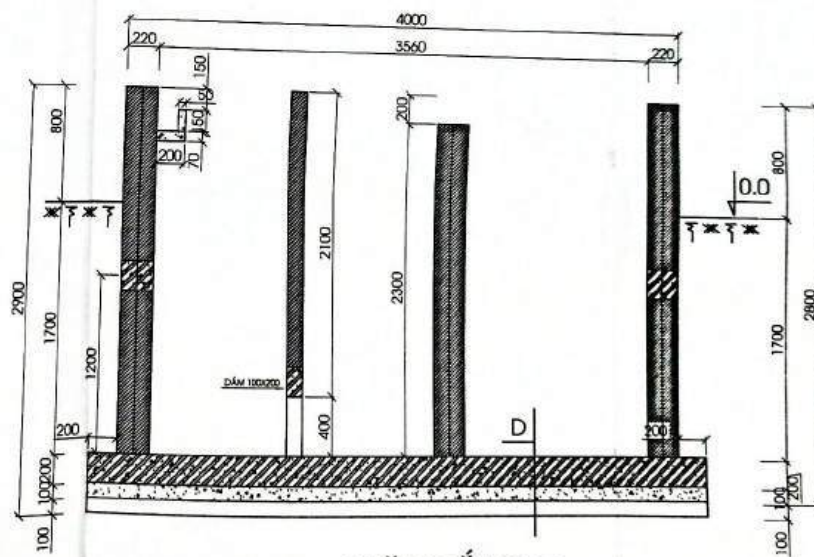
TITLE	
NGÀY	
SỐ HỌ ĐỒNG	
BẢN VẼ	10



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT D-D



HỆ THỐNG		
A		
B		
C		
D		
LÊN NGÀY: 10/11/2014		
TRƯỞNG TẦM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOẢNG SÀN		
BC: SỐ 12, NGÕ 22, PHẠM TRẦN ĐUẤT, MẠI DỊCH, CẦU GIẤY, BA MỖI Mail: hankmt78@gmail.com		
CHỦ ĐẦU TƯ		
C.T. TNHH SX TM TÂN CƯỜNG		
TÊN CÔNG TRÌNH		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
HẠNG MỤC		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM		
KCN LAI CÁCH - CẨM GIANG HẢI DƯƠNG		
GIAI ĐOẠN		TK, KT-TH CÔNG
TÊN BẢN VẼ		
CHI TIẾT BẾ XỬ LÝ		
CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VĂN HẠNG	
KẾT KẾT	NGUYỄN VĂN SƠN	<i>Bon</i>
C. NHẬN CT	PHẠM THỊ HƯỜNG	
THIẾT KẾ	LÊ QUANG DŨNG	
TỈ LỆ		
NGÀY		
SỐ HỌ ĐỒNG		
BẢN VẼ		



HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

Trạm xử lý nước thải sinh hoạt – công suất 40 m³/ngày.đêm

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Tân Cương

Đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Đầu tư CM

Địa chỉ: Tầng 8, nhà khách Hải Quân, số 5 – Lý Tự Trọng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Hải Phòng, tháng 11 năm 2015

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT - C.S 40 M³/ NGÀY

1. QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TRẠM NƯỚC THẢI.

Nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể thu gom trong hệ thống xử lý. Khi nước thải đầy bể thu gom, phao điện lắp đặt trong bể sẽ báo tín hiệu cho bơm thu gom hoạt động bơm nước lên thiết bị xử lý.

Hệ thống bơm hóa chất cũng đồng thời chạy cùng với bơm thu gom nước thải nhờ tín hiệu từ phao báo lắp trong bể thu gom. Nhờ đó hóa chất keo tụ tủa bông được hòa trộn vào trong nước thải để keo tụ, lắng tách các chất ô nhiễm có trong nguồn nước thải. Quá trình hòa trộn phản ứng được thực hiện trong đường ống trước khi đi vào bể lắng tách.

Bể lắng tách có chức năng loại bỏ các bông cặn keo tụ chứa các chất ô nhiễm ra khỏi nguồn nước ban đầu. Nước sạch sau khi tách các chất ô nhiễm được xả ra ngoài môi trường. Bùn cặn keo tụ được thu gom xử lý định kỳ.

2. HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

2.1. Nguyên tắc vận hành

Trước khi tiến hành vận hành nhà máy xử lý nước thải phải kiểm tra hoạt động toàn bộ động cơ, thiết bị và hóa chất của hệ thống ...

Đọc kỹ hướng dẫn vận hành, hướng dẫn an toàn động cơ, thiết bị điện, hóa chất thiết bị trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.

Trong quá trình vận hành cán bộ vận hành phải tuân thủ đúng quy định vận hành đã được đào tạo.

Khi có sự cố phải tìm cách khắc phục sự cố kịp thời sau đó báo cho đơn vị cung cấp.

2.2. Vận hành hệ thống

Các thiết bị trong hệ thống hoạt động với hai chế độ: bán tự động và bằng tay

Ở chế độ tự động tất cả các thiết bị hoạt động theo phao báo mức ở bể và các role thời gian được cài đặt sẵn trong tủ điện

Ở chế độ bằng tay tất cả các thiết bị hoạt động độc lập với nhau và không theo các phao báo mức ở các bể.



Bình thường các thiết bị sẽ được vận hành tự động, chế độ vận hành bình thường như sau:

+ Máy bơm nước thu gom, máy bơm hóa chất keo tụ chạy theo phao báo mức trong bể thu gom ban đầu.

+ Động cơ khuấy hóa chất hoạt động theo role thời gian cài đặt trong tủ điện (30 phút nghỉ 10 phút hoạt động).

2.2.1. Chế độ bán tự động

Kiểm tra các thiết bị trước khi vận hành

Khi bắt đầu ca vận hành và trong suốt cả quá trình vận hành phải

- Kiểm tra sự hoạt động của các động cơ máy bơm.
- Kiểm tra và bổ sung lượng hóa chất cần thiết.

Vận hành

- Gạt công tắc trên tủ điều khiển để chuyển các thiết bị sang chế độ làm việc tự động. Các thiết bị của hệ thống tự động hoạt động theo trình tự sau:

+ Máy bơm nước thu gom, máy bơm hóa chất keo tụ chạy theo phao báo mức trong bể thu gom ban đầu.

+ Động cơ khuấy hóa chất hoạt động theo role thời gian cài đặt trong tủ điện (30 phút nghỉ 10 phút hoạt động).

2.2.2. Chế độ làm việc thủ công (bằng tay-hand)

Chế độ bằng tay thường sử dụng khi gặp sự cố hoặc không kiểm soát được quá trình hoạt động tự động của thiết bị.

- Gạt công tắc tay trên tủ điều khiển để chuyển sang chế độ làm việc bằng tay-hand.

Ở chế độ vận hành bằng tay, điều khiển sự hoạt động các thiết bị bằng công tắc trên tủ điện và vẫn còn bị khống chế bởi các phao báo mức. Ở chế độ này thường vận hành khi kiểm tra sự hoạt động của các động cơ hoặc trong trường hợp hệ thống bị sự cố.

Chú ý: Khi vận hành bằng tay cần kiểm tra sự hoạt động của các động cơ thường xuyên.

2.3. Cấp hóa chất

Kiểm tra hóa chất thường xuyên trong quá trình vận hành. Pha hóa chất với các hàm lượng như sau:

+ NaOH: 1,5 kg pha vào bể chứa hóa chất cùng nước sạch (bể số 1), (tương đương nồng độ 0,5 %);

+ PAC: 1,5 kg pha vào bể chứa hóa chất cùng nước sạch (bể số 2), (tương đương nồng độ 0,5 %);

+ Polymer A101: 30 g pha vào bể chứa hóa chất cùng nước sạch (bể số 3), (tương đương nồng độ 0,01 %);

Quy trình pha hóa chất:

+ PAC, NaOH: cho nước vào bể pha, vận hành cánh khuấy ở chế độ bằng tay, cho dần PAC, NaOH vào bể. Thời gian pha khoảng 20-30 phút.

+ Polymer A101: cho nước vào bể pha, vận hành cánh khuấy ở chế độ bằng tay, cho dần A101 vào bồn. thời gian pha khoảng 20-30 phút.

Hóa chất được định lượng bằng cân để bàn, được lấy bằng xô nhựa hoặc inox. Sử dụng bảo hộ lao động khi tiến hành lấy và pha hóa chất

Chú ý:

Sau khi pha hóa chất xong, chuyển động cơ khuấy hóa chất sang chế độ tự động.

Kiểm tra sự hoạt động của bơm định lượng bằng cách quan sát hóa chất đầu ra của bơm để đảm bảo hóa chất được cấp đầy đủ cho quá trình xử lý. Nếu hóa chất không được cấp thì phải kiểm tra sự hoạt động của bơm định lượng.

3. VỆ SINH, BẢO DƯỠNG VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ.

Việc vệ sinh, bảo dưỡng hệ thống theo định kỳ thời gian hoạt động của hệ thống xử lý hoặc theo thực tế yêu cầu.

Máy bơm định lượng cấp hóa chất

* Bảo dưỡng:

- Định kỳ: 6 tháng/lần

- Quy trình bảo dưỡng:

+ Vệ sinh trở hút bằng cách rửa sạch cặn bám trên trở.

+ Kiểm tra đường ống cấp và đẩy hóa chất đảm bảo không bị hỏng và trong tình trạng hoạt động tốt

*** Một số lỗi thường gặp và cách khắc phục**

- Một số lỗi thường gặp:

+ Bơm không hoạt động → kiểm tra đường điện. Trong trường hợp hệ thống điện hoạt động tốt thì thông báo cho đơn vị cung cấp thiết bị để khắc phục sự cố.

+ Bơm hoạt động nhưng không cấp được hóa chất → Kiểm tra trổ hút, kiểm tra trổ hút nước của bơm tránh trường hợp bị kẹt rác trong quá trình vận hành

**** Chú ý:**

- Kiểm tra lượng hoá chất, nạp đầy hoá chất trong quá trình vận hành hệ thống.

- Kiểm tra thường xuyên sự hoạt động của các động cơ và có chế độ bảo dưỡng động cơ theo thực tế hoạt động.

- Kiểm tra toàn bộ các công tắc vận hành trước khi về.

- Chú ý an toàn lao động trong quá trình làm việc.

Hải phòng, tháng 11 năm 2015

Công ty Cổ phần Đầu tư CM

CÔNG TY TNHH MTV TB
PCCC QUANG VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 25 tháng 7 năm 2014

BIÊN BẢN BÀN GIAO HỆ THỐNG PCCC ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Nhà máy SX KD xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại.

Hạng mục: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy.

Địa điểm : KCN Lai Cách – H. Cẩm Giàng – T. Hải Dương



1. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH SX – TM TÂN CƯỜNG

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| 1 – Ông : Ye Jing Rong | - Chức vụ : T. Giám đốc |
| 2 – Ông : | - Chức vụ : |
| 3 – Ông : | - Chức vụ : |

b) ĐẠI DIỆN BÊN THI CÔNG : CÔNG TY TNHH MTV TB PCCC QUANG VINH

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| 1 – Ông : Nguyễn Quang Thuý | - Chức vụ : Giám đốc |
| 2 – Ông : Đặng Hữu Cường | - Chức vụ : Cán bộ thi công |
| 3 – Ông : | - Chức vụ : |

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu : 8h 15` ngày 25 tháng 7 năm 2014.

Kết thúc : 10h 30` ngày 25 tháng 7 năm 2014.

Tại: Dự án nhà máy SX KD xuất khẩu phụ liệu ngành giày dép các loại tại KCN Lai Cách – H. Cẩm giàng – T. Hải Dương.

3. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng.

Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Căn cứ vào hợp đồng số: 06012014/TC-QV ký ngày 06 tháng 01 năm 2014 giữa Công ty TNHH SX – TM Tân Cường và Công ty TNHH MTV TB PCCC Quang Vinh.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.

Qui chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng :

TCVN 5738 – 2000; TCVN 2622 – 1995; TCVN 3254 – 89; 20 TCN 25 – 1991; 11 TCN 18 – 24; TCVN 4756 – 1999; 20 TCN 33 – 1985; TCVN 4513 – 2000; TCXDVN 33 – 2006; TCVN 5760 – 1993; TCVN 7435 - 1: 2004 – ISO 11602 - 1: 2000; TCVN 46 -2007 Tài liệu chỉ dẫn kèm theo hợp đồng xây dựng.

- Bản vẽ hoàn công xây dựng nhà xưởng giai đoạn I gồm: Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cung cấp nước chữa cháy vách tường và chữa cháy tự động; Hệ thống chống sét; Hệ thống đèn chỉ lối thoát nạn nhà máy.

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy : Kết quả thẩm duyệt của cơ quan Cảnh sát PCCC

- Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

Kết nghiệm thu công trình:

+ Đảm bảo yêu cầu chất lượng kỹ thuật.

+ Đạt yêu cầu thiết kế và TCVN

+ Các ý kiến khác nếu có : Không.

- Thời gian bảo hành công trình có hiệu lực 01 năm kể từ ngày Bên B bàn giao cho Bên A đưa vào sử dụng (ngày ... tháng ... năm 2014 đến ngày tháng ... năm 2015)

4. Kết luận :

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác nếu có.(không)

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

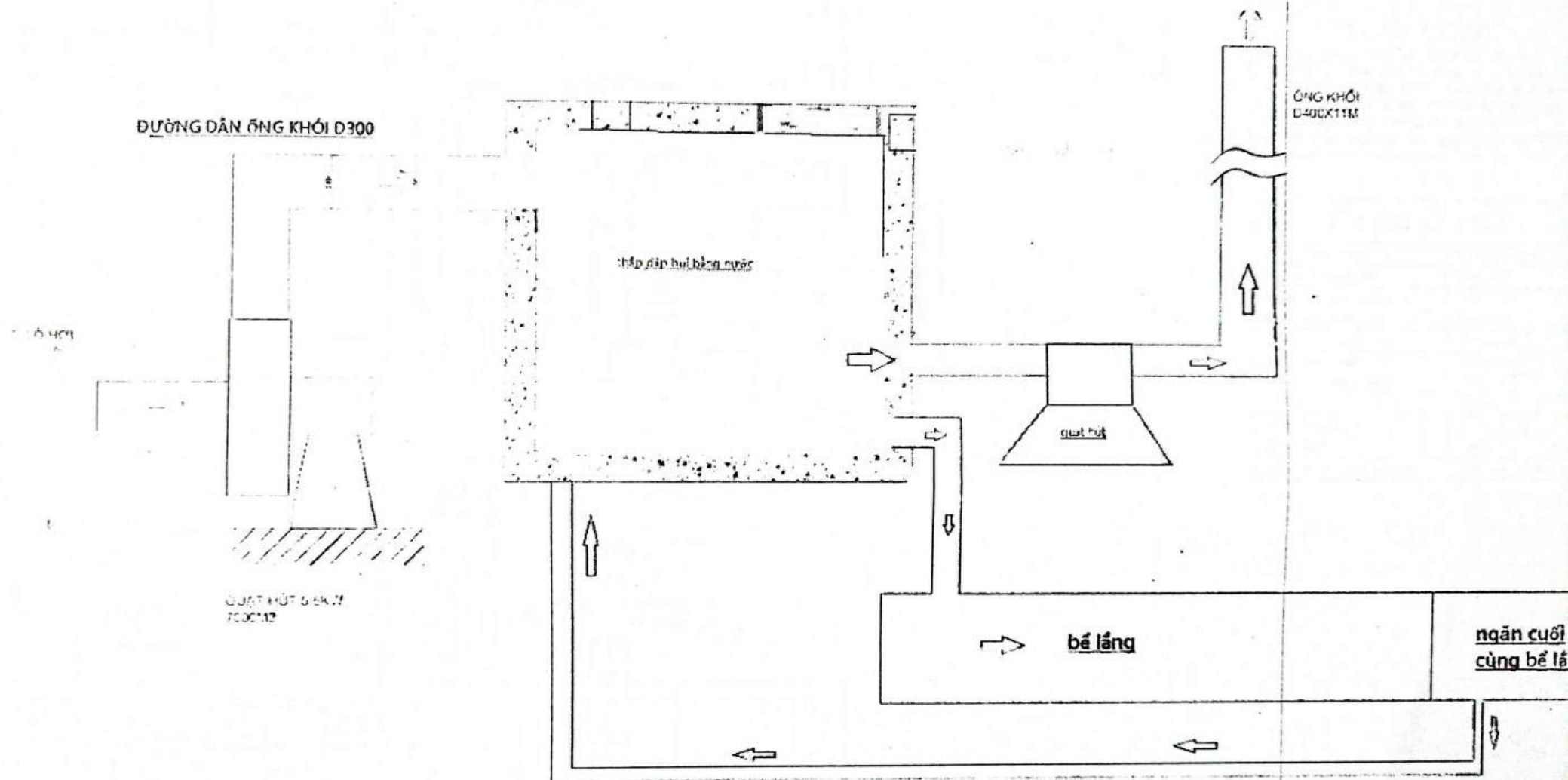
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



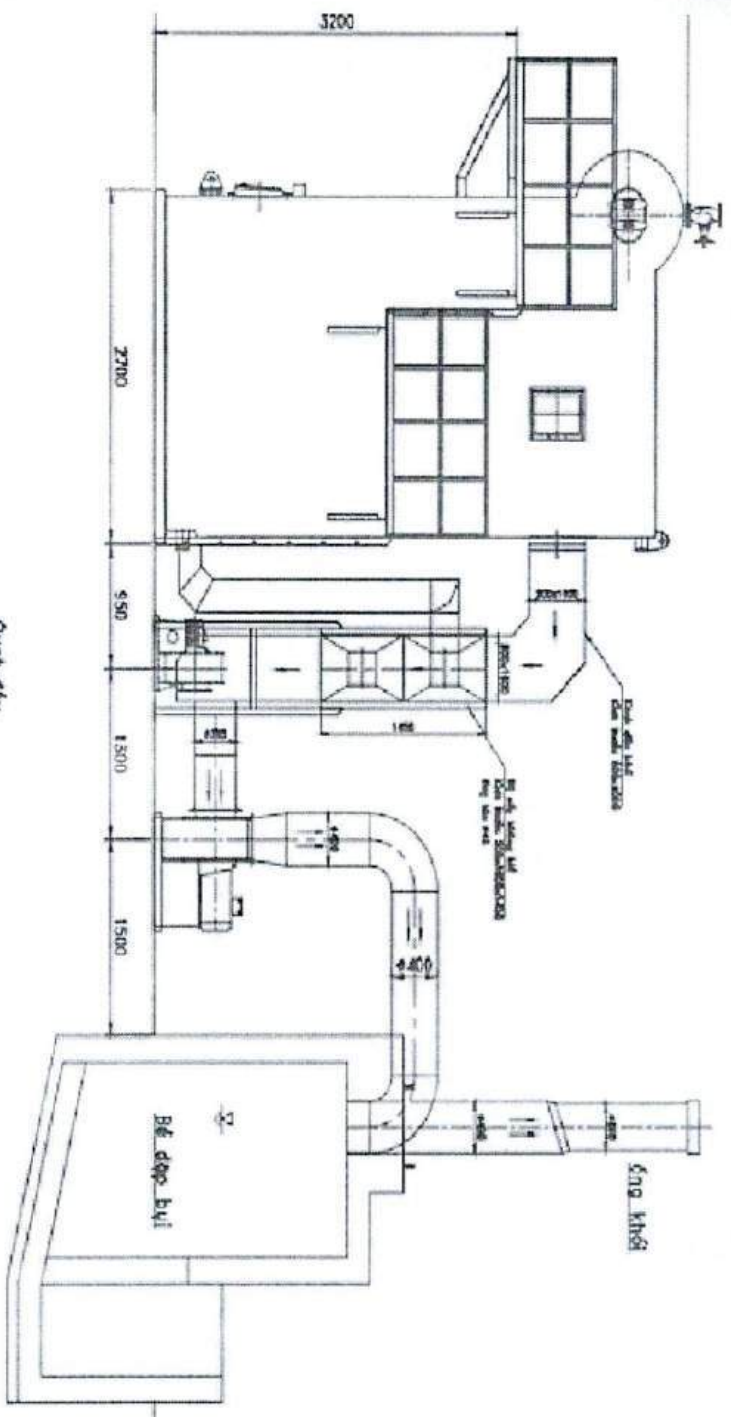
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG THỦY



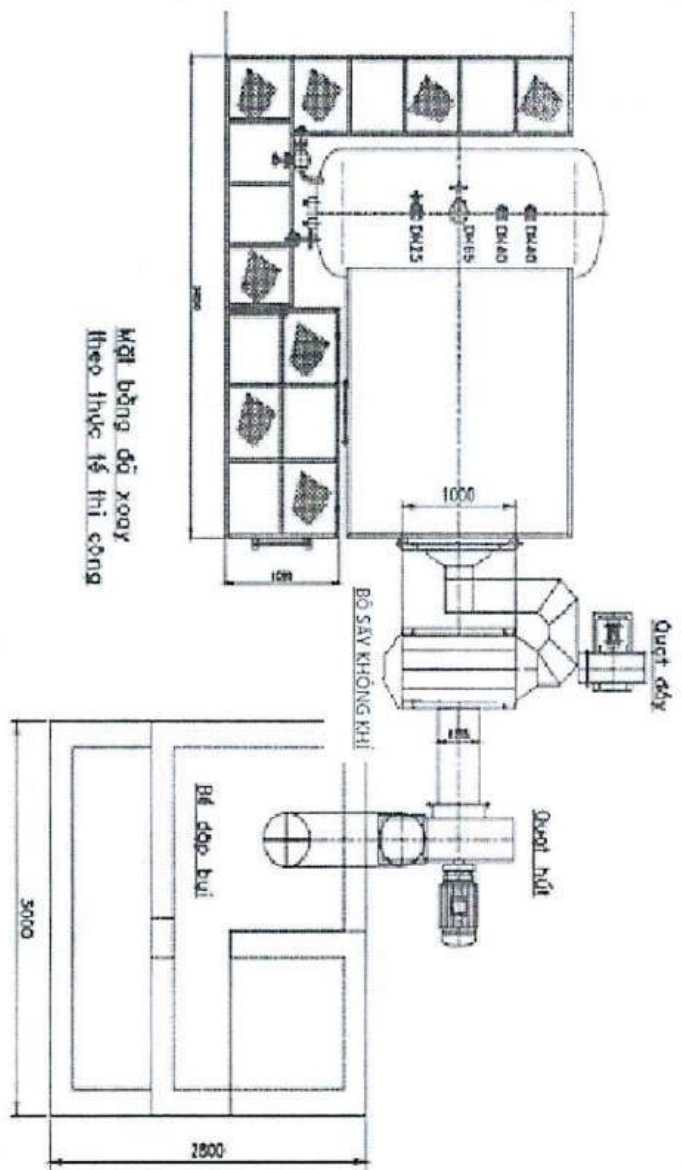
SƠ ĐỒ XỬ LÝ KHÓI, BỤI LÒ HƠI 2 T



YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 12728:2019
2. Thuyết minh yêu cầu cơ động nhà áp lực
3. Quy trình áp lực E7018 hoặc tương đương
4. Chế tạo theo đúng yêu cầu kỹ thuật bản vẽ
5. Các mối hàn không chỉ định là 1/6
6. Kiểm tra nghiệm thu theo TCVN 12728:2019

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	
Công suất thiết kế	D=2000kg/h
áp suất thiết kế	P=0,8MPa
Nhiệt độ hơi bão hòa	T _h =174°C
Nhiệt độ nước cấp	T _c =50°C
Thể tích chảo nước	V _n =0,91m³
Thể tích chảo hơi	V _h =0,56m³
Điện tích tiếp nhiệt	F=60m²
Nhiên liệu	Than
Suất tiêu hao	B=240kg/h
Hiệu suất	η=76%
Kích thước vận chuyển	3100x2250x4650



Mặt bằng đồ xoay
theo trục 1-1 công

Thiết kế	Phạm Tiến Dũng		
Vẽ	Nguyễn Văn Trường		
Kiểm tra	Mai Hồng Đông		
TTTK	Phạm Tiến Dũng		
Duyệt	Nguyễn Anh Dũng		

LÒ HƠI ĐỐT THAN
D=21/h, P=0,8MPa
BẢN VẼ TỔNG THỂ

Bản vẽ lắp đặt

LT2/0.801

**THUYẾT MINH QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI VÀ KHÍ THẢI TẠI LÒ HƠI
CÔNG SUẤT: 7.000 M³/H**

CÔNG TY TNHH SX-TM TÂN CƯỜNG

**Địa chỉ: : lô XN1-1, KCN Lai Cách, km 49 quốc lộ 5, thị trấn Lai Cách,
huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương**

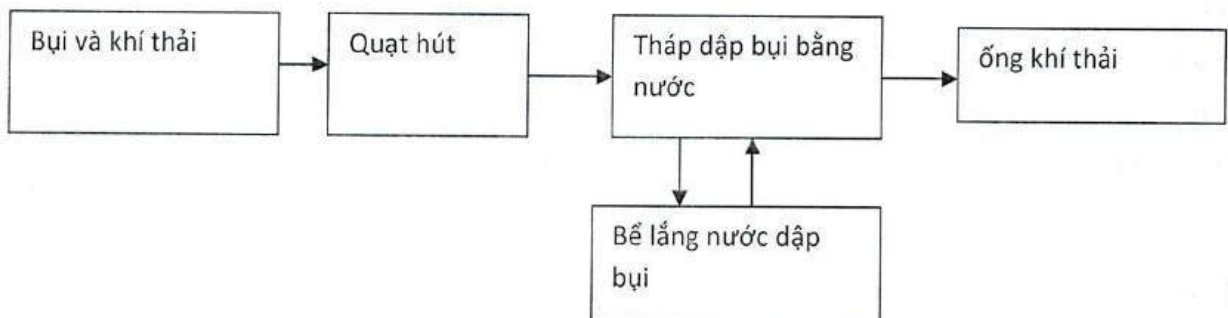
1. Thuyết minh Công nghệ làm xử lý bụi và khí thải từ lò hơi

Do công suất thiết kế lò hơi là nhỏ 2000 kg/h, do vậy lượng bụi, khí thải thải ra cũng không đáng kể, do vậy công ty vẫn sử dụng công nghệ xử lý nước thải bằng nước để hấp thụ bụi và khí thải. Ngoài ra theo như kết quả đo lấy mẫu tại các đợt quan trắc định kỳ (năm 2023) tại khu vực lò hơi cho thấy các thông số tại thời điểm đo đạt QCVN.

Khói thải từ lò đốt được quạt hút đưa qua vào khoang phân phối nước, tại đây bụi và khí thải được hấp thụ bằng nước. Dòng khí sau khi ra khỏi khoang chứa nước sẽ được thoát ra ngoài qua ống khói. Nước được sử dụng tuần hoàn để hấp thụ khí thải, tháp hùng trụ cso chiều dài 2,5 m, đường kính 0,5 m, hiện tại công ty vẫn sử dụng tuần hoàn và có phương án bổ sung nước theo định kỳ hàng ngày.

Định kỳ 6 tháng/lần vệ sinh bể lắng và thuê đơn vị xử lý phân bùn này cùng với chất thải nguy hại.

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, mức B, với $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$



2. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy cách
1	Hệ thống đường ống	m	Dài 100m, D300
2	Quạt hút	Cái	công suất 5,5kW, lưu lượng 7.000 m ³ /giờ.
3	Ổng khói	Cái	01 cái + Chiều cao: H=11m + Đường kính: D400 Chất liệu: ống thép
4	Bể nước	m ³	8 m ³ , kích thước L×B×H = 2m×2m×2m.
5	Tháp xử lý	1 tháp	Gạch xây ốp bên ngoài, bên trong là thép không gỉ đường kính D850, chiều cao 1,2m

Ngoài ra để hạn chế sự ảnh hưởng của bụi và khí thải đối với môi trường và sức khỏe của công nhân, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị bảo hộ lao động như gang tay, khẩu trang, mũ, ...
- Đưa ra các quy định cho công nhân tuân thủ đầy đủ các bước, quy trình vận hành lò hơi.

3. Đặc điểm kỹ thuật của lò hơi

A. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA LÒ HƠI

1	Mã hiệu	BKTS-16.000
2	Công suất hơi :	16.000 kg hơi h
3	Kiểu lò hơi	Cháy tầng sôi tổ hợp ống nước, ống lửa, buồng đốt ngoài, tuần hoàn tự nhiên.
4	Áp suất thiết kế	16.0 kG/cm ²
5	Áp suất làm việc max:	16.0 kG/cm ²
6	Áp suất thử thủy lực	24.0 kG/cm ² (Theo TCVN)
7	Nhiệt độ hơi bão hoà	204 °C
8	Nhiệt độ nước cấp	80 °C
9	Hiệu suất lò hơi	85%
10	Nhiên liệu đốt	Than cám
11	Mức tiêu hao nhiên liệu	170 + 180 kg than cám Indo/tấn hơi (nhiệt trị khô toàn phần 6000 kcal/kg, độ ẩm -38%, size < 10

		mm)
12	Nguồn điện sử dụng	380 VAC-3 pha - 50Hz
13	Tiêu chuẩn chế tạo	Theo ASME-SECTION 12019
14	Cách nhiệt thân lò	Bọc bảo ôn bằng ROCK WOOL dày 100 mm, bọc ngoài bằng tole mạ màu dày 0,45 mm
15	Môi trường	Tiếng ồn cách nhà là 1m nhỏ hơn 85 dB, Thành phần khí thải phù hợp với QCVN 19:2009/BTNMT
16	Chế độ làm việc	Tự động hoàn toàn
17	Các chức năng tự động và an toàn của lò hơi.	Tự động điều chỉnh phụ tải bằng PLC - SCADA lấy tín hiệu để điều chỉnh tốc độ quạt và thay đổi tốc độ cấp liệu qua biến tần khi phụ tải thay đổi, Ngừng đốt khi hơi đủ áp suất và khởi động lại lò hơi khi áp suất xuống mức ấn định.

Hải Dương, ngày 08 tháng 11 năm 2013

CHỨNG CHỈ QUY HOẠCH

Số: 122 /CCQH

1- Cấp cho: Công ty TNHH sản xuất, thương mại Tân Cường

Địa chỉ: Khu công nghiệp Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch (Của nhà đầu tư): Việt Nam

Điện thoại: 0320 - 3892322

Fax: 0320 3892321

2.Nội dung CCQH:

2.1-Tên lô đất: XN 1-1 - Tổng diện tích: 16.500 m².

Trong KCN Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

2.2- Quy hoạch và sử dụng đất đai (Sơ đồ kèm theo): Thiết kế quy hoạch nhà máy.

- Chức năng khu đất: Xây dựng Nhà máy sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại.

- Loại công trình được xây dựng: Nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà xe ô tô, nhà xe công nhân, nhà kho, trạm biến áp + phòng điện, lò hơi, nhà ăn ca, bể nước ngầm, nhà vệ sinh, bể xử lý nước thải, cổng chính, tường rào, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và các công trình phụ trợ trong thiết kế.

Cấm xây dựng các công trình: Ngoài chấp thuận thiết kế của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ giới đường đỏ, lùi ra:

+ Phía Bắc : Giáp tuyến đường số 02 có lộ giới 17m

+ Phía Nam : Giáp hành lang an toàn đường điện 22 KV .

+ Phía Đông : Giáp mương thoát nước và đường điện 35 KV

+ Phía Tây : Giáp lô XN 01 (Công ty TNHH bơm EBARA Việt Nam)

- Cốt nền: Trung bình +3,4 m so với mặt nước biển.

- Mật độ xây dựng ($DT_{xây dựng công trình} / DT_{lô đất}$) x 100%: Không lớn hơn 55%.

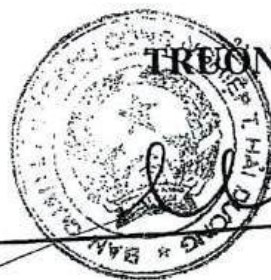
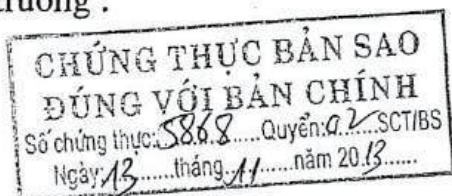
- Hệ số sử dụng đất: ($Tổng DT sàn công trình / DT lô đất$): Không nhỏ hơn 0.6

- Chiều cao tối đa: 13,0 m với công trình chính
- Chỉ giới xây dựng:
Khoảng lùi không nhỏ hơn 5m với công trình chính.
- Yêu cầu kiến trúc:
Màu sắc: Dùng màu sắc gây cảm giác mát dịu.
Vật liệu: Thép CT3, CT5, Bê tông 200# - 300#....
Mái: Tôn sóng mạ màu.
- Yêu cầu về cây xanh, môi trường: Không nhỏ hơn 20% diện tích lô đất.
- Chỗ đỗ xe: Trong hàng rào nhà máy.

2.3 - Những điều lưu ý khác (Nguồn điện, nguồn nước, đường thải nước, yêu cầu xử lý chất thải): Theo quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Lai cách được phê duyệt .

3 - Chú ý: Chứng chỉ quy hoạch này là căn cứ để lập dự án và thiết kế công trình xây dựng, không có giá trị làm chứng từ về quyền sử dụng đất và không thay thế các giấy phép khác. Thời hạn có giá trị của Chứng chỉ là 2 năm kể từ ngày cấp.

Chủ đầu tư phải thẩm duyệt thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy, phê duyệt hồ sơ bảo vệ môi trường trước khi triển khai xây dựng; lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy và hoàn thành công trình xử lý chất thải, thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trước khi đưa công trình vào sử dụng; đảm bảo vệ sinh môi trường trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động theo quy định của Khu công nghiệp và quy định của Luật môi trường .



TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Văn Khải

Mai Đức Chon

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

Số: 01/HĐTLĐ – 2013



Hợp đồng Thuê lại Đất này (sau đây gọi là “Hợp đồng”) được lập và ký kết tại Văn phòng Công ty TNHH Đại Dương- Khu công nghiệp Lai cách, KM49, Quốc lộ 5, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt nam, ngày 08 tháng 10 năm 2013 bởi và giữa các bên sau đây:

I. BÊN CHO THUÊ (gọi tắt là “Bên A”):

Tên công ty: **CÔNG TY TNHH ĐẠI DƯƠNG**

Đại diện: Bà Trương Tú Phương

Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

Địa chỉ: Khu công nghiệp Lai cách, KM49, Quốc lộ 5, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt nam

Điện thoại: 03203.555.916

Fax: 03203.555.915

Mã số thuế: 0800384482

Số tài khoản: VND 0341001869847

Tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt nam (Vietcombank), chi nhánh Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Và

II. BÊN THUÊ (gọi tắt là “Bên B”)

Tên công ty: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI TÂN CƯỜNG

Đại diện: Bà Huỳnh Thị Thu Sương

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Lô đất XN1-1 Khu công nghiệp Lai Cách, Km 49, Quốc lộ 5, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0320 3892321

Fax: 0320 3892322

Mã số thuế: 0801039231

Số tài khoản: VND 0702.00000.2250

Tại Ngân Hàng VID PUBLIC – CN Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Xét rằng:

Bên A là một công ty được thành lập hợp pháp và hoạt động theo các quy định của pháp luật Việt Nam, có chức năng đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Lai Cách. Bên A có đầy đủ thẩm quyền, các giấy phép và chấp thuận cần thiết để cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp Lai Cách; và

Bên B là một công ty được thành lập hợp pháp và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có nhu cầu thuê lại một lô đất trong Khu công nghiệp Lai Cách, Km 49, Quốc lộ 5, tỉnh Hải Dương, Việt Nam từ Bên A để xây dựng nhà máy cho việc sản xuất gia công Đế giày thể thao các loại và phụ liệu ngành giày dép,

Bên A và Bên B đã ký Biên Bản Thỏa thuận về việc thuê lại lô đất XN 1-1 tại Khu Công Nghiệp Lai Cách, Km 49, Quốc lộ 5, tỉnh Hải Dương, Việt Nam ngày 28 tháng 08 năm 2013.

Vì vậy, nay, hai bên thỏa thuận và nhất trí ký Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1. Diện tích, vị trí và thời gian cho thuê lại đất

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê lại của Bên A lô đất XN1-1 với diện tích khoảng 16,500m² (tương đương 1.65 ha). Diện tích thực tế sẽ căn cứ theo diện tích đo vẽ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Vị trí lô đất Bên B thuê lại được xác định như sau (có bản vẽ đính kèm):

- Phía Bắc: Giáp trục đường số 02
- Phía Nam: Giáp Công ty Bánh đậu xanh Bảo Long
- Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện hữu
- Phía Tây: Giáp lô đất XN1

1.3. Thời hạn cho thuê lại đất là: từ ngày ký hợp đồng 08 tháng 10 năm 2013 và sẽ chấm dứt vào tháng 5 năm 2057.

Điều 2. Tiền thuê lại đất đã có hạng mục hạ tầng kỹ thuật, phương thức thanh toán, và hình thức thanh toán

2.1. Giá thuê lại đất đã có các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

- Giá tiền thuê lại đất: US\$ 56/m² (chưa bao gồm VAT)
- Diện tích: khoảng 16,500 m² (1.65ha)
- Tổng giá trị hợp đồng là một khoản tiền đồng Việt Nam tương đương với:

$$\text{US\$}56 / \text{m}^2 \times 16,500\text{m}^2 = \text{US\$} 924,000$$

$$\text{VAT } 10\% = \text{US\$} 92,400$$

Tổng cộng = US\$ 1,016,400

(Bằng chữ: Một triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm đô la Mỹ, đã bao gồm VAT)

2.2. Điều khoản thanh toán:

Tổng giá trị Hợp đồng là một khoản tiền đồng Việt Nam (VNĐ) tương đương với US\$ 1,016,400 (Một triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm đô la Mỹ), đã bao gồm VAT, được Bên B thanh toán cho Bên A theo lịch trình sau:

a. Lần 1: Bên B chuyển cho Bên A số tiền 5% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương US\$ 50,820 (Năm mươi nghìn tám trăm hai mươi đô la Mỹ) trong vòng mười lăm (15) ngày dương lịch kể từ ngày ký Biên Bản thỏa thuận. Bên B đã chuyển cho Bên A số tiền trên vào ngày 09 tháng 09 năm 2013.

b. Lần 2: Bên B sẽ chuyển cho Bên A số tiền 80% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương US\$ 813,120 (Tám trăm mười ba ngàn một trăm hai mươi đô la Mỹ) trong vòng năm (05) ngày dương lịch kể từ ngày Bàn giao lô đất, ngày Bàn giao lô đất là ngày 12 tháng 10 năm 2013.

d. Lần 3: Bên B sẽ chuyển cho Bên A số tiền 15% tổng giá trị Hợp, tương đương US\$ 152,460 (Một trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đô la Mỹ) trong vòng năm (05) ngày dương lịch kể từ ngày bàn giao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

2.3. Hình thức thanh toán:

Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng, bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ), tỷ giá quy đổi USD/VNĐ được áp dụng theo tỷ giá bình quân Liên Ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Điều 3. Tiền thuê lại đất chưa có cơ sở hạ tầng (Tiền thuê đất thô)

Từ năm 2018 trở đi, Bên B có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất thô cho Nhà nước. Việc nộp tiền thuê đất thô sẽ được Bên B chuyển khoản ngân hàng cho Bên A để Bên A nộp lại cho Nhà nước. Giá tiền thuê đất thô, và các ưu đãi về miễn/ giảm tiền thuê đất thô được tính và áp dụng theo Quyết định của UBND tỉnh Hải Dương – Việt Nam vào từng thời điểm.

Điều 4. Các loại phí trả cho Bên A và chi phí khác

4.1. Phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng

a. Phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng quy định: VND8400/m²/năm (chưa bao gồm VAT). Phí này được tính kể từ ngày nhà máy của Bên B đi vào hoạt động. Mức phí này có thể được thay đổi hàng năm phù hợp với tỉ lệ trượt giá và theo quyết định của Bên A vào từng thời điểm.

b. Bên B thanh toán phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cho Bên A mỗi năm một lần, từ ngày 05 tháng 01 đến ngày 15 tháng 01 hàng năm.

c. Để làm rõ, phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng sẽ tách rời khỏi tiền thuê lại đất đã có các hạng mục hạ

tầng kỹ thuật quy định tại Điều 2 và tiền thuê đất thô quy định tại Điều 3 và các chi phí khác được quy định trong Hợp đồng này.

4.2. Phí Quản lý

a. Phí quản lý quy định là VND 2,100/m²/năm (chưa bao gồm thuế VAT). Phí này được tính kể từ ngày nhà máy của Bên B đi vào hoạt động. Mức phí này có thể được thay đổi hàng năm phù hợp với tỉ lệ trượt giá và theo quyết định của Bên A vào từng thời điểm.

b. Bên B thanh toán phí quản lý cho Bên A mỗi năm một lần, từ ngày 05 tháng 01 đến ngày 15 tháng 01 hàng năm.

c. Để làm rõ, phí quản lý sẽ tách rời khỏi tiền thuê lại đất đã có các hạng mục hạ tầng kỹ thuật quy định tại Điều 2 và tiền thuê đất thô quy định tại Điều 3 và các chi phí khác được quy định trong Hợp đồng này.

4.3. Phí xử lý nước thải

a. Nước thải từ nhà máy của Bên B phải được xử lý theo quy định của Bộ Tài Nguyên & Môi Trường trước khi xả vào hệ thống thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Bên A và phải tuân thủ theo quy định của Bên A, là đơn vị quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung.

b. Bên B đồng ý trả cho Bên A phí xử lý nước thải do nhà máy của Bên B thải ra. Mức phí này có thể được thay đổi hàng năm phù hợp với tỉ lệ trượt giá và theo quyết định của Bên A vào từng thời điểm.

c. Phí xử lý nước thải được tính từ khi nhà máy của Bên B đi vào hoạt động. Khối lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch đầu vào do nhà máy Bên B sử dụng theo số liệu ghi trên đồng hồ đo nước sạch vào cuối tháng.

d. Bên B sẽ ký Hợp đồng Xử lý nước thải trực tiếp với Bên A.

4.4. Các chi phí khác

Phí sử dụng điện, thông tin viễn thông và các loại phí dịch vụ khác được tính theo thực tế sử dụng của Bên B và được Bên B thanh toán trực tiếp cho các nhà cung cấp dịch vụ.

Riêng nước sạch, Bên B sẽ ký hợp đồng trực tiếp với Bên A và thanh toán cho Bên A chi phí tiền nước sử dụng.

Điều 5. Chậm thanh toán và lãi suất quá hạn

Trong trường hợp Bên B không thanh toán hoặc thanh toán chậm, không vượt quá bảy (07) ngày dương lịch kể từ ngày phải thanh toán cho Bên A các khoản tiền được nêu trong các Điều 2, Điều 3,

Điều 4 của Hợp đồng này, Bên B phải trả cho Bên A lãi suất chậm trả cho các khoản thanh toán đó.

Lãi suất chậm trả trong trường hợp này là lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Để làm rõ, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường được tính dựa trên mức trung bình của các lãi suất tương tự do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), và Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) công bố vào thời điểm thanh toán.

Thời gian chậm thanh toán các khoản phải trả quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 không vượt quá sáu mươi (60) ngày dương lịch kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Bên B trừ khi Bên A có chấp thuận khác bằng văn bản (ví dụ: cho gia hạn thanh toán). Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng này và thu hồi lô đất đã cho Bên B thuê lại nếu hết thời hạn sáu mươi (60) ngày dương lịch kể trên hoặc bất kỳ thời hạn nào được Bên A chấp thuận, Bên B không thực hiện việc thanh toán cho Bên A các khoản tiền quy định tại Điều 2, 3 và 4 của Hợp đồng này. Bên B khi đó được xem là tự nguyện từ bỏ quyền lợi của mình với Bên A và với Hợp đồng này.

Điều 6. Bàn giao lô đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Bên A sẽ bàn giao Lô đất cho Bên B vào ngày 12 tháng 10 năm 2013. Sau khi nhận bàn giao Lô đất, Bên B phải thực hiện xây dựng nhà xưởng theo chứng chỉ quy hoạch và các giấy phép hay chấp thuận mà Ban Quản Lý các Khu Công Nghiệp tỉnh Hải Dương cấp.

Trong vòng một trăm tám mươi (180) ngày dương lịch kể từ ngày Bên B thanh toán 85% tổng giá trị Hợp đồng, Bên A sẽ bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B với điều kiện là Bên B cung cấp đầy đủ các giấy tờ pháp lý và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật đất đai. Để nhận giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Bên B thanh toán số tiền còn lại, tương đương 15% tổng giá trị Hợp đồng, cho Bên A.

Điều 7. Chuyển giao, thay đổi, và chấm dứt Hợp đồng

7.1. Chuyển nhượng

Bên B không được chuyển giao bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào phát sinh từ Hợp đồng này hoặc cho bên thứ ba thuê lại hoặc sử dụng chung toàn bộ hoặc từng phần của Lô đất trừ trường hợp được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A. Bất kỳ sự chuyển giao, cho thuê lại hay sử dụng chung nào đều không có hiệu lực khi chưa có chấp thuận của Bên A.

Trong trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A, Bên B được quyền chuyển nhượng tài sản trên đất và quyền sử dụng phần diện tích đất đã thuê của mình cho một đơn vị thứ ba (Bên C). Tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc chuyển nhượng sẽ được Bên B thanh toán theo các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam; đồng thời Bên B phải thanh toán cho Bên A 2% (hai phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng chuyển nhượng giữa Bên B và Bên C; và Bên B có nghĩa vụ thực hiện các khoản thuế liên quan đến việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7.2. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất và tiếp tục cho thuê lại

a. Trường hợp Bên B hoặc tài sản của Bên B bị chia tách, sáp nhập, hợp nhất để tạo nên một pháp nhân mới, Bên B phải thông báo cho Bên A trước sáu mươi (60) ngày dương lịch và phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A về việc chuyển nhượng Hợp đồng này cho pháp nhân được hình thành từ việc chia tách, sáp nhập hay hợp nhất đó. Bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp này (Bên C) phải kế thừa và tiếp tục thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này. Trước khi làm thủ tục chuyển nhượng cho Bên C khi Bên B thực hiện chia tách, sáp nhập hay hợp nhất, Bên B phải thanh toán tất cả các khoản nợ (nếu có) phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này cho Bên A và có phiếu xác nhận đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

b. Trong trường hợp Bên A bị giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc phá sản, về nguyên tắc, Hợp đồng này vẫn có giá trị đối với người kế tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên A theo phán quyết của Tòa án, chỉ định của cơ quan có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, trừ khi các bên liên quan có thoả thuận khác.

c. Khi Hợp đồng hết hạn, Bên B thông báo trước cho Bên A trong thời hạn một trăm tám mươi (180) ngày dương lịch nếu Bên B không có nhu cầu tiếp tục thuê lại Lô đất. Bên B có trách nhiệm tháo dỡ tài sản, máy móc và bàn giao lại Lô đất cho Bên A. Nếu Bên B có nhu cầu tiếp tục thuê lại đất sau khi hết thời hạn thuê lại đất đầu tiên được quy định tại Hợp đồng này thì Bên B sẽ bàn bạc, thỏa thuận lại với Bên A về giá thuê đất, phương thức thanh toán và thời gian thuê.

7.3. Hợp đồng này cùng với bất kỳ quyền hay nghĩa vụ nào đi kèm, bao gồm cả quyền sử dụng đất đối với Lô đất, đều không thể được cầm cố, thế chấp hoặc dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính của Bên B đối với bất kỳ một bên thứ ba nào khác mà không được chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.

Điều 8. Trách nhiệm của các bên

8.1. Trách nhiệm của Bên A

a. Bên A đảm bảo chắc chắn Lô đất XN1-1 đã có đầy đủ cơ sở pháp lý cho Bên B thuê lại.

b. Giá cho thuê lại Lô đất được đảm bảo trong suốt quá trình thanh toán và trong suốt thời gian thuê lại đất là US\$56/m² (Năm mươi sáu đô la Mỹ cho 1 m²), chưa VAT.

c. Bên A tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của Bên B xây dựng trên Lô đất trong suốt thời gian thuê lại đất.

d. Bên A có trách nhiệm cung cấp nguồn điện 35KV/22KV, nước sạch, hệ thống thoát nước đến chân hàng rào của nhà máy của Bên B. Việc lắp đặt, đấu nối hệ thống điện, nước sạch, thoát nước từ chân hàng rào vào đến nhà máy của Bên B sẽ do Bên B tự chi trả và tự chịu trách nhiệm thực hiện.

e. Bên A có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

f. Bên A sẽ hỗ trợ Bên B xin giấy chứng nhận đầu tư, khắc dấu và đăng ký mã số thuế của công ty với điều kiện là Bên B đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư và cung cấp đầy đủ

giấy tờ, chứng minh cần thiết để đạt được chấp thuận từ phía cơ quan cấp giấy phép.

g. Tuân thủ các cam kết khác trong Hợp đồng này.

8.2. Trách nhiệm của Bên B

a. Thanh toán đúng, đầy đủ các khoản tiền theo Điều 2, 3 và 4 của Hợp đồng này, và thanh toán các loại phí, chi phí, thuế phát sinh khác theo quy định của Nhà nước.

b. Sử dụng Lô đất thuê đúng mục đích đã nêu cụ thể trong Hợp đồng này, tuân thủ các quy định được áp dụng về bảo vệ môi trường và không gây bất kỳ thiệt hại nào đến lợi ích và quyền lợi hợp pháp của những người sử dụng đất lân cận, tự bảo vệ tài sản của Bên B trong hàng rào Lô đất.

c. Bên B chỉ được phép xây dựng các hạng mục xây dựng (nhà xe, nhà bảo vệ, nhà làm việc, xưởng, kho...) không vượt quá 70% diện tích đất thuê lại từ Bên A và thực hiện đúng các quy định quản lý xây dựng cơ bản của Bên A. Trước khi xây dựng, Bên B nộp cho Bên A đồ án thiết kế kỹ thuật để Bên A kiểm tra lại các chỉ giới của các công trình xây dựng trước khi xây dựng. Chỉ giới xây dựng nhà máy của Bên B tuân thủ theo các quy định của Bên A.

d. Tuân thủ các cam kết khác trong Hợp đồng này và các hướng dẫn của Bên A hoặc Nội quy Khu công nghiệp Lai Cách liên quan đến bảo vệ môi trường, xả nước thải, an ninh trật tự trong khu công nghiệp, xây dựng và vận hành nhà máy của Bên B (Nội quy Khu công nghiệp Lai Cách được đính kèm như một phần không tách rời khỏi Hợp đồng này).

Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng

9.1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt nếu hết thời hạn thuê lại quy định trong Hợp đồng mà hai bên không thoả thuận gia hạn hợp đồng. Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm và bằng chi phí của mình tháo dỡ toàn bộ các hạng mục công trình trên Lô đất bàn giao lại Lô đất như tình trạng khi thuê ban đầu cho Bên A vào ngày 29/05/2057.

9.2. Bên B sẽ bị coi là vi phạm Hợp đồng trong một trong những trường hợp sau:

a. Nếu Bên B nhận được bất cứ đơn yêu cầu thi hành án, tịch biên tài sản tạm thời, hoặc bán đấu giá tài sản bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b. Bên B bị phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động.

c. Nếu Bên B không thanh toán đầy đủ tiền thuê lại đất (theo Điều 2), tiền thuê đất thô (theo Điều 3) và các loại tiền phải trả khác cho Bên A (theo Điều 4) trong vòng sáu mươi bảy (67) ngày kể từ ngày đến hạn của các khoản thanh toán đó.

d. Nếu Bên B vi phạm bất cứ một điều khoản nào của Hợp đồng này hoặc của Nội quy Khu công nghiệp Lai Cách.

e. Nếu Bên A xét thấy hoặc thấy rằng (hoàn toàn theo quan điểm của Bên A) Bên B gây tổn thất hoặc làm mất mát tài sản trong Khu công nghiệp Lai Cách.

f. Nếu Bên B thực hiện cầm cố, thế chấp Lô đất hoặc dùng quyền sử dụng đất đối với Lô đất để đảm bảo cho một nghĩa vụ tài chính đối với bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

g. Nếu Giấy chứng nhận Đầu tư của Bên B bị huỷ, thu hồi, hết hiệu lực hoặc hết hạn.

9.3. Trong trường hợp Bên B vi phạm bất cứ một điều khoản nào trong Hợp đồng này hay Nội qui Khu công nghiệp Lai Cách hoặc trong bất kỳ một trường hợp nào trong Điều 9.2 xảy ra, Bên A sẽ gửi thông báo cho Bên B về vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Nếu Bên B không khắc phục vi phạm trong vòng mười bốn (14) ngày dương lịch kể từ ngày thông báo thì Bên A sẽ (nhưng không bắt buộc) chấm dứt Hợp đồng này.

9.4. Trong trường hợp Hợp đồng này chấm dứt phù hợp với Điều 9.3:

a. Lô đất sẽ được tự động trao lại cho Bên A; và

b. Tiền thuê lại đất đã trả theo Điều 2 sẽ không được trả lại cho Bên B.

9.5. Bất kể quy định tại Điều 9.4(a), trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt phù hợp với Điều 9.3 vì lý do theo Điều 9.2(a), Điều 9.2(b), và Điều 9.4(a) không có khả năng thi hành và Lô đất được giao cho bên thứ ba theo quyết định của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc theo pháp luật Việt Nam, các thủ tục quy định tại Điều 7.2 sẽ được áp dụng. Trong trường hợp này, trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng quy định tại Điều 7.2, Bên B và bên nhận chuyển nhượng sẽ giải trình với Bên A một cách thỏa đáng và hợp lý về khả năng và năng lực thực hiện đầy đủ các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này. Bên A có quyền từ chối quyền tiếp cận Lô đất và/hoặc làm chậm trễ hay trì hoãn việc cung cấp cho bên nhận chuyển nhượng các dịch vụ duy trì, quản lý và hành chính của Khu công nghiệp Lai Cách nếu bên nhận chuyển nhượng không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm nào theo Hợp đồng này.

Điều 10. Bất khả kháng

Không bên nào phải chịu trách nhiệm về sự chậm trễ hay không thực hiện những nghĩa vụ trong Hợp đồng này trong trường hợp sự chậm trễ hay không thực hiện đúng nghĩa vụ do trường hợp bất khả kháng như hoả hoạn, nổ, bãi công, bạo động, chiến tranh, thiên tai hay những nguyên nhân tương tự nằm ngoài sự kiểm soát của các bên và không thể khắc phục được trong một khoảng thời gian nhất định bằng cách áp dụng các biện pháp cần thiết. Nếu một bên dựa vào trường hợp bất khả kháng để không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong Hợp đồng này, bên đó phải cung cấp một bản tường trình cho bên kia về những cố gắng họ đã vượt qua. Trong thời gian diễn ra trường hợp bất khả kháng, các bên vẫn tiếp tục thực hiện những nghĩa vụ có thể trong Hợp đồng này.

Điều 11. Điều khoản chung

11.1. Hợp đồng này được điều chỉnh và diễn giải theo quy định của pháp luật Việt Nam.

11.2. Trong vòng một trăm tám mươi (180) ngày dương lịch sau khi Bên B thực hiện đầy đủ việc

thanh toán cho Bên A và Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp cho Bên B, vì bất kỳ lý do gì mà Bên B không thực hiện việc đầu tư dự án tại Khu công nghiệp Lai Cách thì Bên B phải có văn bản gửi cho Bên A. Hai bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp đồng này. Khi đó Bên B hoàn trả lại Lô đất cho Bên A, Bên A sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền Bên B đã thanh toán cho Bên A sau khi khấu trừ phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, phí quản lý, phí xử lý nước thải và 10% tổng giá trị Hợp đồng chưa bao gồm VAT. Bên A không có trách nhiệm hoàn trả số tiền VAT cho Bên B.

11.3. Trong thời gian mười hai (12) tháng kể từ ngày bàn giao Lô đất, nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B chưa sử dụng Lô đất thì Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản nêu rõ lý do chưa sử dụng Lô đất. Bên A sau khi nhận được công văn của Bên B sẽ: (i) đồng ý bằng văn bản tiếp tục gia hạn cho Bên B thêm mười hai (12) tháng trên mỗi lần xin gia hạn hoặc (ii) xem xét các lý do và giải quyết cho phù hợp với các quy định về Luật quản lý đất đai của Việt Nam.

11.4. Trong thời gian mười hai (12) tháng kể từ ngày bàn giao Lô đất, Bên B phải thực hiện việc xây dựng nhà máy theo chứng chỉ quy hoạch do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp. Nếu hơn mười hai (12) tháng kể từ ngày Bên B phải tuân thủ tiến độ thực hiện dự án đã đăng ký như trong Giấy chứng nhận đầu tư được cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương và nếu Bên B không tuân thủ đúng Điều 11.3 của Hợp đồng này thì Bên A được quyền thu hồi lại diện tích đất này để cho các đơn vị khác có nhu cầu thuê cũng như để đáp ứng đầy đủ tiến độ xây dựng Khu công nghiệp theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Bên A sẽ hoàn trả lại Bên B toàn bộ số tiền mà bên B đã thanh toán cho Bên A sau khi khấu trừ phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, phí quản lý, phí xử lý nước thải và 10% tổng giá trị Hợp đồng chưa bao gồm VAT. Bên A không có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền VAT cho Bên B.

11.5. Bất cứ tranh chấp hay khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên ưu tiên giải quyết trên cơ sở thương lượng và hoà giải.

11.6. Trong vòng ba (3) tháng kể từ khi tranh chấp hay khiếu nại phát sinh mà các bên không thương lượng hay hoà giải được, bất cứ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp hay khiếu nại đó ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo các trình tự và thủ tục luật định.

11.7. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu hai Bên có điều khoản cần điều chỉnh, bổ sung thì hai Bên sẽ lập Phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

11.8. Hợp đồng này được lập thành sáu (06) bản có giá trị pháp lý như nhau. Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Hải Dương và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, mỗi cơ quan giữ một (01) bản. Bên A và Bên B, mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

11.9. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. *f*



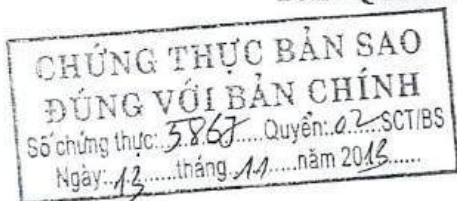
Bà **TRƯƠNG TÚ PHƯƠNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà **HUYNH THỊ THU SƯƠNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC



BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG



Ông **MAI ĐỨC CHỌN**



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hữu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 537 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại
tại Lô XN1-1, khu công nghiệp Lai Cách, huyện Cẩm Giàng”
của Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường, ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại tại Lô XN1-1, khu công nghiệp Lai Cách, huyện Cẩm Giàng” của Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cường, họp ngày 09 tháng 01 năm 2014 tại phòng họp của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 59/TTr-STNMT ngày 24 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại tại Lô XN1-1, khu công nghiệp Lai Cách, huyện Cẩm Giàng” (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cường (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:
 - Sản xuất đế giấy thể thao với công suất: 3.600.000 đôi/năm;

- Sản xuất để lót xốp bằng EVA các loại với công suất 3.600.000 đôi/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Dự án phải đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2009/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh QCVN 06:2009/BTNMT.

2.2. Trong giai đoạn vận hành Dự án phải thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án, xử lý đạt giá trị thỏa thuận với Công ty TNHH Đại Dương (Chủ đầu tư khu công nghiệp Lai Cách) và phải được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Lai Cách. Trong khi khu công nghiệp Lai Cách chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; yêu cầu Chủ dự án phải xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT với giá trị Cmax mức A mới được thải ra môi trường.

2.3. Trong giai đoạn vận hành Dự án phải xử lý khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT mức B trước khi thải ra môi trường xung quanh.

2.4. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

2.5. Thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.6. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án để góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và làm đẹp cảnh quan, đảm bảo tối thiểu 20% diện tích đất của Dự án.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động, xử lý sự cố môi trường và những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến hoạt động của Dự án.

3.2. Thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Thường xuyên kiểm tra và vận hành ổn định các công trình xử lý môi trường nhằm đảm bảo tất cả các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về môi trường khi có thanh tra,



kiểm tra về việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động của toàn bộ Dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Phải đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường theo quy định.
2. Thực hiện nghiêm các biện pháp, giải pháp công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm và xử lý chất thải trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án.
3. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý và giám sát môi trường: chất thải với tần suất 03 tháng/lần, môi trường xung quanh với tần suất 06 tháng/lần; định kỳ 06 tháng báo cáo kết quả kiểm soát và công tác bảo vệ môi trường với Chi cục Bảo vệ môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng để theo dõi.
4. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường qui định tại các khoản 2 và 3 Điều 1 của Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cương;
- Chủ tịch UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT. Ô.Đông (8b)✓

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Cường

Số: 47 /GXN-STNMT

Hải Dương, ngày 18 tháng 3 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp
các loại tại lô XN1-1, KCN Lai Cách, huyện Cẩm Giàng
của Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại tại lô XN1-1, KCN Lai Cách, huyện Cẩm Giàng của Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cường thực hiện vào ngày 25 tháng 8 năm 2015;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường,

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cường đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh xuất khẩu phụ liệu ngành giấy dếp các loại tại lô XN1-1, KCN Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, sau đây:

- Công trình, thiết bị, biện pháp thu gom, xử lý nước thải bao gồm: hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn, nước thải; công trình bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 61,8 m³ xử lý nước thải sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 40 m³/ngđ, bao gồm: bể điều hòa, bể hiếu khí, bể lắng, bể lọc, bể khử trùng và các máy móc, thiết bị kèm theo.

- Công trình, thiết bị, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải bao gồm: hệ thống thu và xử lý bụi, khí thải lò hơi, bao gồm: tháp tách bụi ướt, ống khói; hệ thống điều



hòa nhiệt độ và quạt công nghiệp tại khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.

- Công trình, thiết bị, biện pháp lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường bao gồm: thiết bị chuyên dụng, kho lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải thông thường.

- Các quy trình, kế hoạch, chương trình về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường; các biện pháp phòng chống cháy nổ, chống sét.

Điều 2. Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cương có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường và các cơ quan chức năng có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Cương;
- Lưu: VT Sở, Chi cục BVMT.



Tạ Hồng Minh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

HỢP ĐỒNG

Số: 21.06/HD2021/MP-TC

“Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại”

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự Số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường Số: 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;
- Căn cứ vào Nghị định Số: 38/2015/ND-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ Quy định về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ thông tư số: 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Căn cứ giấy xử lý Chất thải nguy hại số 1-2-3.052.VX của Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Minh Phúc, cấp lần 2 ngày 28 tháng 08 năm 2019.
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH SX và TM Tân Cương và khả năng của Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Minh Phúc.

Hôm nay, ngày 21 tháng 06 năm 2021 tại Công ty Cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SX VÀ TM TÂN CƯƠNG

Người đại diện: YE JING RONG

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô đất XN1-1, KCN Lai Cách, km 49, QL5, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 02203.555.268

Mã số thuế: 0801039231

Số tài khoản:

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC

Người đại diện: Lưu Quang Vũ

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Khu 1 - thị trấn Kê Sắt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương – Việt Nam

Điện thoại: 0220.3773 669/02206.281919

Mã số thuế: 0800533462

Tài khoản số: 2309201004110 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bình Giang

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng “ Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại” với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU



1. Vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Công ty TNHH SX và TM Tân Cường

2. Vận chuyển và xử lý những chất thải nguy hại tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

3. Vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt

4. Vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

1. *Địa điểm giao nhận chất thải:* Kho lưu giữ chất thải của Công ty TNHH SX và TM Tân Cường tại Lô đất XN1-1, KCN Lai Cách, km 49, QL5, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

2. *Địa điểm lưu giữ, xử lý:* Công ty cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc tại khu 1 thị trấn Kê Sặt, Bình Giang, Hải Dương.

3. *Thời gian phương thức giao nhận:* Chuyển giao khi có sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên.

4. *Danh mục, số lượng chất thải:*

4.1 *Danh mục chất thải phát sinh:*

STT	Diễn giải	Mã CTNH	Ghi chú
1.	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	
2.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	
3.	Dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	
4.	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	
5.	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ bình hóa chất thải)	18 01 02	
6.	Chất thải sinh hoạt	-----	
7.	Chất thải công nghiệp không nguy hại	-----	

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh thêm chất thải thì hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung

4.2 *Số lượng chất thải:*

- Tuỳ theo lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

5. *Phương tiện vận chuyển:* Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho hàng hoá lên xe.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. *Đơn giá vận chuyển - xử lý chất thải:*

- Đơn giá có phụ lục kèm theo

- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và chi phí chuyển tiền qua tài khoản

2. *Phương thức thanh toán*

- Sau khi cả hai bên ký vào hợp đồng Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản 100% giá trị hợp đồng sau khi bên A nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ từ bên B.



- Bên B sẽ trả bên A các liên chứng từ chất thải nguy hại (nếu có) sau khi bên A thanh toán hoá đơn đầy đủ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm bên A

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải nguy hại, bên A phải báo trước cho bên B ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ vận chuyển vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển phù hợp.

- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường, yêu cầu ghi rõ tên, số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao cho bên B các liên còn lại.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, xử lý CTNH để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

- Đảm bảo không có bên thứ 3 tham gia vào quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải có trong hợp đồng.

- Phải có trách nhiệm đến cùng với chất thải đã bàn giao, phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng bên B vận chuyển và xử lý những chất thải nói trên một cách an toàn, hiệu quả và triệt để. Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương về quá trình thực hiện quản lý CTNH theo quy định của nhà nước.

2. Trách nhiệm của bên B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại CTNH của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển, xử lý và ngay lập tức thông báo cho bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có).

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.

- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý CTNH.

- Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.



- Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Thông tư 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

- Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

ĐIỀU 5. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Kết thúc thời hạn của hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin.

- Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

- Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam. Khi đó hai bên phải ký biên bản thanh lý hợp đồng.

- Một trong hai bên có thể đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Khi bên A hoặc bên B lâm vào tình trạng bất khả kháng hoặc năng lực xử lý tạm thời bị hạn chế thì các bên chủ động thông báo bằng văn bản để thống nhất công việc.

+ Bên A thanh toán không đúng thời hạn.

- Thủ tục đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng: hai bên gửi văn bản tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng cho bên còn lại.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 20/06/2023

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

- Hai bên không được đơn phương sửa đổi nội dung hay huỷ bỏ hợp đồng. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được hai bên thống nhất và ký kết bằng Phụ lục hợp đồng kèm theo các điều khoản chi tiết. Bất cứ sự tẩy xóa, sửa đổi nào đều không có hiệu lực.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, kịp thời thông báo cho nhau cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới Tòa án kinh tế Hải Dương để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan.

- Hợp đồng lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



**TỔNG GIÁM ĐỐC
YE JING RONG**

ĐẠI DIỆN BÊN B



**TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ**



CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 146 /NT-PCCC

Hải Dương, ngày 15 tháng 05 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC);

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 14/TD-PCCC (2014) ngày 24/01/2014; Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 219/TD-PCCC&CNCH ngày 10/4/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hải Dương.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC ngày 22/4/2024 của Công ty TNHH SX-TM Tân Cường.

Người đại diện là Ông Ye Jing Rong; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu lần 2 về PCCC ngày 03/5/2024 và Công văn kiến nghị kết quả kiểm tra nghiệm thu số 54/CV-PCCC ngày 17/11/2014; Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hải Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình Nhà xưởng số 1 (số 5), nhà kho (số 6) và nhà xưởng số 2 (số 7) thuộc Công ty TNHH SX-TM Tân Cường, với các nội dung sau:

Địa điểm: Lô đất XN 1-1, KCN Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH SX-TM Tân Cường.

Đơn vị thi công hạng mục xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Ngân.

Đơn vị thi công hạng mục PCCC: Công ty TNHH Thiết bị Phòng cháy và chữa cháy Hải Dương.

Đơn vị tư vấn giám sát PCCC: Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy Đăng Khoa.

Quy mô công trình:

- Nhà xưởng số 1 (Nhà số 5): xây dựng 01 tầng, diện tích 2.772 m², kết cấu nhà khung thép chịu lực, mái tôn.

- Nhà kho (Nhà số 6): xây dựng 01 tầng, diện tích 2.112 m², kết cấu nhà khung thép chịu lực, mái tôn.

- Nhà xưởng số 2 (Nhà số 7): xây dựng 01 tầng, diện tích 2.304 m², kết cấu nhà khung thép chịu lực, mái tôn.

Các hạng mục phụ trợ: Trạm bơm, bể nước.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Mặt bằng bố trí công năng trong công trình;

- Khoảng cách an toàn PCCC; Bậc chịu lửa công trình;

- Đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Lối, đường thoát nạn; Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống chống sét;
- Phương tiện chữa cháy ban đầu; phương tiện phá dỡ thô sơ;

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo yêu cầu PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ sau đó gửi hồ sơ thiết kế điều chỉnh đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. / 100

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CA tỉnh;
- Đ/c Thượng tá Phạm Chí Hiếu – PGD CAT;
- Ban quản lý các KCN tỉnh;
- Lưu: VT, PCCC và CNCH.



Thượng tá Hà Tiến Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *206* /UBND - VP

Hải Dương, ngày *03* tháng 02 năm 2017

V/v thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường bổ sung để tăng công suất so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH sản xuất, thương mại Tân Cương.

Sau khi xem xét đề nghị tại Công văn số 08/CV-2016 ngày 29/12/2016 của Công ty TNHH sản xuất, thương mại Tân Cương; địa chỉ: Lô XN1-1, khu công nghiệp Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về việc bổ sung công suất tăng thêm vào Hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; báo cáo và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 129/STNMT-CCBVMТ ngày 25/01/2017 về việc xem xét đề nghị của Công ty TNHH sản xuất, thương mại Tân Cương;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty TNHH sản xuất, thương mại Tân Cương thực hiện các giải pháp: bổ sung khoảng 100 lao động để tăng ca sản xuất tại một số công đoạn từ 01 ca lên 02 ca/ngày và tăng thời gian làm việc của công nhân từ 8 giờ lên 10 giờ/ngày (làm thêm giờ) để nâng tổng công suất lên 13.200.000 sản phẩm/năm (theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 ngày 26/10/2016) vào nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 25/02/2014.

2. Công ty TNHH sản xuất, thương mại Tân Cương có trách nhiệm:

- Thực hiện thu gom và xử lý triệt để các loại chất thải phát sinh theo đúng các phương án xử lý của Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và cấp Giấy xác nhận số 47/GXN - STNMT ngày 18/3/2016 đảm bảo đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt; phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Quyết định phê duyệt và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt và các nội dung được chấp thuận tại văn bản này.



3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty, những biện pháp, giải pháp công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét giải quyết. 1.7.11

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lưu: VP; Ô. Đông (7b)/h



Nguyễn Anh Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN VIỆT NAM
VIETNAM SAFETY TRAINING AND VERIFY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 9 - ngách 83/32 - ngõ 83 đường Ngọc Hồi - P. Hoàng Liệt - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0243 640 8666 - Fax: 0243 640 8433 - Số đăng ký chứng nhận: 64/GCN-KĐ

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH SX – TM TÂN CƯƠNG

Địa chỉ: Lô XN 1-1, KCN Lai Cách, Km 49, QL5,

Thị trấn Lai Cách H. Cẩm Giàng, T. Hải Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

▪ Tên đối tượng kiểm định: NỒI GIA NHIỆT DẦU

Nhóm thiết bị: Nồi gia nhiệt dầu

▪ Mã hiệu: YLW-2100

▪ Số chế tạo: FCA40482

▪ Nhà sản xuất/nước sản xuất: Trung Quốc

▪ Năm chế tạo: 2018

▪ Đặc tính, thông số kỹ thuật:

· Áp suất thiết kế: 8,0 bar

· Áp suất làm việc: $\leq 5,0$ bar

· Công suất: 2100 kW

· Nhiệt độ thiết kế: 295 °C

· Nhiệt độ làm việc: ≤ 295 °C

· Môi chất tải nhiệt: Dầu gia nhiệt

· Nhiên liệu sử dụng: Than đá

· Công dụng: Gia nhiệt dầu phục vụ sản xuất

▪ Địa điểm lắp đặt: Lô XN 1-1, KCN Lai Cách, Km 49, QL5

Thị trấn Lai Cách, Cẩm Giàng, Hải Dương

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:

2404.041/02/KĐHL-TBAL ngày 11/04/2024. (*)

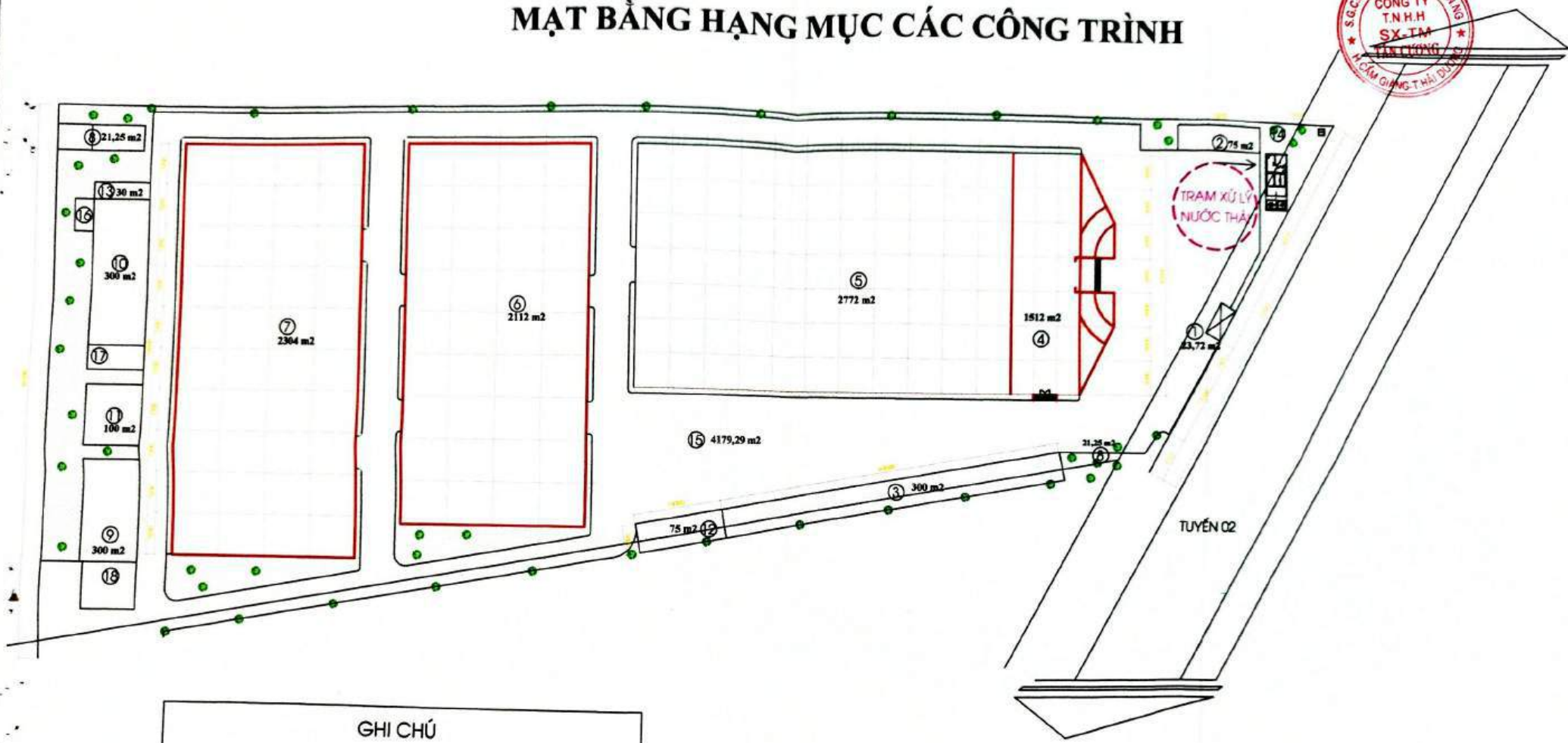
Tem kiểm định số: 2404.041

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 11/04/2025.

Hình ảnh QRCode



(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản.

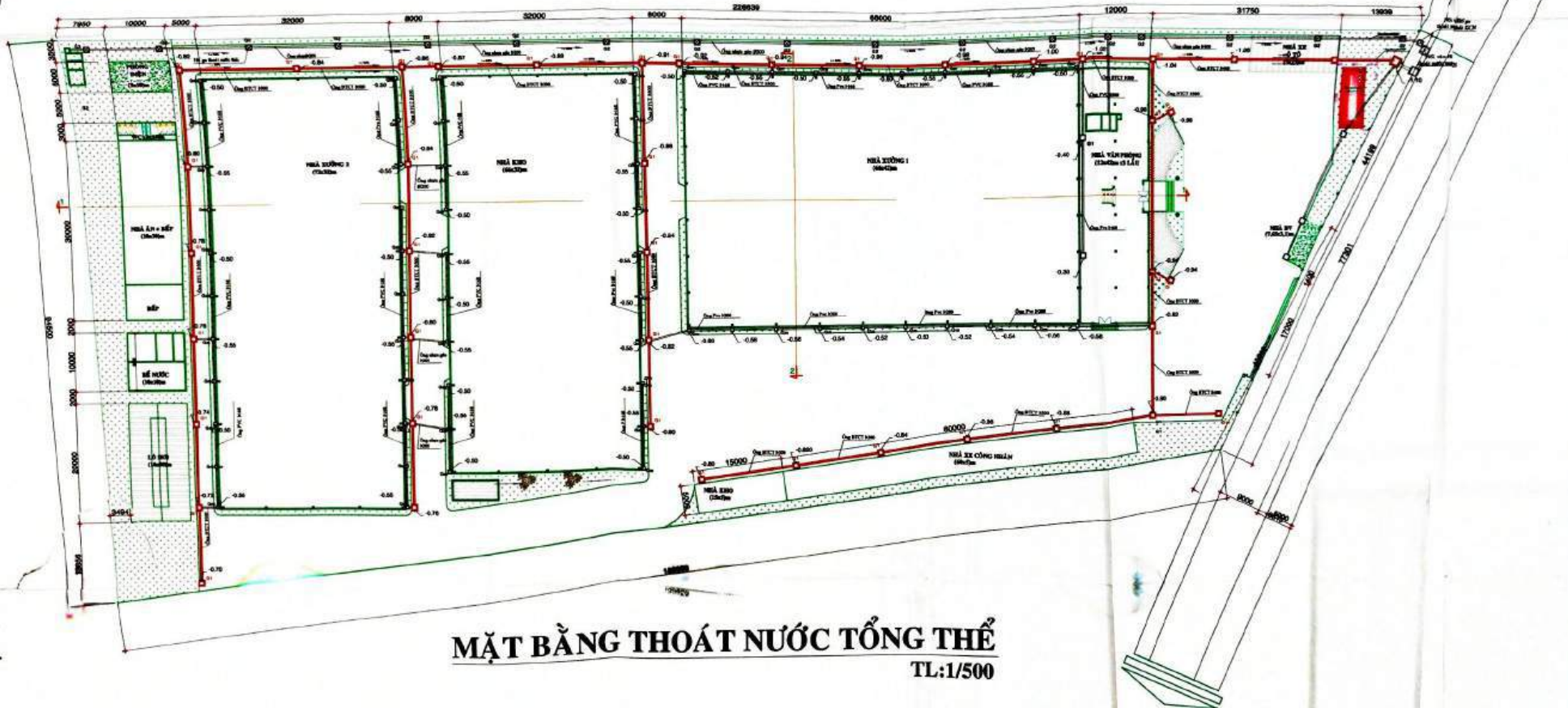


① NHÀ BẢO VỆ	⑦ NHÀ XƯƠNG SX 02	⑬ NHÀ VỆ SINH CHUNG
② NHÀ ĐỂ Ô TÔ	⑧ TRAM BIẾN ÁP, PHÒNG ĐIỆN	⑭ CÂY XANH, THẨM CỎ
③ NHÀ XE CÔNG NHÂN	⑨ LÒ HƠI	⑮ ĐƯỜNG GT NỘI BỘ
④ NHÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC	⑩ NHÀ ĂN CÀ	⑯ KHO LẠNH
⑤ NHÀ XƯƠNG SX 01	⑪ BẾ NƯỚC	⑰ BẾ GÁ
⑥ NHÀ KHO	⑫ NHÀ KHO	⑱ KHO THAN

- | | | |
|--------------------------|----------------------------|---------------------|
| ① NHÀ BẢO VỆ | ⑦ NHÀ XƯƠNG SX 02 | ⑬ NHÀ VỆ SINH CHUNG |
| ② NHÀ ĐỂ Ô TÔ | ⑧ TRAM BIẾN ÁP, PHÒNG ĐIỆN | ⑭ CÂY XANH, THẨM CỎ |
| ③ NHÀ XE CÔNG NHÂN | ⑨ LÒ HƠI | ⑮ ĐƯỜNG GT NỘI BỘ |
| ④ NHÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC | ⑩ NHÀ ĂN CÀ | ⑯ KHO LẠNH |
| ⑤ NHÀ XƯƠNG SX 01 | ⑪ BỂ NƯỚC | ⑰ BẾ GÁ |
| ⑥ NHÀ KHO | ⑫ NHÀ KHO | ⑱ KHO THAN |



MẶT BẰNG VỊ TRÍ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 40M³/NGÀY ĐÊM



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ
TL:1/500

HỆ	
A	
B	
C	
D	
LƯU	NGÀY
TRUNG TÂM VÀ KẾ	
ĐC: SỐ 12, NGÕ 1, MẠI DỊCH, CÁI	
Mail: Hanhn	
CHỦ ĐẦU TƯ	
C.T TNHH SX	
TÊN CÔNG TR	
TRẠM XỬ L	
HẠNG MỤC	
TRẠM XỬ L	
ĐỊA ĐIỂM	
KCN LAI CÁCH HẢI D	
GIAI ĐOẠN	
TÊN BẢN VẼ	
BẢN VẼ MẶT BẰNG	
HỆ THỐNG	
CHỨC VỤ	HỌ VÀ T
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VĂN
CHỦ TRƯỞNG	NGUYỄN VĂN
C. NHÀ CƯ	PHẠM THỊ H
THIẾT KẾ	LÊ QUANG D
TỈ LỆ	
NGÀY	
SỐ HỢP ĐỒNG	
BẢN VẼ	
9 - 2014	